



CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ
TRƯỜNG THÀNH

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

nơi nào có Ý CHÍ
nơi đó có CON ĐƯỜNG

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

MÃ CHỨNG KHOÁN: TTF

Tên tiếng Anh: Truong Thanh Furniture Corporation

Tên viết tắt: TTFC hoặc TTF

Giấy CNĐKKD: Số 3700530696 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, đăng ký thay đổi lần 12 ngày 9 tháng 1 năm 2014

Vốn Điều lệ: 735.000.000.000VND
(Bảy trăm ba mươi lăm tỷ đồng)

Vốn Đầu tư của Chủ sở hữu:
735.000.000.000VND
(Bảy trăm ba mươi lăm tỷ đồng)

Ngành nghề kinh doanh chính:

- ▶ Sản xuất, mua bán và xuất khẩu các loại đồ gỗ, ván dăm PB, ván ép, ván lạng và ván sàn;
- ▶ Trồng rừng sản xuất;
- ▶ Mua bán nguyệt vật liệu ngành chế biến gỗ;
- ▶ Sản xuất và mua bán bao bì giấy

Địa bàn kinh doanh:

▶ Trên 30 quốc gia trên thế giới bao gồm Châu Âu (Anh, Pháp, Đức, Ý, Tây Ban Nha...), Mỹ, Canada, Nhật Bản, Hàn Quốc, Úc, Nam Phi, Nga...

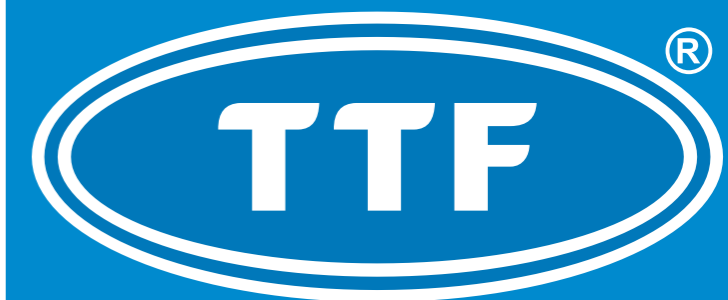
▶ Tại Việt Nam bao gồm TP.HCM, Tây Ninh, Bình Dương, Đà Lạt, Dak Lak, Dak Nong, Bến Tre, Đồng Tháp, Cần Thơ, An Giang, Kiên Giang, Nha Trang, Bình Định, Đà Nẵng, Huế, Hà Nội...



Trụ sở chính: Đường DT747, Khu phố 7, Thị trấn Uyên Hưng, Huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

Điện thoại: (84-0650) 3642 004
Fax: (84-0650) 3642 006
Email: contact@truongthanh.com
Website: www.truongthanh.com

Logo của Công ty:



CÁC SẢN PHẨM TIÊU BIỂU



Sản phẩm Nội thất



Sản phẩm Ngoại thất



Sản phẩm Ván sàn



Sản phẩm Cửa gỗ

TÓM TẮT KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2013



Sản phẩm dành cho công trình xây dựng và trang trí nội thất

- ▶ Tổng doanh số hợp nhất đạt **1.550.346.175.020** đồng, **giảm gần 41%** so với 2012
- ▶ Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ đạt **3.869.364.621** đồng, **tăng 55%** so với 2012

Thông tin tài chính cơ bản

A. Kết quả kinh doanh:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Diễn giải	2009	2010	2011	2012	2013
Tổng doanh thu	1.971	2.188	3.015	2.625	1.550
Lợi nhuận gộp	213	357	362	335	305
Tỷ suất lợi nhuận gộp/ doanh thu thuần	10,83%	16,46%	12,07%	12,75%	19,74%
Chi phí tài chính	107	208	292	241	219
Chi phí bán hàng	23	29	28	18	13
Chi phí quản lý	83	96	109	89	78
Lợi nhuận trước thuế	30,28	43,72	16,99	(0,70)	(4,17)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	21,78	39,02	9,29	2,50	3,87
EPS (đồng)	708	1.249	297	74	76

B. Cân đối kế toán tại thời điểm 31/12:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Diễn giải	2009	2010	2011	2012	2013
Tài sản ngắn hạn	1.926	1.955	2.559	2.539	2.786
Tài sản dài hạn	649	680	780	759	732
Tổng tài sản	2.575	2.635	3.339	3.298	3.518
Nợ ngắn hạn	1.667	1.720	2.418	2.318	2.418
Nợ dài hạn	128	120	124	192	152
Tổng Nợ phải trả	1.795	1.840	2.542	2.510	2.570
Vốn Chủ sở hữu	662	678	687	682	852
Lợi ích của cổ đông thiểu số	118	117	110	96	106
Tổng cộng nguồn vốn	2.575	2.635	3.339	3.298	3.518

THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kính thưa Quý Cổ đông!

Như Quý Cổ đông đã biết, trong suốt thời gian 2012 và 2013 vừa qua, Công ty chúng ta ở trong tình trạng vô cùng khó khăn. Xuất phát từ hàng tồn kho lớn, dư nợ cao, dẫn đến các công ty trong Tập đoàn đã phải trả lãi rất lớn cho ngân hàng trong nhiều năm qua (trung bình 230 tỷ/năm). Việc này đã gây áp lực ngân lưu rất lớn với Công ty, chưa kể một số ngân hàng đã cắt giảm hạn mức trong năm 2012 và 2013 càng làm cho nguồn vốn lưu động của Công ty khó khăn thêm. Việc thiếu ngân lưu này đã làm giảm mức sản xuất đáng kể của Công ty trong năm 2013 và Công ty đã không đáp ứng được tiến độ giao hàng cho khách, giảm uy tín thương hiệu và mất đi một số khách hàng. Công ty cũng đã nhiều lần suýt rơi vào tình trạng ngưng hoạt động khi nguồn tiền thu về không kịp để trả lương cho công nhân và mua nguyên vật liệu để sản xuất. Mãi đến tháng 9/2013, khi cuộc họp với các ngân hàng chủ nợ được tổ chức bởi Ngân hàng Nhà nước tỉnh Bình Dương, nhằm tháo gỡ khó khăn cho TTF thông qua việc các ngân hàng dẫn nợ và lãi vay để Công ty có vốn hoạt động, thì mới tránh được nguy cơ ngưng hoạt động nêu trên. Tuy nhiên, đây chỉ là giải pháp ngắn hạn vì các ngân hàng không thể gia hạn mãi được. Còn nếu chỉ được gia hạn nợ mấy tháng mà Công ty cũng không có giải pháp nào căn cơ thì nguy cơ ngưng hoạt động của Công ty sẽ rất cao, vì Công ty cũng không có khả năng trả nợ đúng hạn cho ngân hàng. Khi đó các ngân hàng sẽ phải khởi kiện và sẽ thực hiện bán tài sản qua hình thức đấu giá thông thường, rất chậm chạp theo qui định vì Công ty cũng sẽ không thể bán tài sản quá rẻ làm thiệt hại cho hàng ngàn cổ đông.

HĐQT và Ban Điều hành Công ty không thể để việc này xảy ra, chính vì vậy, đã hết sức nỗ lực chủ động tìm kiếm và chào bán cổ phần cho các nhà đầu tư chiến lược nước ngoài (NĐTNN). Sau khi khảo sát, thẩm định đánh giá TTF, các NĐTNN đều đưa ra điều kiện tiên quyết là ít nhất 30% dư nợ vay cần chuyển thành vốn góp vào Công ty hoặc các giải pháp tương tự để thay đổi được đòn bẩy nợ đáng kể - thay đổi triệt để trạng thái tài chính của công ty. Chúng ta cũng biết rằng điều này là rất khó khăn vì thật khó có sự đồng nhất của đa số ngân hàng chủ nợ.

Kính thưa Quý Cổ đông!

Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành cùng với sự tư vấn của các cổ đông lớn cũng như nhà đầu tư nước ngoài đã hết sức nỗ lực để thiết lập một kế hoạch tái cấu trúc tài chính và tái cơ cấu Công ty. Chúng ta cũng may mắn nhận được sự giúp đỡ quý báu - đầy hiệu quả từ các cấp quản lý Nhà nước tại địa phương và trung ương. Vì vậy, TTF sẽ có một con đường tốt để đi tới như thông điệp chuyển tải trong hình trang bìa của Báo cáo Thường niên này, và đây sẽ là cách căn cơ để vượt qua tất cả khó khăn, từ đó đưa Công ty trở lại thời kỳ phát triển mạnh mẽ.

Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành tin tưởng Đại hội Cổ đông lần này sẽ sáng suốt như một hội nghị Diên Hồng để thông qua một kế hoạch phát hành, đồng thuận cho phép sự tham gia của nhà đầu tư chiến lược nước ngoài, giúp Công ty thực hiện được kế hoạch kinh doanh dài hạn: hàng Việt Nam phân phối ra thế giới bằng thương hiệu toàn cầu.

Mặc dù đã hết sức nỗ lực, vũng vằng để tìm ra giải pháp tốt cho Công ty, miễn cán thực hiện kế hoạch một cách hiệu quả, Ban Điều hành vẫn nhận thức được việc yếu kém của mình về hiệu quả sản xuất kinh doanh và cam kết với cổ đông sẽ cố gắng hết mình, bất chấp các lợi ích cá nhân để thực hiện bằng được kế hoạch tái cấu trúc, giữ vững vị thế đầu ngành chế biến gỗ của Công ty tại Việt Nam. Hội đồng Quản trị cũng đã biểu quyết thông qua việc không nhận thù lao cả năm 2013 vì lòng tự trọng và tính trách nhiệm cao với nhiệm vụ mà các cổ đông giao phó.

Kính thưa Quý Cổ đông!

Chúng ta đã bắt đầu khai thác rừng vài tháng qua, bắt đầu chu kỳ khai thác luân kỳ trong vài chục năm tới. Đây là nguồn lợi nhuận tiềm năng, đủ sức cân đối được phần lỗ tiềm tàng của việc giải phóng tồn kho sắp tới.

Tôi tin tưởng, với chính sách minh bạch của Công ty chúng ta, sự tận tụy chia sẻ thông tin với các cổ đông của Ban Điều hành và Hội đồng Quản trị, Công ty sẽ nhận được sự thông cảm, chia sẻ và chỉ đạo của Đại hội Đồng Cổ đông. Đó là động lực to lớn, quý báu giúp Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành lèo lái con thuyền TTF vượt qua giông bão khó khăn còn phía trước.

Chân thành cảm ơn sự đồng hành của tất cả Quý vị.

Trân trọng,

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc



VÕ TRƯỜNG THÀNH

MỤC LỤC

01

PHẦN 1: GIỚI THIỆU CÔNG TY

- Tầm nhìn – sứ mệnh
- Quá trình hình thành – phát triển

20

PHẦN 2: CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

- Nhân sự và chính sách cho người lao động
- Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- Giới thiệu Ban Điều hành
- Quản trị theo giá trị
- Các công ty con và công ty liên kết

37

PHẦN 3: ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

- Năng lực cốt lõi
- Chiến lược và kế hoạch kinh doanh 2014 – 2019
- Quản trị rủi ro

49

PHẦN 4: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2013

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

63

PHẦN 5: CÁC BÁO CÁO – ĐÁNH GIÁ

- Báo cáo và đánh giá của Ban Điều hành
- Đánh giá của Hội đồng Quản trị
- Báo cáo và đánh giá của Ban Kiểm soát

77

PHẦN 6: QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng Quản trị
- Ban Kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát

91

PHẦN 7: BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ KIỂM TOÁN 2013

- Ý kiến kiểm toán
- Báo cáo tài chính đã kiểm toán

154

PHỤ LỤC 1: BÁO CÁO VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

PHẦN 1

GIỚI THIỆU CÔNG TY

1. TÂM NHÌN

► **Duy trì vị thế dẫn đầu ngành chế biến gỗ của Việt Nam, và trở thành TOP 50 nhà sản xuất, thương mại và xuất khẩu sản phẩm gỗ có doanh số lớn nhất thế giới từ năm 2025**

► **Duy trì thương hiệu đứng đầu trong lĩnh vực cung cấp sản phẩm gỗ tại thị trường nội địa;**

► **Trở thành TOP 3 nhà trồng rừng tư nhân (có hoạt động chế biến gỗ) có diện tích rừng trồng lớn nhất khu vực ASEAN từ năm 2025.**



Giải thích về Tâm nhìn của TTF:

► Với quy mô 3 cụm nhà máy trải dài từ Phú Yên, Dak Lak đến Bình Dương, TTF có công suất thiết kế khoảng 6.000 containers/ năm (tương đương 54.000m³ tinh/năm) để tạo ra doanh thu trên 3.000 tỷ đồng/năm (như năm 2011 đã từng đạt được). Mặc dù năm 2013, do tài chính chỉ đủ để thực hiện được khoảng 50% đơn hàng nhận được nên Công ty chỉ đạt doanh số gần 1.600 tỷ đồng, TTF vẫn nằm trong TOP 5 các nhà sản xuất – xuất khẩu hàng đầu của Việt Nam. Trong khi đó, Việt Nam cũng đã qua mặt Malaysia để trở thành quốc gia xuất khẩu đồ gỗ nhiều nhất khu vực. Đó chính là động lực để TTF thực sự hướng sự phát triển của mình vươn ra trên toàn khu vực và mong muốn trở thành TOP 50 trên toàn thế giới từ năm 2025

► Ngoài lợi thế về chính sách "Bán hàng Lẻ với giá Sỉ" tại thị trường Nội địa, TTF còn luôn chú trọng đến chất lượng sản phẩm, an toàn cho người sử dụng và mẫu mã mới. Do đó sau hơn 6 năm xâm nhập thị trường trong nước, Công ty đã có trên 30 điểm bán hàng trên toàn quốc và là nhà cung cấp dịch vụ - thi công trang trí nội thất đáng tin cậy cho các công trình cao cấp tại Việt Nam (chẳng hạn các công trình của Tập đoàn Vingroup tại Nha Trang, Đà Nẵng, Hà Nội và TP.Hồ Chí Minh, và nhiều nhà đầu tư BĐS danh tiếng khác). Vì vậy TTF tự tin với tầm nhìn duy trì thương hiệu hàng đầu trong lĩnh vực cung cấp sản phẩm gỗ tại thị trường nội địa

► Từ năm 2007, TTF đã bắt đầu dự án mua và trồng 100.000 ha rừng sản xuất tại Việt Nam. Hiện tại, Công ty đang sở hữu 11.500 ha rừng đã trồng, và được chấp thuận chủ trương đối với khoảng 90.000 ha đất để trồng. Để tăng cường tiềm lực tài chính, Tập đoàn Trường Thành cũng đã liên doanh với đối tác Nhật bản là Tập đoàn Giấy OJI (hàng đầu của Nhật Bản, và đứng hàng thứ 6 trên toàn thế giới) để thực hiện các dự án của mình. Do đó, chúng tôi có niềm tin sẽ trở thành Top 3 nhà trồng rừng tư nhân (có hoạt động chế biến gỗ) có diện tích rừng trồng lớn nhất khu vực ASEAN từ năm 2025

2. SỨ MỆNH

■ Mang “cơ hội lợi nhuận” đến cho nhiều nhà nhập khẩu, bán sỉ và phân phối đồ gỗ trên thế giới, cũng như các đại lý và hệ thống liên kết phân phối tại Việt Nam;

■ Luôn gia tăng sự thỏa mãn của khách hàng theo các tiêu chí đã đề ra: *giá cả cạnh tranh, giao hàng đúng hẹn, chất lượng đúng thỏa thuận, luôn cải tiến – sáng tạo và phục vụ tốt nhất;*

■ Mang đến cho cuộc sống những sản phẩm gỗ đẹp mắt, tiện dụng, an toàn, làm cho người sử dụng cảm thấy thoải mái, hạnh phúc và tự tin hơn;

■ Kiến tạo và nuôi dưỡng một "văn hóa Trường Thành" - môi trường làm việc thật khỏe khoắn và sáng tạo, tôn trọng và vui vẻ, mà trong đó công sức của CBCNV luôn được đền đáp công bằng và xứng đáng; đồng thời, CBCNV được khuyến khích luôn tôn trọng khách hàng cũng như chất lượng sản phẩm của Công ty. Thường xuyên mang đến cho những CBCNV có năng lực, nhiệt tình, thâm niên những cơ hội trở thành người chủ thật sự của Công ty thông qua các chương trình ESOP. Luôn chú trọng công tác đào tạo - huấn luyện để giúp người lao động có đủ tự tin và năng lực, nhằm nâng cao hiệu suất làm việc và đủ khả năng đảm trách những vị trí quan trọng hơn;

■ Phát triển trồng rừng sản xuất tại Việt Nam, góp phần bảo vệ môi trường, chống phá rừng trên toàn thế giới, để TTF nói riêng và ngành chế biến gỗ nói chung có thể phát triển bền vững, bên cạnh việc đóng góp vào việc chống lại sự biến đổi của khí hậu – làm tăng lên mức sạch cho sinh quyển;

Bộ Salon An Khang



3. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH - PHÁT TRIỂN

CÂU CHUYỆN KHỞI NGHIỆP CỦA ÔNG **VÕ TRƯỜNG THÀNH** NGƯỜI SÁNG LẬP TẬP ĐOÀN:

Sau giải phóng, ở Tây Sơn, Bình Định thiếu nhiều giáo viên. Ông Võ Trường Thành được đưa đi đào tạo sư phạm cấp tốc mấy tháng rồi về dạy. Tuy nhiên, ông Thành nghĩ mình không được đào tạo một cách bài bản thì làm nghề giáo sẽ không ổn lắm. Vì vậy, sau hai năm dạy học, ông đã xin nghỉ và vào Sài Gòn, cùng một số bạn bè đăng ký đi thanh niên xung phong. Đó là thời điểm năm 1983. Sau một thời gian ngắn, ông Thành được chuyển qua làm việc tại một xí nghiệp chế biến gỗ của nhà nước, đó là thời điểm ông bước chân vào cái nghiệp gỗ này. Với sự năng động, tận tụy trong công việc, ông được đề bạt làm giám đốc doanh nghiệp quốc doanh ở tuổi 28.

Trong suốt 10 năm là thanh niên xung phong thì đến 8 năm ông làm ngành khai thác và chế biến gỗ. Do đó, khi ông quyết định ra kinh doanh riêng là ông nghĩ ngay đến nghề gỗ này. Đến năm 1992, ông được phục viên. Gom góp, vay mượn thêm của gia đình được một số tiền nhỏ trị giá khoảng 3000 đô la Mỹ, ông thành lập cơ sở nhỏ chế biến gỗ tại EaH'leo – Dak Lak, do ông rất thông thuộc địa bàn Dak Lak và vốn liếng không có đủ để làm ở Sài Gòn. Năm 1993, cơ sở được nâng lên là doanh nghiệp, lấy tên Xí nghiệp Tư doanh Chế biến Gỗ Trường Thành.



NĂM 2001

Sau khi thành lập phòng tiếp thị quốc tế, với biên chế vốn vẹn 2 người, với bức xúc khi bị quá nhiều thiệt thòi vì phải bán hàng xuất khẩu qua trung gian, TTF đã mạnh dạn “mang quân đi đánh xứ người” tại những hội chợ chuyên ngành quốc tế tại Singapore, Mỹ và Nhật Bản, tiếp cận hơn 300 khách hàng mới, **bắt đầu bán hàng trực tiếp vào các hệ thống siêu thị hàng đầu Châu Âu** như Carrefour, Homebase ... và những khách hàng nổi tiếng như Lapeyre, Alexander Rose...

NĂM 2000

Sau 8 năm khởi nghiệp và chuyển đi du học về quản trị kinh doanh tại Mỹ, Ông Võ Trường Thành đã tìm đến Bình Dương, mua lại nhà máy VINAPRIMART của doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài đầu tiên của tỉnh, chuyên sản xuất dũa gỗ, để chuyển thành nhà máy chế biến ván sàn và đồ gia dụng nội – ngoại thất bằng gỗ cho thị trường xuất khẩu, chính thức thành lập **Công ty TNHH Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành (TTF)**

NĂM 2002

Với uy tín về chất lượng và giao hàng đúng hẹn, TTF đã nhận được rất nhiều đơn hàng, lớn hơn công suất sản xuất nội tại. Từ đó Công ty bắt đầu chuyển một số đơn hàng ra cho một số bạn đồng ngành.

NĂM 2003

Ý thức cao trong việc “giữ chân” nhân tài, Ông Võ Trường Thành đã cùng Hội đồng Thành viên quyết định **chuyển loại hình công ty "TNHH" sang "cổ phần"** với chương trình ưu đãi cho một số cán bộ chủ chốt mua cổ phần với giá bằng mệnh giá

NĂM 2004

Trước tình hình đơn hàng cứ tăng liên tục trên 20%/năm, TTF tiếp tục chuyển một số đơn hàng ra cho các bạn đồng ngành khác tại TP.HCM, Bình Dương và Quy Nhơn với khối lượng đến 50% tổng đơn hàng

NĂM 2005

Nhận được những giải thưởng quốc tế cao quý dành cho chất lượng:

- “**Cúp vàng chất lượng Châu Âu**” (European Trophy For Quality) do Trade Leader’s Club trao tặng tại Roma – Ý vào tháng 10
- “**Cúp vàng Chất lượng Quốc tế**” (International Trophy For Quality) do Trade Leader’s Club (Câu lạc Bộ Doanh nhân hàng đầu thế giới) trao tặng tại Tây Ban Nha vào tháng 11
- “**Huy chương quản lý chất lượng toàn cầu**” được Trade Leader’s Club trao tặng cho Chủ tịch Võ Trường Thành tại Tây Ban Nha vào tháng 11

NĂM 2006

- Với thực trạng hàng hóa đặt bên ngoài phần lớn có chất lượng không đồng bộ với Công ty và thường xuyên bị trễ, HĐQT quyết định mở rộng quy mô sản xuất thông qua việc **đầu tư vào 03 nhà máy chế biến gỗ tại Dak Lak và Bình Dương**. Bên cạnh đó, TTF còn thực hiện chiến lược hội nhập lùi bằng cách đầu tư vào công ty Lidovit – một nhà cung cấp vật tư lớn của Công ty. Tổng vốn đầu tư dài hạn lên đến gần 15 tỷ đồng.
- Sau gần 10 tháng tìm hiểu, thẩm định kết quả kinh doanh cũng như đánh giá tiềm năng phát triển của TTF, **Quý Aureos Đông Nam Á (ASEAF) đã trở thành cổ đông nước ngoài đầu tiên của Công ty vào ngày 31/12/2006, đánh dấu một bước ngoặt quan trọng cho sự phát triển của TTF.**

- Tiếp tục được quốc tế công nhận với giải thưởng **“Sao vàng Chất lượng Quốc tế”** (International Gold Star Award) do tổ chức BID trao tặng vào tháng 10 tại Thụy Sĩ.



TTF nhận giải Sao vàng Chất lượng Quốc tế 2006



Vườn Ươm của TTF

NĂM 2007

- Được tổ chức OtherWays (Pháp) trao tặng Giải vàng Châu Âu cho **Chất lượng và Uy tín thương mại** (Golden Europe For Quality & Commercial Prestige) vào tháng 10 tại Berlin – Đức.
- Tiếp tục được Tổ chức Business Initiative Directions (BID) trao tặng giải thưởng **“Sao Bạch Kim Chất lượng Quốc tế”** (International Platinum Star Award) vào tháng 11 tại Thụy Sĩ;
- Để đáp ứng vốn cho việc đầu tư mở rộng nêu trên, cũng như vốn lưu động cho nhu cầu sản xuất ngày mỗi lớn hơn, Công ty đã phát hành cho cổ đông riêng lẻ và tiến hành IPO thu hút vốn từ các nguồn cổ đông trong và ngoài nước, **tăng vốn điều lệ lên thành 150 tỷ đồng cùng với thặng dư vốn trên 470 tỷ đồng**



Chủ tịch Võ Trường Thành nhận cúp Sao Bạch Kim Chất lượng Quốc tế



TTF chính thức niêm yết trên sàn Chứng khoán HOSE



TTF trao chứng nhận đầu tư cho Quỹ Aureos



TTF được Chính phủ chọn vào Chương trình Thương hiệu Quốc gia giai đoạn 2008 - 2009

NĂM 2008

- **Tiếp tục đầu tư mảng chế biến gỗ** vào 1 công ty tại TP.HCM và 1 công ty tại Phú Yên. Bên cạnh đó, bắt đầu thành lập các công ty trồng rừng tại Dak Lak và Phú Yên theo dự án trồng 100.000 ha rừng sản xuất tại Việt Nam. Đồng thời TTF còn đầu tư tài chính vào một số công ty ngoài ngành như Sông Hậu (thủy sản), Quý Bản Việt (y tế) và Phú Hữu Gia (bất động sản). Tổng phát sinh vốn đầu tư dài hạn trong năm là khoảng **250 tỷ đồng**.

- Ngày 1/2/2008, Công ty đã nhận được quyết định số 24/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng Khoán TP.HCM (HOSE) cho phép niêm yết chính thức 15.000.000 cổ phần TTF. Và ngày giao dịch chính thức đầu tiên của TTF trên HOSE là 18/2/2008. Đây là một cột mốc rất quan trọng của Tập đoàn Trường Thành

- Là một trong 30 doanh nghiệp đầu tiên có thương hiệu được Chính phủ chọn vào Chương trình **Thương hiệu Quốc gia**

- Tiếp tục đầu tư thêm khoảng 57 tỷ vào các công ty đã nêu, đạt tổng giá trị đầu tư dài hạn đến 31/12 là khoảng **322 tỷ đồng**

NĂM 2009

- Đạt giải **Báo cáo thường niên tốt nhất** do Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM (HOSE) tổ chức xét chọn
- Tiếp tục đầu tư thêm 74 tỷ đồng vào các công ty đã nêu, 1 công ty chế biến gỗ tại Bình Dương, 1 công ty quản lý cụm công nghiệp tại Dak Lak, đạt tổng giá trị đầu tư dài hạn đến 31/12 là khoảng **396 tỷ đồng**

NĂM 2010

- Tiếp tục được lựa chọn là một trong 43 doanh nghiệp tham gia vào Chương trình **Thương hiệu Quốc gia lần 2**
- **Hai lần ra tòa án** với những vụ kiện của Ông Trần Hoài Nam – Công ty Tân Phát, trong đó 1 lần do Công ty Tân Phát kiện TTF để đòi khoản nợ 1.845.402.000 đồng, và 1 lần do TTP (công ty con của TTF) kiện Công ty Tân Phát để đòi khoản nợ 28.304.035.467 đồng và một số lãi suất phát sinh trên số nợ. Kết quả là Bản án số 46/2010/KDTM-PT quyết định buộc Công ty Tân Phát phải trả cho TTP số tiền 25.358.121.000 đồng.
- Bị UBCK phạt 70 triệu đồng và HOSE cảnh cáo toàn thị trường chứng khoán về việc **báo cáo tài chính của năm 2008 và 2009 hợp nhất chưa đầy đủ**. Nguyên nhân là do TTF nhận thức chưa đúng về một số chuẩn mực kế toán liên quan đến hợp nhất. Tuy nhiên, Công ty đã khắc phục vấn đề này ngay trong Báo cáo tài chính năm 2010.
- Tiếp tục đầu tư thêm 54 tỷ đồng vào các công ty đã nêu, 1 công ty làm bao bì cho sản phẩm gỗ, đạt tổng giá trị đầu tư dài hạn đến 31/12 là khoảng **450 tỷ đồng**.
- Đạt giải **Báo cáo thường niên xuất sắc nhất** do Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM (HOSE) tổ chức xét chọn



TTF được Chính phủ chọn vào Chương trình Thương hiệu Quốc gia giai đoạn 2010 - 2011



TTF nhận giải Báo cáo thường niên xuất sắc nhất năm 2010



TTF giới thiệu tính ưu việt của sản phẩm ván sàn kỹ thuật cao cho một số khách tham quan đến từ Câu lạc bộ CEO

NĂM 2011

- Đạt giải **Báo cáo thường niên tốt nhất** do Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM (HOSE) tổ chức xét chọn
- Tiếp tục được quốc tế công nhận với giải thưởng **"Cúp Kim cương Chất lượng Quốc tế"** do tổ chức BID trao tặng vào tháng 4 tại Pháp.
- Chính thức khai sinh cho dòng sản phẩm **Ván sàn Kỹ thuật cao** với đặc tính siêu chịu nước (đun sôi 72 giờ không bị hư hỏng) và siêu chống trầy xước (độ cứng 8H, độ mài mòn AC5).
- **Thành lập Phòng thí nghiệm** phục vụ công tác nghiên cứu và phát triển của Công ty. Phòng thí nghiệm có khả năng thực hiện việc kiểm soát từ các loại hóa chất, độc tố

trong sản phẩm đến khả năng kiểm soát về cơ lý, độ bền vật liệu của gỗ, ván nhân tạo và sản phẩm. Qua sự đầu tư này, Công ty đã có khả năng nghiên cứu và phát triển tốt hơn sẽ giúp bộ phận sản xuất có thể tạo ra nhiều sản phẩm tốt trong tương lai và thu hồi được vốn đầu tư nhanh chóng. Các dòng sản phẩm này sẽ được chính thức tung ra thị trường VN và quốc tế từ tháng 5/2012.



Chủ tịch TTF nhận giải "Cúp Kim cương Chất lượng Quốc tế" tại Pháp

- **Xây dựng Tổng kho** của TTF tại Tân Uyên, Bình Dương, với tổng đầu tư khoảng **90 tỷ đồng**

- **Chuyển nhượng Quyền sử dụng đất tại Bình Chuẩn – Thuận An – Bình Dương**, để di dời nhà máy tại đây lên khu vực Tân Uyên, cạnh nhà máy của Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành, nhằm giảm chi phí vận chuyển và gia tăng quản lý.

- Tổng giá trị đầu tư dài hạn đến 31/12 là **gần 519 tỷ đồng**, sau khi trích lập dự phòng khoảng 32,2 tỷ thì còn **khoảng 487 tỷ đồng**

NĂM 2012

- Đạt giải Top 10 Báo cáo thường niên tốt nhất do Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM (HOSE) tổ chức xét chọn

- Được trao tặng Bằng khen Đã có nhiều năm có Báo cáo Thường niên được trao giải tại các cuộc bình chọn BCTN trong 5 năm qua do Chủ tịch UBCKNN ký tặng

- Sự việc giảm vay ngắn hạn gần 154 tỷ theo tinh thần Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2012 và theo yêu cầu của các ngân hàng dưới chính sách thắt chặt tiền tệ của Chính phủ - trong bối cảnh Tập đoàn chưa thể tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu, làm cho TTF rơi vào **giai đoạn khó khăn nhất về ngân lưu** từ khi thành lập năm 2000. Do đó, Công ty không thể hoàn tất đơn hàng và xuất đúng hạn cho khách, dẫn đến việc **lần đầu tiên bị sụt giảm doanh số** trong quá trình hình thành và phát triển, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất **đã bị lỗ khoảng 2,9 tỷ đồng**, mặc dù sau khi trừ đi Lợi ích của Cổ đông thiểu số thì Cổ đông của Công ty mẹ vẫn còn lãi gần 2,5 tỷ đồng.



Một bộ sản phẩm trong dòng Giường ngủ **HẾT CHỖ CHÈ**

NĂM 2013

Trong suốt năm 2013 vừa qua, Công ty ở trong tình trạng vô cùng khó khăn. Xuất phát từ hàng tồn kho lớn từ năm 2008, dư nợ vay cao trong bối cảnh lãi suất cho vay quá cao, dẫn đến các công ty trong Tập đoàn đã phải trả lãi rất lớn cho ngân hàng trong nhiều năm qua (trung bình 230 tỷ/năm). Việc này đã gây áp lực ngân lưu rất lớn với Công ty, chưa kể một số ngân hàng đã cắt giảm hạn mức trong năm 2012 và 2013 càng làm cho nguồn vốn lưu động của Công ty khó khăn thêm. Việc thiếu ngân lưu đã làm giảm mức sản xuất đáng kể trong năm 2013 (giảm đến 50%) và Công ty đã không đáp ứng được tiến độ giao hàng cho khách, gây mất uy tín và mất một số khách hàng. Công ty đã nhiều lần suýt rơi vào tình trạng ngưng hoạt động khi nguồn tiền thu về không kịp để trả lương cho công nhân và mua nguyên vật liệu để sản xuất. Mãi đến tháng 9/2013, với ý chí vượt qua khó khăn của HĐQT Công ty, Ngân hàng Nhà nước tỉnh Bình Dương, với đề nghị hợp lý từ TTF, đã tổ chức cuộc họp với các ngân hàng chủ nợ của Công ty nhằm tháo gỡ khó khăn cho TTF thông qua việc các ngân hàng dẫn nợ và lãi vay để Công ty có vốn hoạt động. Do đó, TTF đã tránh được nguy cơ ngưng hoạt động nêu trên. Bên cạnh đó, TTF đã chính thức bước vào giai đoạn tái cơ cấu tài chính với nhiều bước thực hiện trong vòng 18 tháng kể từ tháng 11/2013.



CƠ CẤU TỔ CHỨC & NHÂN SỰ

PHẦN 2

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. NHÂN SỰ VÀ CHÍNH SÁCH CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

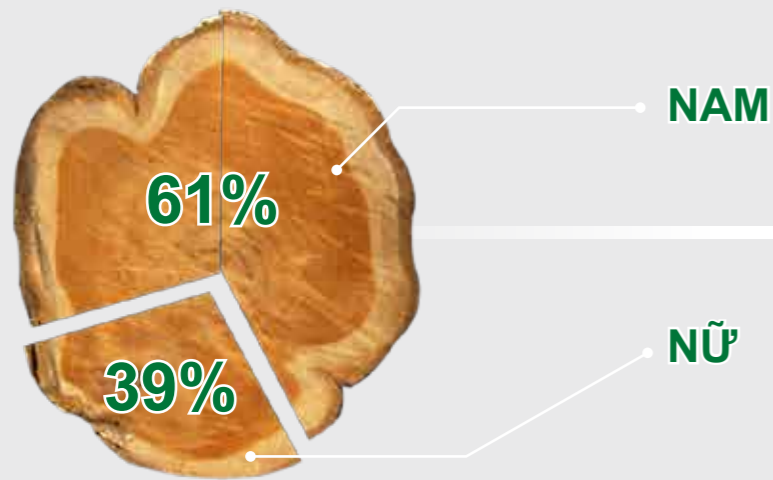
1.1. Số lượng người lao động trong Công ty (kể cả các công ty con trong Tập đoàn)

Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2013 là **3.467 người**, trong đó:

► Nam: **chiếm 61%**

► Nữ: **chiếm 39%**

Trong đó, trình độ từ PTTH trở lên **chiếm 41%**



1.2. Chính sách đối với người lao động:

1.2.1. Chế độ làm việc:

- Công ty thực hiện chế độ 40 giờ/tuần (làm việc 5 ngày/tuần) đối với lực lượng lao động và 48 giờ/tuần (làm việc 6 ngày/tuần) đối với lực lượng trực tiếp
- Còn lại các chế độ khác đều tuân thủ theo Luật Lao động hiện hành của Việt Nam

1.2.2. Chính sách tuyển dụng, đào tạo:

a) Tuyển dụng

- Đảm bảo rằng chính sách tuyển dụng của Công ty không phân biệt giới tính và địa vị, phù hợp với các quy định của Nhà nước, của SA 8000 (Social Accountability – Trách nhiệm Xã hội) và ILO (International Labor Organization – Tổ chức Lao động Quốc tế)
- Ưu tiên tuyển dụng những người trẻ và thông minh, có trình độ học vấn cao để Công ty đào tạo trong chương trình cán bộ nguồn nhằm đáp ứng cho nhu cầu liên tục phát triển và mở rộng quy mô Tập đoàn, cũng như tăng cường cho các công ty con.
- Thu hút những người có kinh nghiệm trong ngành, nhiệt tình, có trách nhiệm, ham học hỏi, biết sáng tạo. Ưu tiên những người có khả năng phân tích tổng hợp, xử lý tình huống và quản trị công việc tốt.

- Đối với một số vị trí cấp cao như Tổng Giám Đốc, các Phó Tổng Giám Đốc, Giám Đốc Tài Chính và các Giám đốc khác, Công ty ưu tiên tuyển dụng những người có học vị Thạc sĩ trở lên và được đào tạo từ các nước tiên tiến cũng có kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng huấn luyện và trình độ chuyên môn thích hợp.

- Đối với công nhân, chúng tôi ưu tiên tuyển những người đến từ địa phương có nền công nghiệp ít phát triển, và đào tạo họ trở thành công nhân kỹ thuật lành nghề, đồng thời trang bị nhà ở đầy đủ tiện nghi cho người lao động. Điều này góp phần ổn định lực lượng công nhân đồng đảo của Công ty.

b) Đào tạo và huấn luyện

- Thường xuyên tổ chức huấn luyện và đào tạo tại Công ty với tần suất tối thiểu 20 ngày mỗi năm. Đây là 1 tần suất khá cao, kể cả so với các công ty đa quốc gia. Chính yếu tố này góp phần làm cho hệ thống quản trị của TTF luôn theo kịp giới kinh doanh quốc tế ngày càng phát triển.

- Các khóa đào tạo – huấn luyện xoay quanh các chủ đề sau:

- + Kỹ năng lãnh đạo
- + Kỹ năng quản lý
- + Kỹ năng quản trị văn phòng
- + Một số kỹ năng mềm để làm việc tốt hơn như: Giao tiếp hiệu quả, Quản trị thời gian, Giải quyết vấn đề, Giải quyết mâu thuẫn, Làm việc đồng đội....
- + Các kiến thức chuyên môn của từng phòng, ban chức năng
- + Quy trình sản xuất của từng nhà máy
- + Kỹ thuật chế biến sản phẩm gỗ
- + Tiêu chuẩn thiết kế thông minh
- + Kỹ năng sử dụng máy móc, thiết bị
- + Quản lý chất lượng đối với hệ thống và đối với sản phẩm
- + Kiến thức về CoC (Truy ngược nguồn gốc sản phẩm), đạo luật Lacey của Mỹ, hiệp định FLEGT của Châu Âu
- + PCCC, An toàn lao động, An toàn khi sử

- dụng hoá chất
- + ISO 9001:2008, SA 8000
- + Quản trị chi phí

- Tài trợ cho một số cán bộ, nhân viên đi học trong nước và ở nước ngoài về các lĩnh vực như thiết kế, hoàn thiện sản phẩm gỗ, quản lý nguyên liệu thô, quản lý kho bãi, tổ chức hậu cần, kế toán doanh nghiệp...

- Để khắc phục tình trạng thiếu nhân lực cho ngành chế biến gỗ, Tập đoàn Trường Thành đã được GTZ tài trợ 54% chi phí thành lập trung tâm đào tạo tại nhà máy TTDL 1 (Công ty cổ phần Trường Thành – Dak Lak) với tổng vốn đầu tư là 7 tỷ đồng. Trung tâm này đã bắt đầu hoạt động từ cuối tháng 4/2007, với sự tham gia giảng dạy của 3 giảng viên đến từ Đức (do Bộ Ngoại giao Đức chi trả) và 7 giảng viên đến từ Tập đoàn Chúng tôi. Theo ký kết với chính phủ Nam Phi, Trung tâm và TTF đã đào tạo nghề chế biến gỗ cho hơn 20 học viên đến từ Nam Phi từ tháng 3 đến tháng 8 năm 2011 (tổng cộng 5 tháng). Đây là một cột mốc quan trọng của TTF nói riêng và Việt Nam nói chung trong việc hợp tác đào tạo quốc tế.



Đào tạo cho CB-CNV lĩnh vực chuyên môn về chế biến Gỗ trong nội bộ TTF

- Đặc biệt, nhằm chuẩn bị một đội ngũ kế thừa mạnh mẽ cho các thế hệ quản lý điều hành, Công ty đã tổ chức đào tạo lớp CÁN BỘ NGUỒN theo chương trình MBA kéo dài 2 năm/khóa, đảm bảo cung cấp trung bình mỗi năm khoảng 45 cán bộ có thể lên đảm nhận vị trí/trọng trách cao hơn

c) Chính sách lương, thưởng và phúc lợi

Ý thức rằng nhân lực là một nguồn tài sản lớn của doanh nghiệp, TTF đã rất chú trọng vào các chính sách lương, thưởng, phúc lợi, cơ hội thăng tiến và văn hóa doanh nghiệp để lưu giữ và trọng dụng nhân tài.

• Chính sách lương:

- + Tuân thủ quy định mức lương tối thiểu của Nhà nước
- + 6 tháng xét tăng lương 1 lần, dựa trên năng lực, sự tiến bộ và thành quả đóng góp của từng cá nhân, ngay cả trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế nặng nề từ năm 2008 đến nay, mặc dù mức tăng và số người tăng có hạn chế hơn so với trước năm 2008

• Chính sách thưởng:

- + Trước năm 2010: ít nhất 6 tháng xét thưởng 1 lần theo Quy chế khen thưởng của Công ty, được bình bầu công khai hoặc thi tay nghề. Từ năm 2010 đến nay: tạm thời ngưng áp dụng chính sách thưởng 6 tháng, nhưng vẫn đảm bảo có thưởng năm.

- + Áp dụng ESOP (Employee Stock Ownership Plan – Kế hoạch cho người lao động sở hữu Cổ phần) từ năm 2007, tạo cơ hội làm chủ cho toàn thể CBCNV của Công ty. Tuy nhiên, trong bối cảnh thị trường chứng khoán hiện nay, ESOP không còn hấp dẫn người lao động nữa nên TTF đã tạm ngưng áp dụng.

- + Thực hiện việc khen thưởng đột xuất cho các cá nhân/tập thể hoàn thành nhiệm vụ ở mức sáng tạo cao hoặc có sáng kiến cải tiến kỹ thuật – quản lý... để làm tăng cao hiệu suất trong công việc. Đây là chính sách mà Chúng tôi đã và đang gia tăng áp dụng, đặc biệt trong giai đoạn khủng hoảng kinh tế

- + Áp dụng khen thưởng khi cá nhân/tập thể đạt hoặc vượt một số chỉ tiêu quan trọng do BGD đề ra.



Đào tạo cho các học viên Nam Phi tại TTF



Khen thưởng cho CB-CNV đạt thành tích

• Phúc lợi:

- + Bảo hiểm xã hội và y tế cho CBCNV theo Quy định của Nhà nước
- + Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho CBCNV
- + Bố trí xe đưa rước cho CBCNV ở xa công ty.
- + Thành lập Công đoàn để bảo vệ quyền lợi cho người lao động
- + Tổ chức vui chơi giải trí cho toàn thể CB-CNV như hội thao, văn nghệ, thi nấu ăn, thi cắm hoa, thi đồ vui... có thưởng trong các dịp lễ quốc gia và lễ của Công ty.
- + Tổ chức đi du lịch xa cho toàn thể CBCNV ít nhất 1 lần/năm
- + Đã đầu tư gần 10 tỷ đồng để xây dựng nhà ở cho CBCNV tại Bình Dương và Dak Lak
- + Và một số trợ cấp, phúc lợi khác theo Luật Lao động Việt Nam và Quy chế Nhân viên của Công ty.

d) Văn hóa Công ty:

Nhằm gắn kết hàng ngàn CBCNV lại với nhau, chúng tôi đã xây dựng và phát triển một văn hóa doanh nghiệp đặc trưng giúp mọi người luôn đoàn kết, thương yêu, tôn trọng và giúp đỡ lẫn nhau, không phân biệt đối xử và luôn tự hào là thành viên của mái nhà chung "Trường Thành". Một số điển hình của văn hóa Trường Thành là:

- Phát triển văn hóa phản biện trong các cuộc họp, hội thảo và huấn luyện;
- Áp dụng chính sách Open Door đối với mọi cấp trong Công ty, nhưng vẫn trên tinh thần tôn trọng các cấp quản lý trung gian;
- Khuyến khích xây dựng nhóm và tạo điều kiện để nhóm làm việc hiệu quả;
- Thường xuyên thừa nhận, tôn trọng và khen thưởng thành quả, sáng kiến của cấp dưới;
- Cấp trên luôn nhiệt tình đào tạo và hướng dẫn cấp dưới;
- Luôn nói KHÔNG với mọi tiêu cực, luôn phát huy ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP trong công việc

Cho Trái Đất Luôn Xanh

Toà Sáng Mọi Không Gian



2. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

2.1. Mô hình quản trị

Từ khi Công ty chuyển từ TNHH sang Cổ phần năm 2003, mô hình quản trị TTF bao gồm :

- Đại hội Đồng cổ đông;
- Hội đồng Quản trị (bao gồm nhiều tiểu ban) và Ban Kiểm soát
- Ban Điều hành: đứng đầu là Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc phụ trách các khối theo chức năng

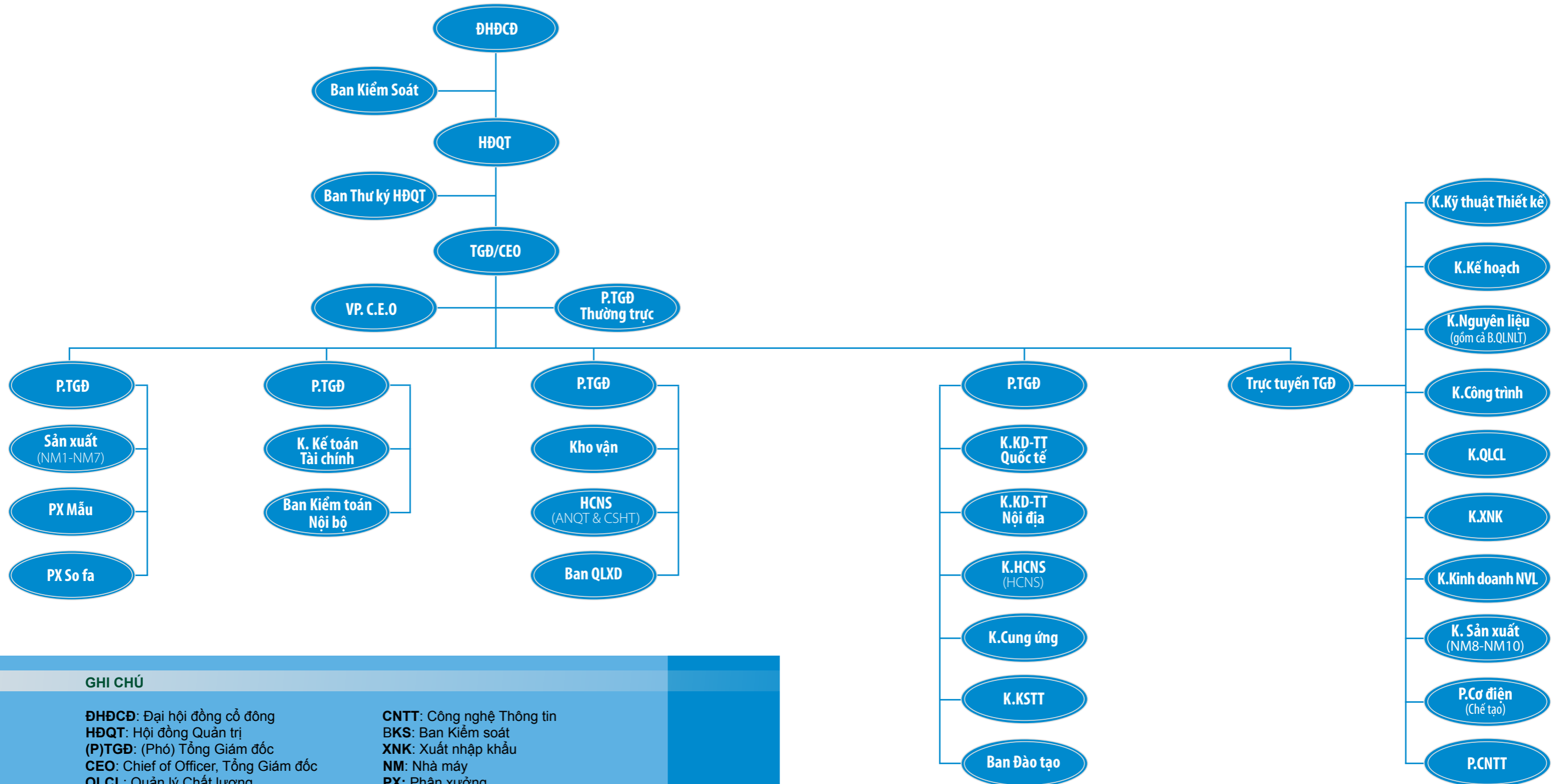
Xuất phát từ Mô hình truyền thống trong những năm đầu thành lập, TTF hiện nay đang quản trị theo Mô hình của thế kỷ 21 với những đặc tính cơ bản như :

- Các phòng ban, đơn vị phụ thuộc lẫn nhau
- Tinh thần đội nhóm khi làm việc được đề cao
- Khách hàng, chất lượng và dịch vụ được chú trọng
- Thông tin được truyền đạt đa chiều
- Cán bộ và nhân viên chủ chốt được đào tạo đa kỹ năng, chẩn đoán và giải quyết vấn đề

Một số Cán bộ chủ chốt và Ban lãnh đạo Công ty



2.2. CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



GHI CHÚ

ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông
HĐQT: Hội đồng Quản trị
(P)TGD: (Phó) Tổng Giám đốc
CEO: Chief of Officer, Tổng Giám đốc
QLCL: Quản lý Chất lượng
QLNLT: Quản lý nguyên liệu thô
KD-TT: Kinh doanh - Tiếp thị
HC-NS: Hành chính - Nhân sự
ANQT: An ninh quản trị
QLXD: Quản lý xây dựng

CNTT: Công nghệ Thông tin
BKS: Ban Kiểm soát
XNK: Xuất nhập khẩu
NM: Nhà máy
PX: Phân xưởng
NVL: Nguyên vật liệu
CSHT: Cơ sở hạ tầng
VP: Văn phòng
K: Khối
P: Phòng

3. GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH



3.1 Tổng Giám đốc,
kiêm Chủ tịch HĐQT:

Ông **VÕ TRƯỜNG THÀNH**

- Sinh năm 1958, Thạc sĩ QTKD tốt nghiệp tại Hoa Kỳ
- Có hơn 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chế biến gỗ
- Đã đi hơn 25 nước trên thế giới để tìm hiểu về công nghệ chế biến gỗ hiện đại và trồng rừng
- Từng nắm giữ các vị trí quan trọng trong các hiệp hội như: *Cố vấn Hội Doanh nghiệp trẻ Dak Lak, Chủ tịch Hội Doanh nghiệp Dak Lak, Thành viên Ban Thường trực Hội Mỹ nghệ và Chế biến Gỗ TP.HCM, Chủ tịch Hiệp hội Chế Biến Gỗ Bình Dương (BIFA)*
- Hiện nay là: *Thành viên Ban Chấp hành Hội Lâm sản Việt Nam, Thành viên Ban Thường trực Mạng lưới Kinh doanh Lâm sản Toàn cầu tại Việt Nam (GFTN) trực thuộc WWF, Thành viên Câu lạc bộ Doanh nhân hàng đầu Thế giới*
- Sở hữu số cổ phần TTF chốt ngày 31/12/2013: 9.977.568 cp, chiếm 13,57%



3.2 Phó Tổng Giám đốc,
kiêm Ủy viên HĐQT:

Ông **TẠ VĂN NAM**

- Sinh năm 1951, tốt nghiệp Đại học Sư phạm
- Có gần 16 năm kinh nghiệm quản lý và điều hành trong ngành chế biến gỗ
- Hiện đảm nhận vị trí Phó Tổng Giám đốc thường trực
- Sở hữu số cổ phần TTF chốt ngày 31/12/2013: 191.280 cp, chiếm 0,26%



3.3 Phó Tổng Giám đốc,
kiêm Ủy viên HĐQT:

Bà **NGÔ THỊ HỒNG THU**

- Sinh năm 1977, Thạc sĩ & Tiến sĩ QTKD. Được đào tạo tại Hoa Kỳ năm 2002 về gỗ và chế biến gỗ trong chương trình tài trợ bởi Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ
- Có gần 14 năm kinh nghiệm trong ngành chế biến gỗ
- Đã đi hơn 22 quốc gia để tìm hiểu về nguyên liệu gỗ, xu hướng thiết kế sản phẩm gỗ và xúc tiến thương mại cho Công ty
- Phụ trách điều hành Khối Kinh doanh – Tiếp thị Quốc tế, Khối Kinh doanh – Tiếp thị Nội địa, Khối Kiểm soát Tuân thủ, Khối HCNS, Khối Cung ứng và Ban Đào Tạo
- Kiểm nhiệm vị trí Tổng Giám đốc Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (TTBD2) tại Tân Uyên, Bình Dương.
- Sở hữu số cổ phần TTF chốt ngày 31/12/2013: 346.961cp, chiếm 0,47%



3.4 Phó Tổng Giám đốc:

Ông **VÕ DIỆP VĂN TUẤN**

- Sinh năm 1979, Thạc sĩ QTKD của trường Đại học Kaplan của Mỹ, Cử nhân QTKD của trường Đại học Los Angeles, có chứng chỉ Award về Kế toán Tài chính tại UCLA, Mỹ
- Có hơn 9 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và đầu tư tại Mỹ và Việt Nam
- Phụ trách điều hành Khối Tài chính – Kế toán và Ban Kiểm toán Nội bộ
- Kiểm nhiệm vị trí Tổng Giám đốc Công ty CP Ván Công nghiệp Trường Thành (TTBD3) tại Tân Uyên, Bình Dương.
- Sở hữu số cổ phần TTF chốt ngày 31/12/2013: 253.497 cp, chiếm 0,34%



3.5 Phó Tổng Giám đốc:
Ông ĐINH VĂN HÓA

- Sinh năm 1962, Cử nhân Đại học Bách Khoa – ngành Kỹ thuật xây dựng
- Có hơn 25 năm kinh nghiệm trong công tác quản lý và điều hành quản lý trong ngành xây dựng
- Phụ trách điều hành Khối Kho vận, Cơ điện, An ninh Quản trị, Cơ sở hạ tầng và Quản lý Xây dựng
- Sở hữu số cổ phần TTF chốt ngày 31/12/2013: 119.930 cp, chiếm 0,16%



3.6 Phó Tổng Giám đốc:
Ông LÊ MINH NGỌC

- Sinh năm 1973, Kỹ sư Cơ khí Trường ĐH Nông Lâm TP.HCM
- Có hơn 17 năm kinh nghiệm trong ngành chế biến gỗ từ vị trí kỹ thuật viên đến quản lý điều hành
- Phụ trách điều hành Khối Sản xuất, Phân xưởng Mẫu và Phân xưởng Sofa
- Sở hữu số cổ phần TTF chốt ngày 31/12/2013: 579 cp



3.7 Giám đốc Tài chính:
Ông ĐÀO NGỌC QUYẾT

- Sinh năm 1980, Cử nhân Tài chính Kế toán, đã tốt nghiệp khóa học Kế toán trưởng, Cơ bản TTCK, Luật chứng khoán, Phân tích và đầu tư chứng khoán
- Có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và tài chính doanh nghiệp
- Sở hữu số cổ phần TTF chốt ngày 31/12/2013: 0 cp



3.8 Kế Toán trưởng:
Ông NGUYỄN NGỌC LỄ

- Sinh năm 1979, cử nhân Tài chính Doanh nghiệp, tốt nghiệp khóa học Kế toán trưởng
- Có hơn 11 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán.
- Sở hữu số cổ phần TTF chốt ngày 31/12/2013: 2.524 cp

HIỆU QUẢ

CÓ TRÁCH NHIỆM

ĐẠO ĐỨC

Ba giá trị nêu trên đã được đồng nhất trong cuộc sống và công việc của tập thể TTF. Từ quy trình của Công ty cho đến phương châm hành động của toàn thể CBCNV, đều hướng đến những giá trị này:

► **Hiệu quả:**

Kinh doanh là để có lợi nhuận, đó là mục đích lâu dài và sống còn của bất kỳ doanh nghiệp nào. Do đó, khi thực hiện bất cứ một việc gì, toàn thể thành viên Tập đoàn phải đảm bảo việc làm đó có **Hiệu quả**. Tuy nhiên, **Hiệu quả** được TTF chấp nhận ở phạm vi rộng hơn, chứ không thuần túy là Lợi nhuận bằng vật chất. **Hiệu quả** đôi khi chỉ là giải quyết được vấn đề. Vì thế, chúng tôi luôn khuyến khích các thành viên trong doanh nghiệp của mình dự đoán được những vấn đề có khả năng xảy ra, và hành động theo mục tiêu là phải giải quyết được vấn đề đó

► **Có trách nhiệm:**

Tinh thần **trách nhiệm** là sẵn sàng chia sẻ, đóng góp công sức của mình vào công việc chung và thực hiện công việc đó với khả năng tốt nhất. Ngoài ra, mỗi cá nhân cần có **trách nhiệm** với tất cả những gì mình làm cho dù đó là kết quả tốt hay là một hậu quả xấu. Tinh thần **trách nhiệm** là một yếu tố quan trọng, là điều kiện giúp chúng ta đạt được những mong muốn trong cuộc sống. Cần phải có tinh thần trách nhiệm với chính bản thân, với gia đình, với công việc chung ở mọi lúc mọi nơi. "Quyền lợi luôn gắn với **trách nhiệm**" - với tinh thần này, TTF luôn có **trách nhiệm** với khách hàng và nhà cung cấp, với cổ đông và chính CBCNV của mình.

► **Đạo đức:**

Doanh nghiệp chỉ tập trung vào lợi nhuận và thành công mà xem nhẹ **đạo đức** nghề nghiệp. Đó có thể là sự gian lận, bê bối cũng như sai phạm trong kinh doanh hoặc đó cũng có thể là sự trù dập, hăm dọa giữa các nhân viên với nhau. **Đạo đức** trong kinh doanh cũng như trong việc đối nhân xử thế sẽ là tiền đề để xây dựng nên một doanh nghiệp vững mạnh và chuyên nghiệp. Khi **đạo đức** được đề cao thì chất lượng sản phẩm, chất lượng dịch vụ, chất lượng nguồn nhân lực sẽ được tăng lên đáng kể. Điều này không chỉ giúp doanh nghiệp chiếm trọn niềm tin của khách hàng mà còn giúp doanh nghiệp thu được một khoản lợi nhuận không nhỏ. Do đó, tại TTF, chúng tôi luôn nêu cao biểu ngữ **đạo đức** trong kinh doanh.



5. CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

5.1. CÁC CÔNG TY CON TRỰC TIẾP

► 5.1.1. CTY CP TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Km86, QL14, xã Ea Ral, huyện Ea H'leo, Dak Lak

Ngành nghề KD chính: chế biến, xuất khẩu và kinh doanh sản phẩm gỗ

Vốn điều lệ thực góp: **30.000.000.000 VND**

Tỷ lệ sở hữu của TTF: 70%

► 5.1.2. CTY CP CHẾ BIẾN GỖ TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn 5, xã Ea Ral, huyện Ea H'leo, Dak Lak

Ngành nghề KD chính: chế biến, xuất khẩu và kinh doanh sản phẩm gỗ

Vốn điều lệ thực góp: **28.000.000.000 VND**

Tỷ lệ sở hữu của TTF: 70%

► 5.1.3. CTY CP CHẾ BIẾN GỖ TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: DT747, KP7, thị trấn Uyên Hưng, huyện Tân Uyên, Bình Dương

Ngành nghề KD chính: chế biến, xuất khẩu và kinh doanh sản phẩm gỗ

Vốn điều lệ thực góp: **126.239.000.000 VND**

Tỷ lệ sở hữu của TTF: 64,16%

► 5.1.4. CTY CP VÁN CÔNG NGHIỆP TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: DT747, KP7, thị trấn Uyên Hưng, huyện Tân Uyên, Bình Dương

Ngành nghề KD chính: chế biến, xuất khẩu và kinh doanh ván ép, ván lạng và ván dăm

Vốn điều lệ thực góp: **51.000.000.000 VND**

Tỷ lệ sở hữu của TTF: 100%

► 5.1.5. CTY CP LÂM NGHIỆP TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: 35 Quang Trung, phường Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuộc, Dak Lak

Ngành nghề KD chính: trồng rừng và kinh doanh các mặt hàng lâm sản

Vốn điều lệ thực góp: **57.771.585.457 VND**

Tỷ lệ sở hữu của TTF: 99,97%

► 5.1.6. CTY CP TRỒNG RỪNG TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: 35 Quang Trung, phường Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuộc, Dak Lak

Ngành nghề KD chính: trồng rừng và kinh doanh các mặt hàng lâm sản

Vốn điều lệ thực góp: **58.191.490.000 VND**

Tỷ lệ sở hữu của TTF: 46,07%



Tại DakLak

► 5.1.7. CTY CP CÔNG NGHIỆP GỖ TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: C8, KCN Hòa Hiệp, huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên

Ngành nghề KD chính: chế biến, xuất khẩu và kinh doanh sản phẩm gỗ

Vốn điều lệ thực góp: **40.000.000.000 VND**

Tỷ lệ sở hữu của TTF: 68,52%

► 5.1.8. CTY CP TRƯỜNG THÀNH XANH

Địa chỉ: 81 Nguyễn Tất Thành, phường 2, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

Ngành nghề KD chính: trồng rừng và kinh doanh các mặt hàng lâm sản

Vốn điều lệ thực góp: **53.244.606.834 VND**

Tỷ lệ sở hữu của TTF: 100%

► 5.1.9. CTY TNHH KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Đào Trinh Nhất, KP1, Phường Linh Tây, quận Thủ Đức, TP.HCM

Ngành nghề KD chính: chế biến, xuất khẩu và kinh doanh sản phẩm gỗ

Vốn điều lệ thực góp: **12.800.000.000 VND**

Tỷ lệ sở hữu của TTF: 97,50%

► 5.1.10. CTY CP LÂM NGHIỆP TRƯỜNG THÀNH DAKNONG

Địa chỉ: 204 Trần Hưng Đạo, phường Nghĩa Thành, thị xã Gia Nghĩa, Dak Nông

Ngành nghề KD chính: trồng rừng và kinh doanh các mặt hàng lâm sản

Vốn điều lệ thực góp: **1.787.000.000 VND**

Tỷ lệ sở hữu của TTF: 99,44%

► 5.1.11. CTY CP THƯƠNG MẠI XNK TRƯỜNG THÀNH DAKNONG

Địa chỉ: Thôn 3, xã Nhân Cơ, huyện Dak R'Lấp, Dak Nông

Ngành nghề KD chính: thương mại XNK các mặt hàng lâm sản và NVL ngành chế biến gỗ

Vốn điều lệ thực góp: **18.386.837.965 VND**

Tỷ lệ sở hữu của TTF: 99,97%

► 5.1.12. CTY CP CHẾ BIẾN GỖ TRƯỜNG THÀNH M'DRAK

Địa chỉ: Cụm công nghiệp M'Đrắk, xã Krong Jing, huyện M'Đrắk, Dak Lak

Ngành nghề KD chính: chế biến, xuất khẩu và kinh doanh sản phẩm gỗ, trồng rừng

Vốn điều lệ thực góp: **6.910.456.454 VND**

Tỷ lệ sở hữu của TTF: 95,30%



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

5.2. CÁC CÔNG TY CON GIÁN TIẾP

▶ 5.2.1. CTY CP NÔNG LÂM CÔNG NGHIỆP TRƯỜNG AN

Địa chỉ: xã Hòa Tiến, huyện Krong Pa81k, tỉnh Dak Lak

Ngành nghề KD chính: trồng rừng và chăm sóc rừng, sản xuất cây giống, dịch vụ khai thác lâm sản

Vốn điều lệ thực góp: **5.400.000.000 VND**

Tỷ lệ sở hữu của TTF: 85,37%

▶ 5.2.2. CTY CP VẬT LIỆU XÂY DỰNG TRƯỜNG THÀNH – PHƯỚC AN

Địa chỉ: 107 Lê Duẩn, khối 4, thị trấn Phước An, huyện Krong Pak, Dak Lak

Ngành nghề KD chính: sản xuất VLXD từ đất sét

Vốn điều lệ thực góp: **9.700.000.000 VND**

Tỷ lệ sở hữu của TTF: 51,55%

5.3. CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

▶ 5.3.1. CTY CP BAO BÌ TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: 19 đường số 11, KP1, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, TP.HCM

Ngành nghề KD chính: chế biến và kinh doanh sản phẩm bao bì giấy

Vốn điều lệ thực góp: **4.570.000.000 VND**

Tỷ lệ sở hữu của TTF: 43,76%

▶ 5.3.2. CTY TNHH TRỒNG RỪNG TRƯỜNG THÀNH - OJI

Địa chỉ: 81 Nguyễn Tất Thành, phường 2, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

Ngành nghề KD chính: trồng rừng và kinh doanh các mặt hàng lâm sản

Vốn điều lệ thực góp: **186.145.590.650 VND**

Tỷ lệ sở hữu của TTF: 51%



Tại TP. Hồ Chí Minh



Tại Phú Yên



Tại Dak Lak

PHẦN 3

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. NĂNG LỰC CỐT LÕI

- Nắm giữ nhiều **bí quyết** làm ra sản phẩm chất lượng cao, đạt yêu cầu kỹ thuật và các tiêu chuẩn quốc tế về an toàn (BS EN 581, BRC, CARB...), về đóng gói (ISTA)... từ nhiều năm trước. Gần đây, Công ty còn nghiên cứu, thiết lập và ứng dụng thành công quy trình sơn UV đạt độ cứng cao nhất thế giới đối với dòng sơn trên gỗ (đạt độ cứng 8H trong khi chuẩn cao trên thế giới trước đây chỉ đến 6H)

- Đã nghiên cứu và phát triển thành công một số dòng sản phẩm mới, mang tính chiến lược cao và tạo bước đột phá như: Ván sàn và ván ép kỹ thuật cao, ván PB cao cấp không độc tố... Đây có thể xem là một cuộc cách mạng trong ngành VLXD và trang trí nội thất

- Sở hữu nhiều máy móc chế biến gỗ hiện đại, đa năng, công suất cao thuộc hàng bậc nhất Việt Nam - được nhập khẩu từ Ý, Đức, Nhật bản - kết hợp công nghệ quang học và điện toán để có thể chọn lọc gỗ bằng mắt thần quang học; cũng như **tối ưu hóa việc sử dụng nguyên liệu thô theo giá trị thu hồi** bằng phần mềm điện toán, chứ không phải khái niệm tối ưu theo tỷ lệ khối lượng thu hồi như trước đây. Các máy móc thế hệ mới này được nối lại với nhau bằng cáp quang và thông qua server tại văn phòng chính của Công ty đến bưu điện. Từ đó, khi có yêu cầu, các chuyên gia từ Đức, Ý có thể sửa chữa hoặc vận hành sản xuất theo những thiết kế mới tức thì. Việc trang bị nhiều máy móc thiết bị hiện đại này sẽ giúp cho Tập đoàn chúng tôi vượt qua được thử thách trong tương lai, lúc mà lượng của công nhân sẽ tăng cao gần 3 lần hiện nay;



- **Tự thiết kế** và bán trên 80% sản lượng từ thiết kế của mình trong hơn 7 năm qua
- Có **nguồn nguyên liệu** ổn định, số lượng lớn, giá rẻ mà vẫn đạt được yêu cầu của FSC (Forestry Stewardship Council)- C.o.C (Chain of Custody), hoặc đạo luật Lacey của Mỹ, hay của Hiệp định FLEGT của Cộng đồng Châu Âu;

- Xây dựng thành công 1 thương hiệu B2B (Business to Business) nổi tiếng về chất lượng trong giới mua hàng quốc tế, cũng như đạt được nhiều giải thưởng trong và ngoài nước về chất lượng và uy tín kinh doanh, đảm bảo **“khách hàng luôn tìm thấy chúng ta”** chứ không phải đi tìm khách hàng như phần lớn các doanh nghiệp khác;

- Sở hữu nhiều cánh rừng đến chu kỳ khai thác lấy gỗ. Nắm giữ nhiều diện tích đất đai để trồng rừng trong những năm tiếp theo. Áp dụng phương pháp khai thác chế biến luân kỳ và kinh doanh bền vững. Được hỗ trợ kỹ thuật từ những đối tác danh tiếng và giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực trồng rừng trên thế giới. Nhận được tài trợ của Chính phủ lên đến 50% trong việc xây dựng vườn ươm - nuôi cấy mô - chọn lọc giống bằng công nghệ Acid deoxyribonucleic (ADN). Vườn ươm của TTF sử dụng công nghệ tưới ngầm tiên tiến và kỹ thuật sinh học thay cho phân bón nên chi phí hoạt động thấp, tiết kiệm được nhiều tài nguyên;

- Có khả năng **bán hàng trực tiếp** đến các hệ thống siêu thị, chuỗi bán lẻ, nhà bán sỉ lớn trên thế giới - mà không phải lúc nào cũng phải thông qua các công ty trung gian như nhiều bạn đồng ngành khác;

- Đội ngũ **tiếp thị quốc tế** có khả năng tìm kiếm - cập nhật nhanh chóng các thông tin về thị trường, về xu hướng thiết kế, về tình hình nguyên vật liệu. Từ đó, Ban Điều hành sớm đưa ra những định hướng kịp thời và hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Đội ngũ **kinh doanh quốc tế** có khả năng giao tiếp lưu loát bằng tiếng Anh, Pháp, Nhật và Hoa, có nhiều năm kinh nghiệm trong việc đàm phán các hợp đồng ngoại thương cũng như xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống thanh toán quốc tế và xuất nhập khẩu;

- Có khả năng duy trì và phát triển tốt **hệ thống truy tìm nguồn gốc sản phẩm** đạt chuẩn C.o.C, được đánh giá và chứng nhận định kỳ bởi tổ chức SGS;



Rừng 6 tháng tuổi của TTF tại Đaklak

- Có khả năng vận hành nhuần nhuyễn **hệ thống quản lý chất lượng** theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008, được đánh giá và chứng nhận định kỳ bởi tổ chức SGS. Có hơn 50 đánh giá viên nội bộ được đào tạo chính quy và cấp chứng nhận bởi tổ chức BVQI và SGS;
- Có khả năng **sản xuất những đơn hàng rất lớn** do quy mô sản xuất rộng lớn, dự trữ được nhiều nguyên liệu và đầu tư mạnh cho máy móc thiết bị hiện đại;



Máy CNC Master

- Ban Điều hành, đặc biệt là Ông **Võ Trường Thành** - Tổng Giám đốc (kiêm Chủ tịch HĐQT) - người đứng đầu doanh nghiệp, không những **có kinh nghiệm và kiến thức sâu rộng** về quản trị kinh doanh mà còn rất am hiểu về kỹ thuật công nghệ chế biến gỗ. Đây là trường hợp khá hiếm trong ngành chế biến gỗ của Việt Nam. Và Ông từng là Chủ tịch Hiệp hội Chế biến Gỗ Bình Dương – 1 tỉnh của Việt Nam có kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ chiếm đến gần 50% kim ngạch XK của toàn quốc;



Chủ tịch HĐQT Võ Trường Thành

- Đã xây dựng thành công một nền **văn hóa Trường Thành** với nhiều nét riêng. Đây là sợi dây vô hình liên kết hàng ngàn người trong doanh nghiệp cùng chung sức xây dựng cho thương hiệu "Trường Thành";

- Nền tảng Công ty được xây dựng dựa trên những **thông lệ và chuẩn mực quản trị tốt nhất** của thế giới;

- Thương hiệu “Truong Thanh” đã được đăng ký **bảo hộ tại Mỹ, Anh, Pháp và Việt Nam**;

- Là một nhóm công ty chế biến gỗ liên kết với nhau thành một chuỗi sản xuất gần như khép kín từ các nguyên liệu đầu vào như rừng, gỗ, ván dăm, ván ép, ván lạng đến thành phẩm và bao bì đóng gói. Điều này hạn chế sự lệ thuộc vào những nhà cung cấp bên ngoài Tập đoàn; đồng thời gia tăng sự kiểm soát về chất lượng, giá cả đầu vào và ngày giao hàng cho khách.

Dàn Sơn UV của thương hiệu Cefla - Ý với quy trình sơn được thiết lập bởi Chủ tịch TTF có thể tạo ra lớp sơn UV có độ cứng H cao nhất thế giới hiện nay (8H)



2. CHIẾN LƯỢC VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH 2014 – 2019

2.1. Các mục tiêu chủ yếu cho kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2014 – 2019

- Không tăng trưởng nóng trong nhiều năm tiếp theo (chỉ từ 10-20%), cho đến khi Kế hoạch kinh doanh trung dài hạn này được xem xét và thay đổi
- Không tăng thêm vốn chủ sở hữu sau năm 2014
- Chỉ tăng vay từ 5-10% mỗi năm để có đủ vốn thực hiện doanh số tăng trưởng theo kế hoạch
- Duy trì Tỷ lệ Giá vốn hàng bán/Doanh thu không quá 76% từ 2015

2.2. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng

- Thực hiện thành công dự án trồng 100.000 ha rừng tại Việt Nam theo hình thức trồng cuốn chiếu trung bình 2.000 ha/năm
- Nghiên cứu và chế tạo các loại ván, các loại sản phẩm gỗ không chứa độc tố (ví dụ: formaldehyde, chì, thủy ngân...), hoặc chỉ chứa hàm lượng đạt tiêu chuẩn an toàn chung của Châu Âu (E0 và E1), Mỹ (CARB P2) và Nhật bản (F****) trong từng giai đoạn
- Duy trì việc trao học bổng hằng năm cho sinh viên trường Đại học Nông Lâm TP.HCM khi còn có khả năng, và khi có điều kiện tài chính tốt hơn sẽ thực hiện thêm đối với sinh viên các trường khác
- Luôn tạo điều kiện thuận lợi cho các sinh viên trong và ngoài nước đến thực tập hằng năm tại Công ty



Rừng trồng của TTF tại Phú yên



Trao học bổng cho sinh viên Đại học Nông lâm



Lễ Tốt nghiệp khóa đào tạo chế biến gỗ cho học viên Nam Phi



Hàng năm TTF Trao quà từ thiện ủng hộ người nghèo

- Hàng năm đều thực hiện chương trình ủng hộ cho trẻ em nghèo, gia đình cơ nhỡ và đồng bào lũ lụt theo ngân sách cho phép của Công ty
- Đảm bảo thực hiện các chế độ, chính sách cho người lao động của Công ty tối thiểu là theo quy định của luật pháp
- Đảm bảo thu nhập bình quân của công nhân sản xuất trực tiếp cao hơn mức lương tối thiểu mà Nhà nước quy định ít nhất 30%, và tăng trưởng hơn 10%/năm (khi Công ty có điều kiện thuận lợi về tài chính và chỉ số này tương ứng là 50% và 30%)
- Đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời cho các cổ đông theo quy định của luật pháp trong từng thời điểm. Tối đa hóa lợi nhuận cho cổ đông nhưng vẫn đảm bảo kinh doanh bền vững và có trách nhiệm với cộng đồng
- Cung cấp cho CB-CNV một môi trường làm việc công bằng, sáng tạo, tuân thủ Luật Lao động của Việt Nam cũng như của ILO và một số tiêu chuẩn của khách hàng lớn trên thế giới



Chủ tịch HĐQT trả lời thắc mắc cho công nhân trong chương trình Open Door được tổ chức hàng Quý



Đại hội Cổ Đông của TTF 2013

2.3. Kế hoạch kinh doanh 2014 - 2019

Đơn vị tính: ngàn đồng

Diễn giải	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Tổng doanh số	1.700.000	2.040.000	2.346.000	2.697.900	3.102.585	3.567.973
Doanh thu thuần	1.683.000	2.019.600	2.322.540	2.670.921	3.071.559	3.532.293
Giá vốn hàng bán	1.368.500	1.611.600	1.829.880	2.050.404	2.357.965	2.711.659
Lãi gộp	314.500	377.400	492.660	620.517	713.595	820.634
DT tài chính	27.000	8.160	9.384	10.792	12.410	14.272
CP tài chính	155.000	141.960	156.156	171.772	188.949	119.627
Trong đó CP lãi vay	150.000	136.500	150.150	165.165	181.682	115.026
CP bán hàng	26.000	31.620	36.363	41.817	48.090	55.304
CP quản lý doanh nghiệp	80.000	88.000	96.800	106.480	117.128	128.841
Lợi nhuận từ KD	80.500	123.980	212.725	311.240	371.838	531.134
Lợi nhuận khác	-10.000	-12.240	-14.076	-16.187	-18.616	-21.408
Lợi nhuận trước thuế	70.500	142.340	198.649	295.052	353.223	509.726
Lợi nhuận sau thuế	63.450	128.106	178.784	265.547	317.900	458.754

2.4. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Kinh doanh bền vững và có trách nhiệm với cộng đồng
- Khép kín công nghệ từ trồng rừng đến chế biến – nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới để sản xuất các dòng hàng đặt thù mang thương hiệu TTF
- Duy trì vị thế nhà sản xuất, thương mại và xuất khẩu sản phẩm gỗ có doanh số cao nhất Việt Nam;
- Trở thành một tập đoàn nằm trong TOP 50 nhà sản xuất, thương mại và xuất khẩu sản phẩm gỗ và ván sàn gỗ có doanh số cao nhất thế giới từ năm 2025;
- Trở thành một tập đoàn nằm trong TOP 3 nhà trồng rừng tư nhân (có sản xuất chế biến gỗ) có diện tích rừng trồng lớn nhất ASEAN từ năm 2025;
- Duy trì thương hiệu hàng đầu trong lĩnh vực thi công trang trí nội thất tại thị trường nội địa.
- Đưa thương hiệu quốc gia ra thị trường thế giới, thông qua mạng lưới bán lẻ, đến tận tay người tiêu dùng tại các nước như Mỹ, Pháp và Anh (đã đăng ký bảo hộ thương hiệu tại những quốc gia này).
- Niềm yết trên thị trường chứng khoán quốc tế, để đảm bảo nguồn huy động vốn lớn, đáp ứng các mục tiêu của Công ty
- Trở thành một Tập đoàn sản xuất – kinh doanh đa ngành, cụ thể bao gồm các ngành sau: chế biến và xuất khẩu sản phẩm gỗ, chế biến và kinh doanh ván gỗ nhân tạo, trồng rừng và khai thác gỗ, quản lý và cho thuê mặt bằng cụm công nghiệp, kinh doanh bất động sản.... Tuy nhiên, TTF sẽ luôn tập trung trên 70% các nguồn lực cho ngành nghề cốt lõi của Công ty là trồng rừng và chế biến gỗ

3. QUẢN TRỊ RỦI RO

3.1. Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty

3.1.1. Rủi ro về kinh tế.

Chính phủ vẫn đang cố gắng giữ giá tiền Đồng Việt Nam đứng ở mức cao (Thống đốc Ngân hàng Nhà nước đã tuyên bố khống chế giá Đô la Mỹ và nếu cho tăng thì không quá 2%). Điều này có thể là điểm bất lợi rất lớn cho xuất khẩu, đặc biệt là xuất khẩu hàng công nghiệp có vòng quay chậm và giá trị gia tăng nội địa cao như ngành sản xuất đồ gỗ xuất khẩu và các ngành tương tự. Thật ra, điều này không có nhiều lợi ích cho quốc gia và vô tình khuyến khích nhập khẩu, bóp nghẹt nền sản xuất trong nước và đem lại lợi ích cho hàng hóa của Trung Quốc cũng như các nước khác và đi kèm với nó là các nhà kinh doanh nhập khẩu trong khi các hàng rào thuế quan vốn dĩ đang được mở ra và hàng rào kỹ thuật chưa được thiết lập đáng kể.

Ngoài ra, nếu Thông tư 02/2013/TT-NHNN bị đưa vào áp dụng triệt để từ tháng 6/2014 tới đây, hàng loạt doanh nghiệp Việt Nam sẽ tiếp tục bị “đổ bể”, ngân hàng và cả nền kinh tế cũng sẽ đi vào bế tắc, khi vô số nợ xấu phát sinh và doanh nghiệp tê liệt vì thiếu vốn hoạt động.

► Vì vậy phương thức quản trị rủi ro của TTF sẽ là:

- Tiếp tục chuyển nhiều hơn sang vay bằng Đô la Mỹ để giảm chi phí tài chính vì lãi tỷ giá được tiên đoán là rất thấp, giảm nhanh các hợp đồng vay bằng Đồng Việt Nam thông qua chương trình bán ra nguyên liệu tồn kho, dù rằng có thể phải bán lỗ đối với nguyên liệu chưa có nhu cầu sử dụng.
- Phát huy việc quản lý sản xuất tinh gọn (Lean Manufacturing) để gia tăng hiệu suất làm giảm tồn kho trên chuyền và giảm giá vốn hàng bán.
- Tăng nguồn vốn chủ sở hữu từ các cổ đông hiện hữu và cổ đông chiến lược để giảm lệ thuộc phần nào từ nguồn vốn vay mà vẫn đủ nguồn vốn lưu động cần thiết cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính
- Thực hiện nhanh các bước trong kế hoạch tái cơ cấu tài chính của Công ty – một kế hoạch được thiết lập rất cẩn trọng và khả thi được lập bởi HDQT và nhà đầu tư chiến lược nước ngoài, các nhà tư vấn chuyên nghiệp trong lĩnh vực tái cấu trúc



3.1.2. Rủi ro về luật pháp.

Trên 50% sản phẩm của Trường Thành được xuất khẩu sang thị trường Châu Âu, Mỹ, Nhật... nên thông thường phải chịu ảnh hưởng bởi một số sắc thuế nhập khẩu, tập tục thương mại quốc tế, luật chống phá giá. Tuy nhiên, kể từ khi gia nhập AFTA và WTO, thuế nhập khẩu mặt hàng gỗ của Việt Nam vào các thị trường nằm trong các khu vực này chỉ ở mức khoảng 3% nên rất cạnh tranh so với nhiều quốc gia lân cận khác. Bên cạnh đó, qua quá trình tiếp cận với thị trường thế giới trong 20 năm qua, một số cán bộ chủ chốt của Công ty đã thu thập nhiều kinh nghiệm trong thương mại và thanh toán quốc tế nên đảm bảo được ảnh hưởng từ rủi ro này ở mức thấp nhất.

Mặt khác, trong thời gian qua đã có nhiều tin đồn là ngành chế biến và xuất khẩu đồ gỗ Việt Nam sẽ bị đánh thuế chống phá giá, nhất là sau sự kiện Trung Quốc bị Mỹ áp thuế chống phá giá lên một số nhóm mặt hàng gỗ, trong đó có nhiều nhất là các sản phẩm gỗ trong phòng ngủ. Tuy nhiên, theo phân tích của một số chuyên gia về luật chống phá giá của Mỹ thì rủi ro này là rất thấp đối với Việt Nam nói chung và Công ty nói riêng. Lý do là:

- Luật chống phá giá thông thường chỉ được đem ra xem xét và áp dụng đối với các sản phẩm mang tính cạnh tranh trực diện với các nhà sản xuất trong nước sở tại. Trong khi đó, hầu hết các nhóm mã hàng sản phẩm của Công ty là ít được sản xuất tại Châu Âu, Mỹ và Nhật Bản.
- Sản lượng xuất khẩu đồ gỗ của Việt Nam vào thị trường thế giới hiện nay chiếm dưới 5% sản lượng nhập khẩu của thế giới. Như vậy, nếu mỗi doanh nghiệp xuất khẩu đồ gỗ Việt Nam biết phân bổ hàng hóa của mình vào từng thị trường xuất khẩu khác nhau theo tỷ lệ thích hợp thì khả năng quản lý và kiểm soát rủi ro là rất cao, hạn chế tối đa những khó khăn khi bị áp thuế chống phá giá.



Salon Duyên Dáng

Ngoài ra, hiện nay Nhà nước ta đang tích cực nghiên cứu, thực hiện các biện pháp hỗ trợ về thông tin thị trường, thông tin luật pháp của các nước nhập khẩu sản phẩm gỗ của Việt Nam. Và lại, Chính phủ Việt Nam cũng vừa ban hành định hướng phát triển lâm nghiệp cho giai đoạn 2006 đến 2020, với nội dung khuyến khích cao cho các thành phần kinh tế trồng rừng nguyên liệu và phát triển bền vững ngành chế biến gỗ. Trong đó, một trong những nội dung quan trọng là nâng cao kim ngạch xuất khẩu gỗ lên đến 7,8 tỷ USD trước năm 2015. Như vậy mức xuất khẩu của các doanh nghiệp gỗ Việt Nam sẽ tăng trưởng bình quân 25% mỗi năm, và điều này chứng tỏ rằng Chính phủ đã, đang và sẽ quan tâm hơn nữa trong việc tạo hành lang pháp lý cho việc phát triển bền vững ngành chế biến gỗ Việt Nam.

Vì vậy, xét toàn cảnh môi trường pháp lý và tình hình thực tế của Công ty, rủi ro pháp luật ít có ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

3.1.3. Rủi ro đặc thù

3.1.3.1. Rủi ro về nguyên vật liệu

Do nguyên liệu chủ yếu là gỗ, chiếm tỷ trọng từ 40% đến 60% trong giá thành sản phẩm nên sự biến động giá cả nguyên liệu này sẽ tác động đến lợi nhuận của Công ty. Rủi ro tăng giá nguyên liệu bao gồm:

- Đặc tính trồng rừng khai thác gỗ dành cho sản xuất hàng mộc với chu kỳ đầu tư khá dài, mất ít nhất 8 năm, thậm chí có gỗ lên đến 20-30 năm. Vì vậy trong những năm qua, khi nền kinh tế Việt Nam còn nhiều khó khăn về vốn đầu tư trung, dài hạn, ngành trồng rừng của chúng ta đã chưa đủ sức thu hút các doanh nghiệp đầu tư, dẫn đến tình trạng khai thác non để bán cho ngành công nghiệp giấy, dẫn đến việc thiếu gỗ địa phương cho ngành chế biến và xuất khẩu sản phẩm gỗ Việt Nam.

- Đối với một số gỗ ôn đới như Oak, Ash, Beech, Bạch đàn và Teak có chứng nhận FSC, các doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu đồ gỗ phải nhập khẩu. Do đó, khi thu mua với cự ly vận chuyển xa, sẽ có rủi ro về cước vận chuyển tăng cao và đặc biệt với thời gian vận chuyển dài sẽ ảnh hưởng đáng kể đến ngân lưu và vốn lưu động phải tăng cao. Tuy nhiên số gỗ này chỉ chiếm dưới 40% đối với toàn ngành và dưới 15% đối với Công ty.

Do đó, hoạt động kinh doanh của Công ty có chịu ảnh hưởng của những rủi ro về giá nguyên liệu. Tuy nhiên, theo thực tế trong bối cảnh kinh tế phát triển bình thường, nếu

tình trạng tăng giá nguyên liệu diễn ra thì thị trường sẽ đồng loạt điều chỉnh giá bán ra của sản phẩm, khi đó Công ty có thể tăng giá bán, doanh thu tăng và triệt tiêu được rủi ro tăng giá nguyên liệu sẽ ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty.

Ngoài ra, việc nguyên liệu gỗ tăng trong nhiều năm trước năm 2008 đã kéo theo lợi nhuận của các nhà trồng rừng trên thế giới tăng cao, đồng thời kích thích việc đầu tư vào lĩnh vực trồng rừng có quy mô lớn tại các nước như Mỹ, Canada, Thụy Điển, Phần Lan, New Zealand, Uruguay, Chile, Brazil, Costa Rica, Nam Phi... và kể cả Trung Quốc. Tại Việt Nam, gần 10 năm trước đây, Chính phủ đã phát động trồng 5 triệu hecta rừng từ 1997-2007. Hiện nay, theo tổng kết, mặc dù chỉ đạt khoảng 2,2 triệu hecta với một số khiếm khuyết cần phải rút kinh nghiệm như cơ cấu chủng loại cây trồng, phân bố vùng, và xác định thành phần đầu tư và quản lý... , nhưng sản lượng có thể khai thác trong vài năm tới đây cũng lên tới 30 triệu m³ gỗ tròn mỗi năm, đáp ứng đầy đủ như cầu chế biến gỗ và giấy trong nước. Và hiện nay, Chính phủ đã phát động trồng tiếp 2,5 triệu hecta rừng từ 2006-2010 trong khi diện tích đất trống và đồi trọc của quốc gia có thể dành cho ngành trồng rừng còn đến khoảng 6,1 triệu hecta. Do đó, Công ty đã tiến hành trồng rừng với quy mô 100.000ha tại Việt Nam từ năm 2007, nhằm phát triển bền vững lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty.

3.1.3.2. Rủi ro về thị trường:

Thị trường Mỹ khá ổn định với chỉ số DJ luôn trên 14.000 điểm. Chỉ số bán nhà tiếp tục lên cao, kéo theo tiêu thụ đồ gỗ gia dụng tăng đáng kể. Khu vực đồng Euro (Eurozone) hồi phục ấn tượng. Kinh tế Nhật Bản đã tăng trưởng trở lại nhờ được hỗ trợ từ đồng Yên giảm giá và sức ép lạm phát giảm bớt, nhập khẩu đồ gỗ sẽ tăng lên khi công việc tái thiết đất nước đã diễn ra. Bên cạnh đó, Mỹ đã mở rộng danh mục mặt hàng đồ nội thất bị áp thuế chống phá giá đối với xuất xứ Trung Quốc. Trong khi đó thì Trung Quốc lại tăng giá nhân công và giảm ưu đãi cho xuất khẩu đồ gỗ, nhân dân tệ tăng giá, kéo theo đồ gỗ của họ khó cạnh tranh về giá hơn, Vì vậy, thị trường xuất khẩu đồ gỗ có xu hướng rộng mở hơn đối với Việt Nam. Tuy nhiên, tình hình bất động sản trong nước vẫn còn xấu (mặc dù có “ấm” lên so với những năm liền trước) sẽ làm cho thị trường trang trí nội thất và kinh doanh đồ gỗ tại nội địa khó tăng trưởng mạnh



Bộ sản phẩm bàn ăn - Nốt nhạc

Vì vậy phương thức quản trị rủi ro của TTF sẽ là:

- Duy trì các đơn hàng của khách hàng truyền thống và giao dịch thêm một số khách hàng mới để thay đổi một số khách hàng cũ có phương thức thanh toán quá chậm, hoặc đã giảm đặt hàng ở TTF khi TTF không xuất hàng đúng hạn vì thiếu ngân lưu dành cho sản xuất.
- Thị trường trong nước của Công ty sẽ được củng cố thêm qua việc đã thiết lập thêm các đại lý tiêu thụ mới và đặc biệt là việc tiếp tục tung ra thị trường nội địa những bộ thiết kế mới như Giường Hết Chỗ Chê, Cửa Miễn Góp Ý, Bộ bàn ghế Siêu nhẹ Siêu bền, Bộ bàn ghế Nhân trắc Cực êm, Bộ Salon Duyên dáng... . Đây là thành quả của công tác R & D với sự hỗ trợ của Phòng Thí nghiệm mà TTF thành lập từ năm 2011. Có thể nói rằng sức mạnh của TTF không phải chỉ là sản xuất hàng hóa mà còn ở khả năng R & D, bắt chập thị trường bất động sản tại Việt Nam đang suy sụp, Công ty vẫn có thể tiêu thụ được các sản phẩm có nhiều ưu thế vượt trội này.

3.2. Giả định các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty trong năm 2014

► **Rủi ro 1:** Việc tái cơ cấu tài chính bị chậm trễ so với kế hoạch làm cho ngân lưu của Công ty tiếp tục thiếu hụt, dẫn đến việc tiêu thụ hàng tồn kho gặp nhiều khó khăn và không đủ vốn lưu động để thực hiện các đơn hàng đã nhận. Lúc đó tình hình hồi phục Công ty sẽ chậm hơn

► **Rủi ro 2:** Mặc dù có thể giải chấp tồn kho gỗ để tiêu thụ khi tái cơ cấu tài chính thành công, thị trường thế giới đối với dòng hàng cao cấp làm bằng gỗ Teak vẫn chưa hồi phục mạnh mẽ thì việc tiêu thụ nguyên liệu này cũng sẽ rất khó khăn. Ngoài ra, do tồn kho kéo dài từ 2008 đến nay, chất lượng nguyên liệu cũng xuống cấp từ 10-25% tùy loại. Do đó, dự kiến bán lỗ trên 20% và lỗ tiềm tàng đối với nguyên liệu tồn kho là khoảng 125 tỷ đồng.

► **Rủi ro 3:** Lạm phát VN dự kiến vẫn ở mức từ 5,5% trở lên do tác động theo độ trễ của những chính sách tháo gỡ khó khăn sản xuất kinh doanh năm 2013, cùng với đó là tình hình thiên tai, bão lũ, dịch bệnh trên cây trồng vật nuôi, bên cạnh việc một vài mặt hàng thiết yếu như xăng dầu, điện, học phí, thuốc và dịch vụ y tế nhiều khả năng sẽ có thêm những đợt điều chỉnh giá mới.

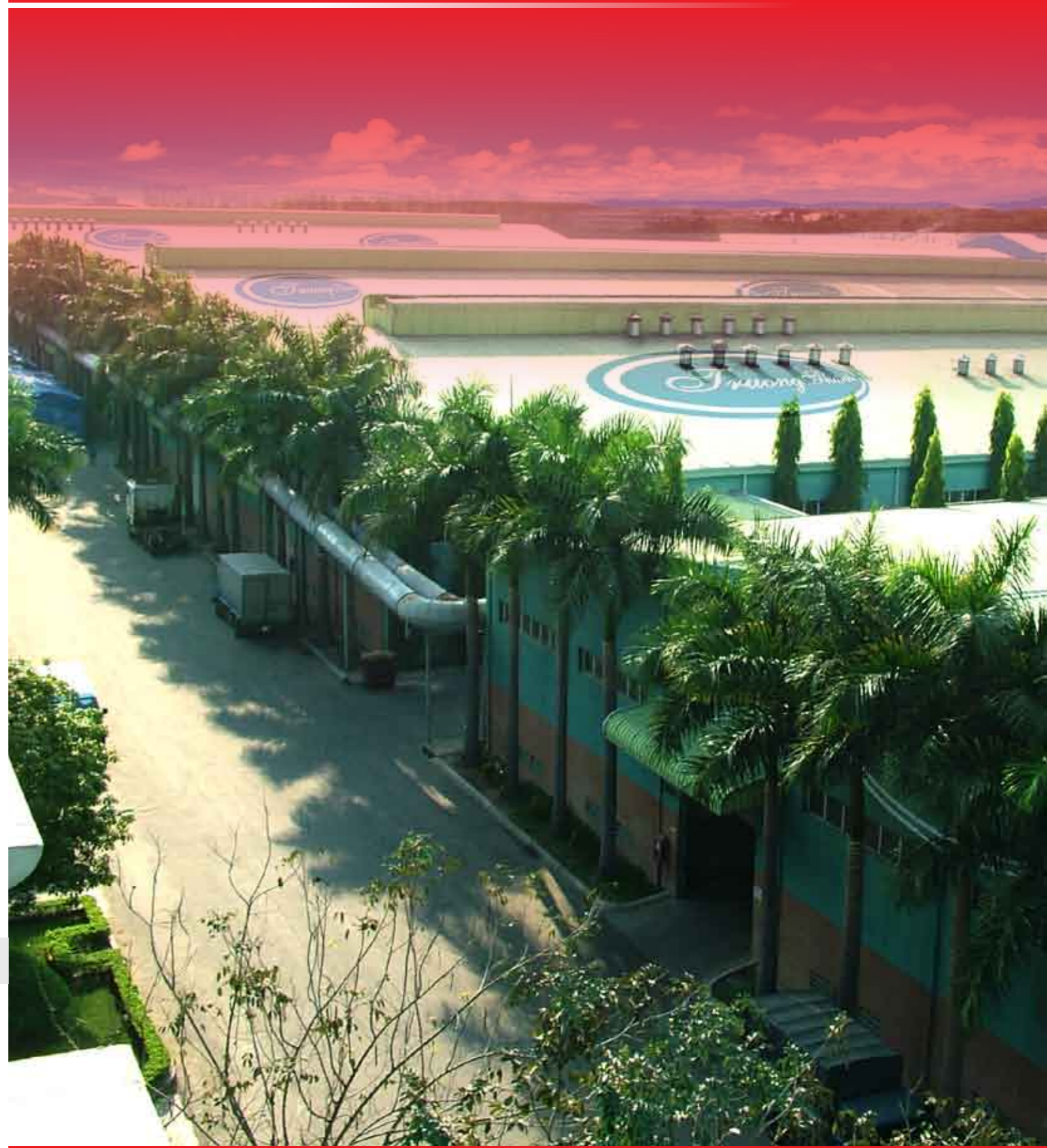
► **Rủi ro 4:** Chính sách thắt chặt tiền tệ của Chính phủ đã kéo dài quá lâu dẫn đến tình trạng sẽ có nhiều doanh nghiệp nói chung, cũng như TTF nói riêng tiếp tục bị suy yếu, trong khi đó những giải pháp nới lỏng định lượng hoặc kích thích khác đưa ra chậm chạp hoặc không khả thi, dẫn đến sự trì trệ của nền kinh tế

► **Rủi ro 5:** Gói 30 tỷ đồng của Chính phủ giải cứu cho ngành bất động sản chậm chạp sẽ làm tình hình bất động sản không tăng trưởng như mong đợi trên phân khúc cao cấp. Điều này sẽ khiến cho thị trường trang trí nội thất cao cấp tại Việt Nam không tăng trưởng mạnh



Những bộ sản phẩm ngoài trời

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2013



PHẦN 4

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2013

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Stt	Diễn giải	Thành tiền (VND)
1	Doanh thu thuần	1.550.346.175.020
2	Lợi nhuận gộp	304.739.071.103
3	Lợi nhuận sau thuế	- 4.693.124.438
4	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	3.869.364.621
5	EPS	76

1.2. Những thay đổi, biến động lớn

1.2.1. Về Doanh thu

Giảm gần 41%, ngoài lý do điều chỉnh theo chuẩn mực hạch toán, còn do thiếu tài chính để sản xuất giao hàng cho khách đủ theo nhu cầu. Nguồn vốn vay thêm từ ngân hàng Việt Á chủ yếu giải ngân trong Quý 4 nên cả năm hầu như chỉ sản xuất được 50% đơn hàng đã nhận được.

1.2.2. Về Lợi nhuận

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất đã bị lỗ khoảng 4,7 tỷ đồng, trong khi năm trước là lãi khoảng 2,9 tỷ đồng. Riêng lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ thì đạt gần 3,9 tỷ đồng (tăng 56% so với năm trước) thể hiện các công ty con bị lỗ nhiều hơn năm trước.

1.2.3. Về Chi phí

Công ty đã có nhiều cải tiến trong quản trị chi phí. Do đó, so với năm trước thì:

- Chi phí tài chính giảm **9%**
- Chi phí bán hàng giảm **31,52%**
- Chi phí quản lý giảm **12,87%**

• Tỷ lệ giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần giảm từ **87,08%** còn **80,02%**. Do đó Lợi nhuận gộp chỉ giảm **9%** trong khi doanh thu giảm gần **41%**

1.2.4. Về thị trường

TTF ưu tiên hơn cho các đơn hàng công trình nội địa, do có phương thức thanh toán tốt hơn, cũng như có tỷ lệ lợi nhuận thô/ doanh thu cao hơn các đơn hàng xuất khẩu. Ngoài ra, Công ty còn tăng cường bán sản phẩm ván nhân tạo do công ty con tự sản xuất. Do đó, tỷ lệ doanh thu cho thị trường nội địa cũng đã tăng dần lên, ngang ngửa với thị trường xuất khẩu

Xuất khẩu sang Mỹ hàng hóa với chính thương hiệu TTF



1.2.5. Về sản phẩm

Ván sàn, đặc biệt là dòng kỹ thuật cao, đã tăng vọt ấn tượng lên đến 16%, do thu hút được nhiều chủ đầu tư các công trình bất động sản cao cấp tại Việt Nam như Vincom Center, Eden, Vinpearl Đà Nẵng, Tàu du lịch Amalotus, Royal City, Times City... Hàng trong nhà cũng tăng, trong khi hàng ngoài trời giảm, vì khi thiếu tài chính thì ưu tiên chọn đơn hàng nội địa có phương thức thanh toán phù hợp hơn để làm. Cơ cấu dòng hàng theo doanh số năm 2013 như sau:

Hàng trong nhà:	49%
Hàng ngoài trời:	26%
Ván sàn:	16%
Khác (ván, gỗ, vật tư):	9%

1.3. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Đơn vị tính: triệu đồng

Diễn giải	Thực hiện năm 2012	Kế hoạch năm 2013	Thực hiện năm 2013	So với năm 2012	So với kế hoạch 2013
Doanh thu thuần	2.620.427	2.200.000	1.545.311	- 41,03%	- 29,76%
Lợi nhuận gộp	334.877	275.000	304.709	- 9,00%	+ 10,80%
Tỷ lệ Giá vốn hàng bán/ Doanh thu thuần	87,22%	87,50%	80,28%		
Doanh thu hoạt động tài chính	10.201	50.000	8.920	- 12,56%	- 82,16%
Chi phí tài chính	240.894	180.000	219.173	- 9,02%	+ 21,76%
Chi phí bán hàng	18.436	20.000	12.624	- 31,52%	- 36,88%
Chi phí quản lý	89.048	85.000	77.591	- 12,87%	- 8,72%
Lợi nhuận sau thuế	- 2.902	31.000	- 4.693	- 61,69%	- 115,14%
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	2.496	Không thiết lập	3.869	+ 55,00%	
EPS (đồng)	74	Không thiết lập	76	+ 2,51%	

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2012 và 2013 của TTF, và kế hoạch kinh doanh đã thông qua trong ĐHCĐ thường niên 2013

Nguyên nhân không đạt kế hoạch đã đề ra:

a) **Đợt tăng vốn 98 tỷ đồng** bằng cách phát hành cổ phiếu dưới mệnh giá (5.000 đồng/cp) cho cổ đông hiện hữu: việc này đã gặp nhiều khó khăn để thực hiện vì đây là công ty đầu tiên được cấp phép phát hành cổ phiếu dưới mệnh giá, nhưng Công ty cũng đã thực hiện thành công, thu được 100% tiền vào tháng 3/2013. Khi nguồn tiền này thu về thì Công ty đã thực hiện một số nghĩa vụ trả lãi với các ngân hàng, tuy nhiên, **một số ngân hàng đã thu nợ gốc ngoài thỏa thuận**, dẫn đến không đủ nguồn vốn sản xuất kinh doanh như đã hoạch định trước đó và công ty đã không khôi phục lại được năng suất nhà máy

b) **Đợt tăng vốn 72 tỷ đồng** bằng cách phát hành cổ phiếu dưới mệnh giá (5.000 đồng/cp) cho cổ đông hiện hữu và cổ đông chiến lược: không thành công trong tháng 9/2013 theo kế hoạch mà phải **đến cuối tháng 12/2013 mới phát hành thành công và tiền thu về Công ty**. Do vậy, số tiền này hoàn toàn không thể hỗ trợ cho TTF đủ tài chính thực hiện các đơn hàng đã nhận để sản xuất trong năm

c) **Đợt phát hành cho nhà đầu tư nước ngoài:** chưa thực hiện được trong năm. Hiện tại vẫn còn đang trong quá trình đàm phán

d) Công ty cũng **mất một số khách hàng và một số khách giảm bớt đơn hàng** khi TTF liên tục giao hàng trễ

e) **Doanh thu tài chính không đạt được theo kế hoạch** vì chưa đạt được liên doanh trồng rừng trong năm (do đối tác đề nghị đợi khi TTF ổn định hơn trong SXKD) và chỉ bắt đầu khai thác rừng và bán gỗ chưa đáng kể vào cuối năm 2013 (do trước đó đấu thầu không thành công nên kéo dài hơn dự kiến)

f) **Chi phí tài chính vẫn còn cao, xuất phát chủ yếu do:**

- Đầu tư tài chính dài hạn chưa có kết quả tốt do các công ty con còn thua lỗ trong bối cảnh thiếu vốn hoạt động, và các công ty trồng rừng chưa có nguồn thu đáng kể

- Từ Quý 2 năm 2013 công ty rơi vào tình trạng bế tắc ngân lưu khi các ngân hàng không tiếp tục giải ngân. Toàn bộ hàng tồn kho nguyên liệu Công ty đã thế chấp vào các ngân hàng để làm tài sản đảm bảo. Các ngân hàng đã không giải ngân và không chấp nhận giải chấp nguyên liệu dẫn đến Công ty không thể tiếp tục sản xuất giao hàng cho các khách hàng. Trước tình thế đó, Công ty đã phải quyết định cơ cấu nợ bằng nhiều giải pháp tại các ngân hàng và tìm một ngân hàng mới là Ngân hàng Việt Á để tài trợ vốn lưu động mới cho Công ty bằng các hợp đồng đầu ra đã ký kết. Do đó, hầu hết vốn lưu động được tài trợ dùng để mua mới nguyên liệu cho các hợp đồng đã ký kết cho đến khi các phương án cơ cấu nợ được các ngân hàng đồng ý phê duyệt thì mới giải chấp được nguyên liệu để sử dụng và bán thanh lý. Việc này đã làm cho tồn kho nguyên liệu tăng tạm thời trong giai đoạn Quý 4 2013 và Quý 1 2014 khá lớn. Số lượng hàng tồn kho này sẽ được giảm kể từ cuối Quý 2 năm 2014 khi các phương án xử lý nợ được thông qua trong Quý 2 năm 2014.

2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

2.1. Những thay đổi trong Ban Điều hành

Thời gian	Bổ sung	Miễn nhiệm	Ghi chú	Số lượng thành viên BDH sau khi bổ sung/ miễn nhiệm
22/11/2013		Ông Đỗ Ngọc Nam – Giám đốc Tài chính	Đề Ông Đỗ Ngọc Nam tập trung cho nhiệm vụ Trưởng ban Kiểm toán nội bộ	7
22/11/2013	Ông Đào Ngọc Quyết – Giám đốc Tài chính		Thay thế Ông Đỗ Ngọc Nam	8

2.2. Tình hình biến động nhân sự

Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2013 là **3.467 người, giảm khoảng 30% so với năm 2012**

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN:

3.1. Các khoản đầu tư lớn trong năm 2013: Không có

3.2. Hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con và công ty liên kết:

3.2.1. Các công ty con trực tiếp

3.2.1.1. **CTY CP TRƯỜNG THÀNH (gọi tắt là TTDL1) – Hợp nhất**
CTY CP TRƯỜNG THÀNH (gọi tắt là TTDL1) – Hợp nhất

Stt	Diễn giải	Thành tiền (triệu VND)
1	Doanh thu	238.104
2	Lợi nhuận sau thuế (đã trừ lợi ích của cổ đông thiểu số)	-24.668
3	Vốn Chủ sở hữu	588
4	Tổng Tài sản	347.939
5	Vay ngắn hạn	143.427
6	Vay dài hạn	35.000

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2013 của TTDL1

3.2.1.2. CTY CP CHẾ BIẾN GỖ TRƯỜNG THÀNH (gọi tắt là TTDL2)

Stt	Diễn giải	Thành tiền (triệu VND)
1	Doanh thu	376.890
2	Lợi nhuận sau thuế	2.377
3	Vốn Chủ sở hữu	20.423
4	Tổng Tài sản	318.070
5	Vay ngắn hạn	156.935
6	Vay dài hạn	13.801

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2013 của TTDL2

3.2.1.3. CTY CP CHẾ BIẾN GỖ TRƯỜNG THÀNH (gọi tắt là TTBD2)

Stt	Diễn giải	Thành tiền (triệu VND)
1	Doanh thu	255.631
2	Lợi nhuận sau thuế	384
3	Vốn Chủ sở hữu	157.147
4	Tổng Tài sản	431.863
5	Vay ngắn hạn	186.000
6	Vay dài hạn	735

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2013 của TTBD2

3.2.1.4. CTY CP VÁN CÔNG NGHIỆP TRƯỜNG THÀNH (gọi tắt là TTBD 3)

Stt	Diễn giải	Thành tiền (triệu VND)
1	Doanh thu	368.619
2	Lợi nhuận sau thuế	768
3	Vốn Chủ sở hữu	46.606
4	Tổng Tài sản	267.468
5	Vay ngắn hạn	16.696
6	Vay dài hạn	16.690

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2013 của TTBD3

3.2.1.5. CTY CP LÂM NGHIỆP TRƯỜNG THÀNH (gọi tắt là TTC)

Stt	Diễn giải	Thành tiền (triệu VND)
1	Doanh thu	1.212
2	Lợi nhuận sau thuế	- 900
3	Vốn Chủ sở hữu	49.055
4	Tổng Tài sản	115.008
5	Vay ngắn hạn	5.000
6	Vay dài hạn	47.400

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2013 của TTC

3.2.1.6. CTY CP TRỒNG RỪNG TRƯỜNG THÀNH (gọi tắt là TTP)

Stt	Diễn giải	Thành tiền (triệu VND)
1	Doanh thu	0
2	Lợi nhuận sau thuế	- 776
3	Vốn Chủ sở hữu	49.125
4	Tổng Tài sản	70.325
5	Vay ngắn hạn	15.283
6	Vay dài hạn	0

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2013 của TTP

3.2.1.7. CTY CP CÔNG NGHIỆP GỖ TRƯỜNG THÀNH (gọi tắt là TTI)

Stt	Diễn giải	Thành tiền (triệu VND)
1	Doanh thu	32.888
2	Lợi nhuận sau thuế	547
3	Vốn Chủ sở hữu	23.418
4	Tổng Tài sản	59.731
5	Vay ngắn hạn	24.721
6	Vay dài hạn	2.732

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2013 của TTI

3.2.1.8. CTY CP TRƯỜNG THÀNH XANH (gọi tắt là TTG)

Stt	Diễn giải	Thành tiền (triệu VND)
1	Doanh thu	22.335
2	Lợi nhuận sau thuế	- 1.170
3	Vốn Chủ sở hữu	39.174
4	Tổng Tài sản	84.475
5	Vay ngắn hạn	0
6	Vay dài hạn	0

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2013 của TTG

3.2.1.9. CTY TNHH KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH (gọi tắt là TTTĐ)

Stt	Diễn giải	Thành tiền (triệu VND)
1	Doanh thu	0
2	Lợi nhuận sau thuế	1.069
3	Vốn Chủ sở hữu	6.009
4	Tổng Tài sản	6.849
5	Vay ngắn hạn	0
6	Vay dài hạn	0

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2013 của TTTĐ

3.2.1.10. CTY CP LÂM NGHIỆP TRƯỜNG THÀNH ĐAKNONG

Stt	Diễn giải	Thành tiền (triệu VND)
1	Doanh thu	0
2	Lợi nhuận sau thuế	- 1.247
3	Vốn Chủ sở hữu	- 245
4	Tổng Tài sản	80
5	Vay ngắn hạn	0
6	Vay dài hạn	0

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2013 của XNK Trường Thành Đắk Nông

3.2.1.11. CTY CP THƯƠNG MẠI XNK TRƯỜNG THÀNH ĐAKNONG

Stt	Diễn giải	Thành tiền (triệu VND)
1	Doanh thu	50.204
2	Lợi nhuận sau thuế	2.452
3	Vốn Chủ sở hữu	20.894
4	Tổng Tài sản	43.079
5	Vay ngắn hạn	3.992
6	Vay dài hạn	0

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2013 của XNK Trường Thành Đắk Nông

3.2.1.2. CTY CP CHẾ BIẾN GỖ TRƯỜNG THÀNH M'DRAK

Stt	Diễn giải	Thành tiền (triệu VND)
1	Doanh thu	7.988
2	Lợi nhuận sau thuế	10
3	Vốn Chủ sở hữu	5.302
4	Tổng Tài sản	6.843
5	Vay ngắn hạn	0
6	Vay dài hạn	0

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2013 của Trường Thành M'Drak

3.2.2. Các công ty con gián tiếp**3.2.2.1. CTY CP NÔNG LÂM CÔNG NGHIỆP TRƯỜNG AN**

Stt	Diễn giải	Thành tiền (triệu VND)
1	Doanh thu	275
2	Lợi nhuận sau thuế	- 1.415
3	Vốn Chủ sở hữu	- 682
4	Tổng Tài sản	7.746
5	Vay ngắn hạn	5.044
6	Vay dài hạn	0

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2013 của Trường An

3.2.2.2. CTY CP VẬT LIỆU XÂY DỰNG TRƯỜNG THÀNH – PHƯỚC AN

Stt	Diễn giải	Thành tiền (triệu VND)
1	Doanh thu	0
2	Lợi nhuận sau thuế	- 4.128
3	Vốn Chủ sở hữu	- 3.714
4	Tổng Tài sản	13.032
5	Vay ngắn hạn	9.920
6	Vay dài hạn	0

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2013 của Trường Thành Phước An

3.2.3. Các công ty liên kết, liên doanh

3.2.3.1. CTY CP BAO BÌ TRƯỜNG THÀNH

Stt	Diễn giải	Thành tiền (triệu VND)
1	Doanh thu	6.241
2	Lợi nhuận sau thuế	- 925
3	Vốn Chủ sở hữu	1.334
4	Tổng Tài sản	5.131
5	Vay ngắn hạn	455
6	Vay dài hạn	0

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2013 của Bao bì Trường Thành

3.2.3.2. CTY TNHH TRỒNG RỪNG TRƯỜNG THÀNH - OJI

Stt	Diễn giải	Thành tiền (triệu VND)
1	Doanh thu	0
2	Lợi nhuận sau thuế	- 1.687
3	Vốn Chủ sở hữu	164.470
4	Tổng Tài sản	182.516
5	Vay ngắn hạn	0
6	Vay dài hạn	14.054

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2013 của Trường Thành-OJI

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH:

a/ Tình hình tài chính

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	3.298	3.518	+ 6,68%
Doanh thu thuần	2.620	1.545	- 41,03%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	- 3.299	4.271	+ 229,46%
Lợi nhuận khác	3.821	- 7.178	- 287,86%
Lợi nhuận trước thuế	- 697	- 4.173	- 498,71%
Lợi nhuận sau thuế	- 2.902	- 4.693	- 61,72%
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	2.496	3.869	+ 55,00%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	0%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2012-2013 của TTF

b/ Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,10	1,15
Hệ số thanh toán nhanh	0,25	0,22
Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	0,76	0,73
Hệ số Nợ/ Vốn Chủ sở hữu	3,68	3,02
Vòng quay hàng tồn kho	1,26	0,59
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	0,79	0,44
Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	- 0,11%	- 0,30%
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn Chủ sở hữu	- 0,43%	- 0,55%
Lợi nhuận sau thuế/ tổng tài sản	- 0,09%	- 0,13%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	- 0,13%	+ 0,28%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2012-2013 của TTF

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU TRONG NĂM 2013

5.1. Cổ phần

- Tổng số cổ phần: **73.500.000 cp**
- Cổ phiếu quỹ: **464 cp**
- Số cổ phần lưu hành chốt 31/12/2013: **73.499.536 cp**
- Số phần hạn chế chuyển nhượng: **12.610.193 cp**
- Không có cổ phần ưu đãi

5.2. Cơ cấu cổ đông

5.2.1. Theo tiêu chí cổ đông lớn – nhỏ:

Chốt ngày 31/12/2013			
Diễn giải	Số lượng cổ đông	Số lượng CP	% Vốn Điều lệ
Cổ đông lớn	5	30.749.727	41,84%
Cổ đông nhỏ (đã trừ cổ phiếu quỹ)	2571	42.749.809	58,16%

Nguồn: theo danh sách Cổ Đông của TTF chốt ngày 31/12/2013 được cung cấp bởi trung tâm Lưu ký Chứng khoán



5.2.2. Theo tiêu chí cổ đông tổ chức – cá nhân:

Chốt ngày 31/12/2013			
Diễn giải	Số lượng cổ đông	Số lượng CP	% Vốn Điều lệ
Cổ đông tổ chức (đã trừ cổ phiếu quỹ)	70	34.689.407	47.20%
Cổ đông cá nhân	2506	38.810.219	52.80%

Nguồn: theo danh sách Cổ Đông của TTF chốt ngày 31/12/2013 được cung cấp bởi trung tâm Lưu ký Chứng khoán

5.2.3. Theo tiêu chí cổ đông trong nước – ngoài nước:

Chốt ngày 31/12/2013			
Diễn giải	Số lượng cổ đông	Số lượng CP	% Vốn Điều lệ
Cổ đông tổ chức (đã trừ cổ phiếu quỹ)	2518	67.820.033	92,27%
Cổ đông cá nhân	58	5.679.967	7,73%

Nguồn: theo danh sách Cổ Đông của TTF chốt ngày 31/12/2013 được cung cấp bởi trung tâm Lưu ký Chứng khoán

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Tăng	Giảm	Số cuối năm 2012
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	341.263.940.000		735.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	- 173.585.438.251		99.062.086.764
Cổ phiếu quỹ			(420.631.294)
Quỹ đầu tư phát triển	665.466.771		10.494.752.650
Quỹ dự phòng tài chính			3.767.885.040
Quỹ khác thuộc CSH			8.963.110
Lợi nhuận chưa phân phối	3.869.364.621	2.362.390.635	3.405.797.957
Cộng	172.213.333.141	2.362.390.635	851.318.854.225

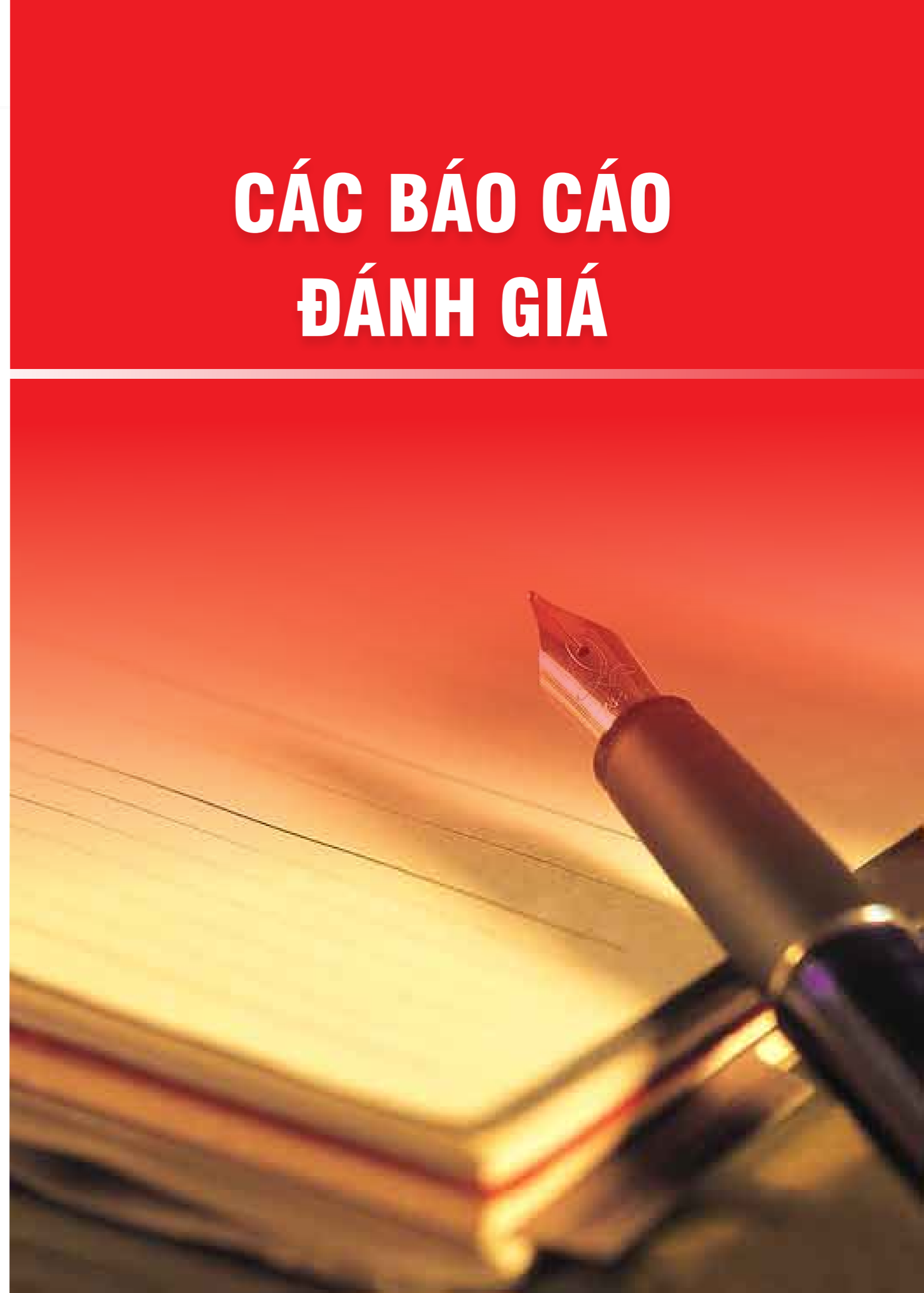
Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2013 của TTF

Vốn đầu tư của chủ sở hữu tăng do phát hành **16.116.997** cổ phần cho cổ đông hiện hữu và **18.009.397** cổ phần cho các nhà đầu tư khác theo các nghị quyết đã thông qua trong năm của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

5.5. Các chứng khoán khác: Không

CÁC BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ



PHẦN 5

CÁC BÁO CÁO - ĐÁNH GIÁ

A. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Phân tích tổng quan

● **Nhân sự:** Việc tiếp tục thiếu tiền để thanh toán lương – thưởng đúng hạn cho CBCNV trong 10 tháng đầu năm 2013 vẫn là nguyên nhân chính dẫn đến sự biến động nhân sự của Công ty. Do đó, đến 31/12/2013, toàn Tập đoàn chỉ còn 3.467 người, giảm đến 30% so với năm 2012

● **Sản xuất:** Do tình trạng thiếu hụt ngân lưu vẫn còn trầm trọng, đặc biệt trong 9 tháng đầu năm, nên Công ty chỉ có thể hoàn tất khoảng 50% những đơn hàng đã nhận trong năm, dẫn đến doanh số năm 2013 sụt giảm gần 41%.

● **Kế hoạch sản phẩm tại nội địa:** Đối với các sản phẩm mới cần tung ra thị trường nội địa theo Kế hoạch Kinh doanh năm 2013 như Giường Hết Chỗ Chê, Bộ Bàn Ăn Siêu bền Siêu nhẹ, Cửa Miễn Góp ý... cũng chưa có đủ tài chính thực hiện quảng bá và sản xuất đại trà trong năm 2013, mặc dù đây là những sản phẩm mà TTF dày công nghiên cứu phát triển, ứng dụng các kết quả của phòng thí nghiệm phối hợp với bộ phận R&D; đồng thời dòng sản phẩm mới này rất phù hợp với nhiều phân khúc thị trường, kể cả bối cảnh nền kinh tế đang rất xấu như hiện nay

● **Tỷ lệ doanh thu xuất khẩu theo từng khu vực:** Mỹ hầu như không thay đổi, vẫn chiếm khoảng 41%. Nhật Bản và Hàn Quốc thì có giảm nhẹ, còn khoảng 5% mỗi thị trường. Riêng Châu Âu thì tăng lên đến 45% (do thị trường Châu Âu dần hồi phục). Còn lại các thị trường quốc tế khác chiếm khoảng 4%.

● **Dòng sản phẩm:** Hàng nội thất chiếm 49%, hàng ngoại thất chiếm 26%, ván sàn/tương tự chiếm 16%. Còn lại 9% đến từ những dòng sản phẩm khác

● **Hệ thống phân phối tại Việt Nam:** Đã thiết lập được 38 điểm bán hàng Trường Thành trên toàn quốc (tăng 15% về số lượng so với 2012) tại TP.HCM, Tây Ninh, Bình Dương, Đà Lạt, Bến Tre, Đồng Tháp, Cần Thơ, An Giang, Kiên Giang, Nha Trang, Bình Định, Đà Nẵng, Huế, Hà Nội... Vẫn duy trì tốt hợp tác liên kết phân phối với Mê Linh Plaza (thuộc Euro Window), Điện máy Thiên Hòa, Đệ nhất Phan Khang...



Salon Thịnh Vượng



Salon Hàn Quốc



● **Nguyên liệu:** Nguyên liệu chiếm tỷ trọng cao nhất là Acacia 30%, sau đó đến ván ép 10%, Xoan đào 8%, Mahogany 7%, Hương & Cẩm xe 7%, Cao su 6%, Teak 5%, còn lại 27% là nhiều loại gỗ khác như Chò chỉ, Bạch đàn, Oak, Cherry....

● **Khả năng sinh lời:** kết quả hợp nhất bị lỗ gần 4,7 tỷ. Đây là một kết quả thấp nhất trong 6 năm qua (kể từ lần đầu tiên hợp nhất năm 2008). Tuy nhiên, lợi nhuận của cổ đông của công ty mẹ là gần 3,9 tỷ đồng. Điều này thể hiện hoạt động của phần lớn các công ty con chưa hiệu quả nên đã dẫn đến hợp nhất lỗ như đã nêu



Bộ sản phẩm Ngoài trời

1.2. Trách nhiệm của Ban Điều hành đối với việc thực hiện không thành công kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013:

Theo kế hoạch kinh doanh năm 2013 đã thông qua tại ĐHCĐ thường niên 2013, chỉ tiêu lợi nhuận thô chỉ ở mức 275 tỷ, trong khi tổng các chi phí ngoài sản xuất như chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý cũng đã ở mức 285 tỷ đồng. Do đó, lợi nhuận kinh doanh đặt ra cho năm 2013 dựa trên nền tảng lỗ nhẹ (khoảng 10 tỷ) trong hoạt động sản xuất kinh doanh (đã tính tới yếu tố lỗ do thanh lý nguyên liệu tồn kho) và với doanh thu tài chính dự kiến là 50 tỷ đồng (15 tỷ đồng đến từ khai thác rừng và 35 tỷ đồng đến từ việc chuyển nhượng quyền phát triển trồng rừng tại Dak Lak). Trong thực tế thực hiện năm 2013, mức lỗ nêu trên có nhẹ hơn (khoảng 4,7 tỷ) vì Công ty đã giảm nhiều chi phí kể cả giá vốn hàng bán, nhưng doanh thu tài chính chỉ khoảng 9 tỷ (thiếu đến 41 tỷ so với kế hoạch do rừng khai thác vào cuối năm – lúc bắt đầu có ngân lưu tốt hơn một chút - nên chưa hạch toán được vào trong năm, và chưa thực hiện xong việc chuyển nhượng quyền phát triển trồng rừng) nên Công ty đã không thể đạt kết quả theo như kế hoạch được. Do vậy, HĐQT và Ban Điều hành cũng chỉ hợp rút kinh nghiệm và liên tục tìm các giải pháp cải tiến, cụ thể là thực hiện kế hoạch tái cơ cấu tài chính, chứ không quy trách nhiệm riêng cho Ban Điều hành.

Các giải pháp cải tiến cho năm 2014 để thay đổi cục diện này:

- Tái cơ cấu tài chính chủ yếu nhằm giảm vốn vay và tăng vốn chủ sở hữu thông qua chương trình phát hành cổ phần mới để chuyển nợ vay thành vốn góp.
- Tiếp tục bán bớt tồn kho gỗ Teak ít nhất 120 tỷ đồng để có tiền mua nguyên liệu cho hàng công trình cũng có chất lượng cao và vốn lưu động lớn
- Tuyển dụng bổ sung nhân lực phù hợp bên cạnh việc tiếp tục tinh giản những CBNV làm việc với hiệu quả thấp
- Xây dựng chính sách tồn kho nguyên vật liệu cho từng tháng. Khi đã giải chấp được tồn kho nguyên liệu để thanh lý, sẽ không tiếp tục dự trữ cao, kể cả các loại gỗ đang có nhu cầu sản xuất ổn định.
- Duy trì nguyên tắc Just In Time trong tồn kho
- Các Phó TGĐ định kỳ sẽ báo cáo lên HĐQT về dự đoán kết quả kinh doanh và dự đoán ngân lưu cho từng quý

1.3. Những tiến bộ Công ty đạt được

a) Duy trì và phát triển chương trình đầu tư khép kín công nghệ như:

- Gỗ tròn thu hoạch từ rừng trồng tới đây sẽ được phân loại: phù hợp cho cửa xẻ hay bóc (rotary veneer) hay lạng (slice veneer) để tăng giá trị sau quá trình chế biến để xuất khẩu, và bán cho nhà sản xuất đồng ngành (hiện chủ yếu là công ty Đài Loan) các loại bán thành phẩm như: ván lạng, ván ép các loại - đặc biệt là ván ép dùng ngoài trời
- Các phế phẩm và chất thải loại như mạt cưa, dăm bào, ván bóc vụn... được hệ thống hút bụi thu gom, sau đó lọc khí sạch thải ra môi trường. Tất cả chất rắn phế phẩm này được hệ thống băng tải vận chuyển qua nhà máy sản xuất ván nhân tạo PB, để sản xuất ra ván nhân tạo chống nước và đạt chuẩn E0 là chuẩn cao nhất thế giới hiện nay

b) Duy trì và phát triển chương trình đầu tư cho Phòng thí nghiệm, phục vụ công tác nghiên cứu và phát triển. Phòng thí nghiệm có khả năng thực hiện việc kiểm soát từ các loại hóa chất, độc tố trong sản phẩm đến khả năng kiểm soát về cơ lý, độ bền vật liệu của gỗ, ván nhân tạo và sản phẩm. Qua đầu tư này, Công ty đã có khả năng nghiên cứu và phát triển tốt hơn và sẽ tạo ra nhiều sản phẩm tốt trong tương lai, thu hồi được vốn đầu tư nhanh chóng. Các dòng sản phẩm được tung ra thị trường VN và quốc tế trong 3 năm gần đây đã giúp TTF trúng thầu nhiều hơn trong việc thi công trang trí nội thất cho các công trình lớn tại Việt Nam



Phòng thí nghiệm của TTF

Giải thưởng Chứng nhận HVNCLC 2013



Giải thưởng Báo Cáo Thường Niên Tốt nhất 2013

c) Các giải thưởng trong năm:

Với hơn 40 giải thưởng cao quý trong 12 năm qua, năm 2013 TTF đã tiếp tục đạt được các thành tích sau:

- + Doanh nghiệp niêm yết đạt danh hiệu Top 30 Báo cáo Thường niên tốt nhất năm 2013 do Sở GDCK TP.HCM trao vào tháng 7/2013.
- + Danh hiệu Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao 2013 do Người tiêu dùng bình chọn.

2. Tình hình tài chính:

2.1. Tình hình tài sản:

- Giảm mạnh "Phải thu khách hàng" so với năm 2012 (giảm khoảng 179 tỷ đồng, tương đương 39.5 %) do trong năm 2013 Công ty đã đàm phán với nhiều khách hàng cũ giảm thời gian thanh toán ngắn hơn cũng như ưu tiên chọn khách có phương thức thanh toán có ứng trước, đồng thời theo sát công nợ nên các khoản phải thu giảm đáng kể. Ngược lại, các nhà cung cấp cũng yêu cầu giảm công nợ và thanh toán trước khi giao hàng nhiều hơn nên vì vậy "Trả trước cho người bán" cũng đã tăng 13.8 % (tương đương khoảng 7.3 tỷ đồng). Tuy nhiên, nhìn chung thì Công ty cũng giảm được dòng tiền từ những hành động này.

- Tiếp tục tăng "Tồn kho" khoảng 14.8% (tương đương 291 tỷ đồng) chủ yếu do:
 - + Từ Quý 2 năm 2013, Công ty rơi vào tình trạng bế tắc ngân lưu khi các ngân hàng chủ nợ không tiếp tục giải ngân. Công ty đã thế chấp toàn bộ hàng tồn kho nguyên liệu vào các ngân hàng để làm tài sản đảm bảo. Do vậy, khi các ngân hàng không giải ngân và không chấp nhận giải chấp nguyên liệu thì Công ty không thể tiếp tục sản xuất giao hàng cho khách theo các đơn hàng đã nhận. Trước tình thế đó, Công ty đã phải quyết định cơ cấu nợ bằng nhiều giải pháp tại các ngân hàng này và tìm một ngân hàng mới là Ngân hàng Việt Á để tài trợ vốn lưu động mới cho công ty bằng các hợp đồng đầu ra đã ký kết. Do đó, hầu hết vốn lưu động được tài trợ dùng để mua mới nguyên liệu cho các hợp đồng đã ký kết cho đến khi các phương án cơ cấu nợ được các ngân hàng đồng ý phê duyệt thì mới giải chấp được nguyên liệu để sử dụng và bán thanh lý. Việc này đã làm cho tồn kho nguyên liệu tăng tạm thời trong giai đoạn Quý 4/ 2013 và Quý 1/2014 khá lớn. Số lượng hàng tồn

kho này sẽ được giảm kể từ cuối Quý 2 năm 2014 khi các phương án xử lý nợ được thông qua trong Quý 2 năm 2014.



- Không có biến động (tăng/giảm) đối với tài sản dài hạn đáng kể. Tuy nhiên, đối với các khoản đầu tư dài hạn vẫn chưa mang lại dòng tiền và lợi nhuận cho công ty cho năm 2013:

- + Các khoản đầu tư vào trồng rừng: Công ty sẽ bắt đầu khai thác với quy mô 500ha từ cuối năm 2013 và 1.000ha mỗi năm kể từ 2015 đến 2020. Tổng giá trị nguồn thu trong giai đoạn này là 800 tỷ đồng và trung bình mỗi năm là 120 tỷ đồng.

- + Đầu tư vào Quỹ y tế Bản Việt (30 tỷ vốn gốc): Đã thu hoàn được vốn 15 tỷ đồng trong đó vốn gốc là 12,7 tỷ đồng và lãi là 2,3 tỷ đồng. Giá trị còn lại sẽ thu lại trong năm 2016.

- + Đầu tư vào dự án BĐS: Hiện thị trường đầu ra vẫn còn xấu nên công ty chưa triển khai. Đang tìm đối tác chuyển nhượng các dự án. Dự kiến sẽ chuyển nhượng trước dự án đất 10.320m² tại Dĩ An - Bình Dương trong Quý 2 năm 2014.

- + Đối với việc đầu tư máy móc thiết bị và nhà xưởng: Năm 2013 không đầu tư thêm máy móc thiết bị và nhà xưởng. Tuy nhiên có đầu tư mua đất và xây thêm kho chứa hàng (trị giá 78 tỷ đồng) từ năm 2012. Hiện đã đưa vào sử dụng từ Quý 1 năm 2014 và đang thực hiện thủ tục hoàn công.



2.2. Tình hình nợ phải trả:

- **Nợ vay ngắn hạn:** so với năm 2012, dư nợ ngắn hạn tại các ngân hàng tăng khoảng 123 tỷ đồng trên toàn Tập đoàn (riêng Công ty mẹ thì tăng khoảng 130,8 tỷ đồng). Các khoản vay thêm này chủ yếu đến từ ngân hàng mới là Việt Á nhằm thực hiện các đơn hàng mới và chủ yếu được giải. Mặc dầu đến cuối năm công ty vẫn có lượng tiền gửi khoản 60 tỷ đồng nhưng công ty không dùng để giảm nợ vay mà dùng để làm dự phòng và phục vụ các phương án cơ cấu nợ trong Quý 2 năm 2014 khi đó mới tiến thực hiện giảm nợ vay.

- **Giảm "Phải trả cho người bán"** hơn 179 tỷ đồng, tương đương 60% so với năm 2012 do hầu hết các nhà cung cấp cũng khó khăn về tài chính nên không đồng ý cho Công ty nợ lâu hơn nữa và phải thanh toán 1 phần nợ cũ thì mới cung cấp hàng hóa dịch vụ cho công ty. Đây là những nhà cung cấp uy tín và có giá thành rẻ.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2013, Ban Điều hành dùng phần lớn thời gian để tìm giải pháp cải thiện tình hình ngân lưu của Công ty. Do đó, chỉ có một số cải tiến được thực hiện như sau:

- Sàng lọc khách hàng và đơn hàng khi nhận đơn hàng và khi đưa đơn hàng vào sản xuất phù hợp với tình hình tài chính của Công ty theo *Quy định về đánh giá xếp hạng ưu tiên khách hàng* đã ban hành trong năm.

- Duy trì việc lập và cập nhật thường xuyên kế hoạch thu – chi thường xuyên bởi một nhóm cán bộ của nhiều phòng ban có liên quan, nhằm hiệu quả hóa việc phân phối tài chính tại một số thời điểm mà thu vào ít hơn chi ra.

- Tiếp tục tinh giảm khoảng 30% nhân sự trong năm 2013 trên toàn Tập đoàn, góp phần làm giảm chi phí quản lý và tỷ lệ giá vốn hàng bán/doanh thu

- Tinh giảm khoảng 30% nhân sự trong năm 2012 trên toàn Tập đoàn, góp phần làm giảm chi phí quản lý và tỷ lệ giá vốn hàng bán/doanh thu

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

4.1 Kế hoạch phát triển Ban điều hành

Dự kiến theo kế hoạch đã được thoả thuận trước, có 1 Phó Tổng Giám đốc nghỉ việc giữa năm và 1 Phó Tổng Giám đốc nghỉ việc cuối năm nay/ đầu năm sau, HĐQT đang tăng cường tìm kiếm để tuyển dụng thay thế 2 Phó Tổng Giám đốc này. Ngoài ra, Chủ tịch HĐQT cũng có nguyện vọng tìm kiếm ứng viên vào vị trí Tổng Giám đốc thay thế cho vị trí mà Chủ tịch đang kiêm nhiệm nhiều năm qua, ưu tiên là nhân sự người nước ngoài được đề cử bởi cổ đông nước ngoài của Công ty.

4.2 Kế hoạch phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh

- Rà soát, đánh giá tất cả các công ty con, để từ đó tiến hành sáp nhập và/ hoặc giải thể, làm cho bộ máy của Tập đoàn gọn gàng hơn, quản lý chặt chẽ và sâu hơn
- Hạn chế phát triển thêm các công ty con để tránh rườm rà khi tài chính cho hoạt động chế biến gỗ chưa đủ mạnh
- Thành lập công ty chuyên về thi công trang trí nội thất, với nền tảng là Khối Công trình hiện nay của Công ty, nhằm chuyên môn hoá hoạt động cũng như đẩy nhanh các thủ tục cần thực hiện trong hoạt động thi công trang trí nội thất đối với các công trình cao cấp
- Tìm kiếm các cơ hội M&A đối với các công ty đồng ngành phù hợp khi tài chính đủ mạnh, đưa Tập đoàn sớm đạt được tầm nhìn trở thành TOP 50 trên toàn thế giới trong ngành chế biến gỗ



Bộ Nakata - phong cách Nhật Bản





1. Đánh giá về các hoạt động của Công ty

Với ý chí mạnh mẽ, toàn thể Công ty đã hết sức nỗ lực trong mọi hoạt động trong năm 2013 – một năm những tưởng Công ty đã không thể vượt quá sức ép quá mạnh của dòng ngân lưu. Mặc dù kết quả hoàn toàn không đáp ứng được kế hoạch đã đề ra, nhưng đã có một số điểm sáng, chẳng hạn:

- Giá vốn hàng bán được cải thiện đáng kể, thể hiện sự quản trị chi phí có tiến bộ, đồng thời có cải tiến trong việc sàng lọc khách hàng và đơn hàng;
- Nhân sự được tinh giảm kịp thời, giúp giảm chi phí quản lý hợp lý theo doanh số của Công ty;
- Tiếp cận được nhiều công trình bất động sản cao cấp tại Việt Nam, hứa hẹn sự gia tăng lợi nhuận hoàn toàn khả thi trong tương lai gần, khi tỷ lệ hàng **công trình tăng** lên đáng kể trong tổng các dòng hàng
- Việc tái cơ cấu tài chính từng bước đã

làm cho Công ty hồi phục, nếu không nói là sẽ trở nên rất mạnh mẽ sau khi thực hiện kế hoạch này thành công.

2. Đánh giá về hoạt động của Ban Điều hành

Ban Điều hành đã thường xuyên họp để đánh giá các tình hình kinh tế vĩ mô, tình hình sản xuất kinh doanh và đặc biệt là đề xuất các giải pháp giải quyết vấn đề ngân lưu đã được báo động từ đầu năm 2012 cho HĐQT; thậm chí cùng phòng Tài chính rà soát thông tin về ngân lưu nhằm đánh giá chắc chắn mức độ thiếu hụt. Ban Điều hành đã thấy rõ vấn đề khó khăn, tuy nhiên, các giải pháp đưa ra, ngay cả từ HĐQT, cũng rất khó khi thực hiện trong bối cảnh các ngân hàng đang củng cố và giải bài toán nợ xấu, cho đến khi cùng thảo luận với một số nhà đầu tư nước ngoài và một số nhà tư vấn chuyên nghiệp thì đã quyết tâm thực hiện theo phương án Tái cơ cấu tài chính với nhiều bước trong vòng 18 tháng từ tháng 11/2013



Bộ bàn ăn
Siêu bền - Siêu nhẹ



3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

- Khôi phục lại hoạt động mạnh mẽ của các tiểu ban trong HĐQT
- Thực hiện tái cơ cấu tài chính nhằm đủ ngân lưu thực hiện Kế hoạch Kinh doanh
- Thực hiện tái cấu trúc cơ cấu cổ đông, trong đó nhà đầu tư chiến lược sẽ tham gia vào quản trị, điều hành sát sườn hơn để giải quyết các khó khăn mà HĐQT tiên liệu vẫn còn nhiều
- Rà soát việc sáp nhập các công ty con để tăng cường quản lý, giải thể một số công ty con để bộ máy tập đoàn được tinh gọn hơn
- Đưa các cán bộ của Công ty mẹ tăng cường thêm cho HĐQT các công ty con, nhằm kiểm soát hoạt động và thúc đẩy sản xuất kinh doanh tại các công ty con tốt hơn
- Giảm số lượng thành viên HĐQT xuống dần còn 7 và sau đó còn 5, trong đó có 2 thành viên là thành viên HĐQT độc lập

1. Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2013

Với vai trò giám sát tình hình hoạt động đặc biệt là công tác tài chính, trong năm 2013 Ban Kiểm Soát đã họp định kỳ 3 tháng một lần và thường xuyên trao đổi thông tin qua email, điện thoại để kịp thời nắm bắt các hoạt động của Công ty.

Các hoạt động của Ban Kiểm Soát trong năm 2013:

- Giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty, Quy chế Quản trị Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2013.
- Cử đại diện tham gia đầy đủ các buổi họp của Hội đồng quản trị, giám sát việc triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ đối với HĐQT, Ban Tổng giám đốc và đưa ra các ý kiến góp ý trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.

• Kiểm soát tài chính:

► Phối hợp với bộ phận kiểm toán nội bộ và đơn vị kiểm toán thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát tính hợp lý, hợp lệ trong việc ghi chép sổ sách kế toán và lập các báo cáo tài chính 6 tháng, cả năm, nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính. Tìm hiểu các vấn đề phát sinh trong quá trình soát xét và kiểm toán BCTC.

► Hỗ trợ bộ phận TCKT & Kiểm toán nội bộ xây dựng hệ thống bảng biểu dự báo và kiểm soát dòng tiền.

Ngoài ra BKS cũng thường xuyên theo dõi các thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh, các thông tin bất thường ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

2. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2013:

Trên cơ sở báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty, báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam và các công việc thẩm định do Ban kiểm soát tiến hành đối với các báo cáo này. Ban Kiểm soát nhất trí với ý kiến của đơn vị kiểm toán độc lập DFK: Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của CTCP Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 và được lập phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



3. Đánh giá của Ban kiểm soát về kiểm soát tài chính:

► Công tác kế toán, kiểm toán nội bộ:

- Sổ sách kế toán được lập và lưu trữ đúng theo quy định về kế toán. Các số liệu kế toán được hạch toán đầy đủ, rõ ràng, phản ánh trung thực tình hình tài chính của Công ty.
- Trong năm, bộ phận Kiểm toán nội bộ hoạt động tích cực, góp phần hỗ trợ cho Ban điều hành thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty. Tuy nhiên hoạt động của bộ phận Kiểm toán nội bộ vẫn chưa tách bạch hoàn toàn khỏi công tác tài chính kế toán; Do đó chưa phát huy hết được tính độc lập, vai trò kiểm tra, giám sát của bộ phận Kiểm toán nội bộ.



► Về tình hình tài chính:

- **Tình trạng tích trữ tồn kho:** Số dư tồn kho tại ngày 31/12/2013 của toàn Tập đoàn là 2.245 tỷ đồng – tăng hơn 289 tỷ đồng so với năm 2012 – trong khi doanh thu của năm 2013 giảm.

Về tiến độ giải phóng hàng tồn kho chậm luân chuyển: Hiện nay Công ty đã thành lập 1 bộ phận chuyên trách việc tiêu thụ nguyên vật liệu tồn kho và đang bán cho nhiều đối tác tại Bình Dương và Bình Định cũng như cố gắng đưa vào sản xuất, tuy nhiên đa số là đơn hàng nhỏ lẻ do nhu cầu tiêu thụ chung rất thấp do đó tiến độ giải phóng hàng tồn kho không như mong muốn. Hơn nữa trong một số trường hợp Công ty không đủ tài chính để giải chấp ngân hàng khi có khách hàng mua cũng ảnh hưởng đến tiến độ giải phóng hàng tồn kho chậm luân chuyển.

- **Tình hình nợ vay:** Tổng dư nợ vay ngân hàng đến ngày 31/12/2013 là 1.981 tỷ đồng (bao gồm cả ngắn hạn và dài hạn) – tăng 140 tỷ so với đầu năm.

• **Tình hình ngân lưu:** Công ty tiếp tục gặp nhiều khó khăn về ngân lưu – tình trạng này đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Rủi ro về thanh khoản tăng cao.

4. Tình hình thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013

4.1. Tình hình thực hiện một số chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2013

Công ty chưa hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2013, chủ yếu do khó khăn về dòng ngân lưu.

4.2. Tăng vốn điều lệ: Trong năm 2013, Công ty đã hoàn tất việc tăng vốn điều lệ lên 735 tỷ đồng thông qua phương án phát hành cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 20:3 và chào bán cho đối tác chiến lược. Thực hiện đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2013.

4.3. Các vấn đề khác (Xem trang sau)

Nghị quyết ĐHĐCĐ 2013	Thực hiện	Đánh giá
Vấn đề 7: Ủy quyền cho HĐQT chọn công ty kiểm toán năm 2013 trong số một trong 05 đơn vị: KPMG Việt Nam, Ernst & Yuong Việt Nam; DFK, IFC; An Phú	Công ty Kiểm toán được lựa chọn là DFK.	Thực hiện đúng theo nghị quyết ĐHĐCĐ.
Vấn đề 8: Thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát năm 2013: + HĐQT: 712 triệu đồng (Chủ tịch 100 triệu đồng; ủy viên 72 triệu đồng; thư ký: 36 triệu đồng) + BKS: 84 triệu đồng (Trưởng ban 36 triệu đồng, thành viên 24 triệu đồng)	Chưa thực hiện	Ưu tiên thanh toán nợ lương cho CBNV và người lao động trong Công ty.

5. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành

- Hiện tại Ban Kiểm soát chưa phát hiện trường hợp nào thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành & cán bộ quản lý vi phạm pháp luật, điều lệ, quy chế quản trị và các quy định khác của Công ty.

6. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban Điều hành

- Trong năm 2013, Ban kiểm soát đã nhận được đầy đủ thông tin về các quyết định của HĐQT; Cử đại diện tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và đóng góp các ý kiến trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.
- Sự gắn kết và tính công khai, minh bạch thông tin nhìn chung được xuyên suốt trong các hoạt động giữa BKS, HĐQT và Ban Điều hành trong năm.

7. Khuyến nghị của BKS

- HĐQT, BĐH cần quyết tâm thực hiện mục tiêu giảm hàng tồn kho nói chung và tồn kho chậm luân chuyển nói riêng để khơi thông nguồn vốn, giảm áp lực về ngân lưu.
- Tiếp tục cơ cấu một phần nợ vay ngắn hạn sang trung hạn để giảm áp lực về ngân lưu. Đồng thời tìm kiếm các kênh huy động vốn phù hợp để có thêm nguồn vốn mới tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Công ty cần tiếp tục rà soát, cắt giảm các chi phí ở mức thấp nhất, định mức các khoản chi phí thường xuyên và kiểm soát hiệu quả việc thực hiện, kiểm tra và tiến hành thanh lý các tài sản không còn sử dụng hoặc sử dụng không hiệu quả để cải thiện dòng tiền của Công ty.
- Trong năm 2013, các đơn hàng nội địa có tỷ suất lợi nhuận cao hơn các đơn hàng xuất khẩu, do đó HĐQT, BĐH cần xem xét tiếp tục triển khai và nghiên cứu thêm các sản phẩm mới đáp ứng thị hiếu của thị trường nội địa, để nâng cao hiệu quả kinh doanh.



**QUẢN TRỊ
CÔNG TY**

PHẦN 6

QUẢN TRỊ CÔNG TY

A. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Giới thiệu Hội đồng Quản trị

1.1. Chủ tịch HĐQT

Ông Võ Trường Thành

- + Sinh năm 1958, Thạc sỹ QTKD tốt nghiệp tại Hoa Kỳ
- + Có hơn 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chế biến gỗ
- + Tỷ lệ nắm giữ CP có quyền biểu quyết (chốt ngày 31/12/2013): 13,57%
- + Số lượng chức danh HĐQT nắm giữ tại các công ty khác: 7 đối với công ty con và liên kết, 1 đối với công ty ngoài



1.2. Ủy viên HĐQT:

Ông Tạ Văn Nam

- + Sinh năm 1951, tốt nghiệp Đại học Sư phạm
- + Có gần 16 năm kinh nghiệm quản lý và điều hành trong ngành chế biến gỗ
- + Tỷ lệ nắm giữ CP có quyền biểu quyết (chốt ngày 31/12/2013): 0,26%
- + Số lượng chức danh HĐQT nắm giữ tại các công ty khác: 4 đối với công ty con



1.3. Ủy viên HĐQT:

Bà Ngô Thị Hồng Thu

- + Sinh năm 1977, Thạc sỹ & Tiến sỹ QTKD. Được đào tạo tại Hoa Kỳ năm 2002 về gỗ và chế biến gỗ trong chương trình tài trợ bởi Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ
- + Có gần 14 năm kinh nghiệm trong ngành chế biến gỗ
- + Tỷ lệ nắm giữ CP có quyền biểu quyết (chốt ngày 31/12/2013): 0,47%
- + Số lượng chức danh HĐQT nắm giữ tại các công ty khác: 4 đối với công ty con và liên kết, 1 đối với công ty ngoài



1.4. Ủy viên HĐQT:

Ông Võ Diệp Văn Tuấn

- + Sinh năm 1979, Thạc sỹ QTKD của trường Đại học Kaplan của Mỹ, Cử nhân QTKD của trường Đại học Los Angeles, có chứng chỉ Award về Kế toán Tài chính tại UCLA, Mỹ
- + Có hơn 9 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và đầu tư tại Mỹ và Việt Nam
- + Tỷ lệ nắm giữ CP có quyền biểu quyết (chốt ngày 31/12/2013): 0,34%
- + Số lượng chức danh HĐQT nắm giữ tại các công ty khác: 7 đối với công ty con và liên kết



Giới thiệu Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

1.5. Ủy viên HĐQT:

Ông Đinh Văn Hóa

- + Sinh năm 1962, Cử nhân Đại học Bách Khoa – ngành Kỹ thuật xây dựng
- + Có hơn 25 năm kinh nghiệm trong công tác quản lý và điều hành quản lý trong ngành xây dựng
- + Tỷ lệ nắm giữ CP có quyền biểu quyết (chốt ngày 31/12/2013): 0,16%
- + Số lượng chức danh HĐQT nắm giữ tại các công ty khác: 1 đối với công ty con



1.7. Ủy viên HĐQT:

Ông Nguyễn Nhân Nghĩa

- + Sinh năm 1969, Thạc sỹ kinh tế tài chính
- + Có hơn 22 năm kinh nghiệm trong ngành ngân hàng, đầu tư và tài chính
- + Tỷ lệ nắm giữ CP có quyền biểu quyết (chốt ngày 31/12/2013): 8,18% (đại diện sở hữu cho Quỹ Đầu tư Việt Nam)
- + Số lượng chức danh HĐQT nắm giữ tại các công ty khác: 4 đối với công ty ngoài



1.6. Ủy viên HĐQT:

Bà Diệp Thị Thu

- + Sinh năm 1954, Cử nhân Sư phạm
- + Gần 20 năm kinh nghiệm trong ngành chế biến gỗ
- + Tỷ lệ nắm giữ CP có quyền biểu quyết (chốt ngày 31/12/2013): 5,35%
- + Số lượng chức danh HĐQT nắm giữ tại các công ty khác: 3 đối với công ty con



1.8. Ủy viên HĐQT:

Ông Nguyễn Quang Vinh

- + Sinh năm 1962, Cử nhân Tài chính – Ngân hàng, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
- + Có hơn 30 năm kinh nghiệm trong ngành ngân hàng, đầu tư, chứng khoán và tài chính
- + Tỷ lệ nắm giữ CP có quyền biểu quyết (chốt ngày 31/12/2013): 0%
- + Số lượng chức danh HĐQT nắm giữ tại các công ty khác: 4 đối với công ty ngoài

1.9. Ủy viên HĐQT:

Ông Phương Xuân Thụy

- + Sinh năm 1977, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
- + Có 3 năm kinh nghiệm trong quản lý điều hành ngành chế biến gỗ, và khoảng 10 năm kinh nghiệm điều hành quản lý trong các ngành khác
- + Tỷ lệ nắm giữ CP có quyền biểu quyết (chốt ngày 31/12/2013): 9,56% (đại diện sở hữu cho Công ty CP XNK và CBG Hưng Thịnh)
- + Số lượng chức danh HĐQT nắm giữ tại các công ty khác: 4 đối với công ty ngoài



2. Các tiểu ban thuộc HĐQT

Stt	Tiểu ban	Thành viên
1	Chính sách phát triển	Võ Trường Thành, Phương Xuân Thụy, Nguyễn Nhân Nghĩa, Nguyễn Quang Vinh
2	Nhân sự và Lương thưởng	Nguyễn Quang Vinh, Võ Trường Thành, Đinh Văn Hóa, Lê Thị Thùy Nga, Đỗ Ngọc Nam
3	Tài chính	Võ Diệp Văn Tuấn, Võ Trường Thành, Nguyễn Nhân Nghĩa, Nguyễn Quang Vinh
4	Pháp lý	Phương Xuân Thụy, Tạ Văn Nam, Đinh Văn Hóa, Trần Lê Anh Thư, Bùi Thị Kim Tuyền
5	Đối ngoại (tổ chức sự kiện)	Ngô Thị Hồng Thu, Diệp Thị Thu, Trần Lê Anh Thư

Nguồn: HĐQT của TTF

3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

3.1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2013, HĐQT có họp tập trung 22 lần và trao đổi qua điện thoại nhiều lần để thảo luận và biểu quyết các vấn đề về:

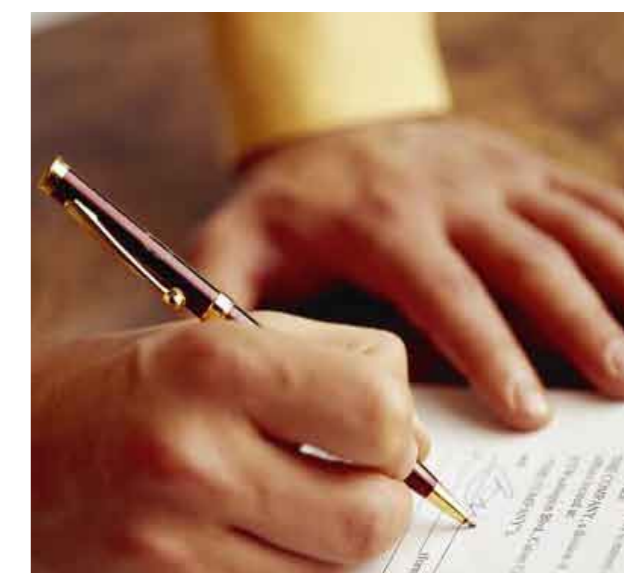
- Tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2013 và các giải pháp tiếp theo để đạt mục tiêu đã đăng ký
- Các vấn đề về vay vốn để phục vụ sản xuất kinh doanh
- Các giải pháp về thanh lý hàng tồn kho để cải thiện dòng ngân lưu
- Thông qua chủ trương từ nhiệm khỏi Hội đồng quản trị của Ông Lã Giang Trung, Bà Phạm Thị Huyền và việc từ nhiệm khỏi Ban kiểm soát của Trưởng ban Nguyễn Minh Thanh
- Các nội dung sẽ đệ trình lên ĐHĐCĐ thường niên năm 2013
- Thông qua việc chọn Công ty kiểm toán độc lập cho năm 2013
- Thông qua Qui chế Quản trị nội bộ của công ty và đề xuất thành lập các tiểu ban của Hội đồng quản trị phù hợp Thông tư 121/2012/TT-BTC
- Thông qua báo cáo tiến trình làm việc với nhà đầu tư nước ngoài và ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT xúc tiến việc ký kết các thủ tục liên quan đến đầu tư
- Thông qua mức lương hiện tại và đề xuất mức lương tương lai cho cán bộ chủ chốt kể từ kỳ lương tháng 8/2013
- Thông qua việc tiếp tục áp dụng Qui định về người đại diện hiện tại của Công ty và giao cho Tiểu ban Pháp lý soạn thảo Qui chế người đại diện trình HĐQT thông qua
- Thông qua về chủ trương cho phương án tái cấu trúc tài chính của Công ty
- Thông qua việc phân phối số cổ phần do làm tròn xuống và số cổ phần do cổ đông không thực hiện quyền cho các cổ đông chiến lược và nhà đầu tư

3.2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Điều hành

Hiện tại, trong HĐQT có đến 5 thành viên tham gia điều hành công ty ở vị trí là TGD và PTGD. Vì vậy, hầu như toàn bộ hoạt động của Ban Điều hành đều được giám sát và báo cáo thường xuyên cho HĐQT. Mỗi tuần, Ban Điều hành đều có họp với nhau ít nhất là 2 lần: Thứ ba và Thứ năm, để giải quyết các vấn đề khó khăn phát sinh trong Công ty, về tiến độ giao hàng và chất lượng trong sản xuất, đặc biệt là về các giải pháp để cải thiện ngân lưu mà HĐQT đã thông qua trong các cuộc họp. Ngoài ra, Ban Điều hành còn dùng hệ thống Video Conference để họp với các thành viên HĐQT cũng như Ban Điều hành của các công ty con đang ở xa, chẳng hạn ở Dak Lak và Phú Yên

3.3. Nghị quyết đã được HĐQT thông qua trong năm 2012

Có 22 Nghị quyết đã được thông qua. Chi tiết đã được công bố thường xuyên trên trang web của TTF, của Hose, cũng như trong Báo cáo Quản trị năm 2013 ngày 20/1/2014



3.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

HĐQT có 4 thành viên không điều hành trực tiếp trong Công ty là Ông Nguyễn Nhân Nghĩa, Ông Nguyễn Quang Vinh, Ông Phương Xuân Thụy và Bà Diệp Thị Thu. Tuy nhiên, chỉ có Ông Nguyễn Quang Vinh là thành viên độc lập, vì 3 thành viên đều là đại diện sở hữu của cổ đông lớn hoặc là cổ đông lớn của Công ty. Ông Nguyễn Nhân Nghĩa, Ông Nguyễn Quang Vinh và Ông Phương Xuân Thụy đều sống và làm việc tại Hà Nội nên rất thuận tiện trong việc họp mặt và bàn bạc thường xuyên các vấn đề trong Công ty. Trong năm 2013, Ông Nguyễn Quang Vinh - thành viên HĐQT độc lập - đã tập trung rà soát tình hình tài chính của TTF, đưa ra nhiều đề xuất về vốn vay – tái cơ cấu tài chính – quan hệ ngân hàng.

3.6. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

Trong thời gian qua, do bận rộn để giải quyết các vấn đề cấp bách trong Công ty, HĐQT của Công ty đã chưa tham gia và có chứng chỉ đào tạo về Quản trị Công ty dành cho các cán bộ quản lý công ty cổ phần đại chúng. Tuy nhiên, tất cả các thành viên HĐQT đều tìm đọc và áp dụng các nguyên tắc về cơ cấu tổ chức của công ty đại chúng, các nguyên tắc về nghĩa vụ và trách nhiệm của HĐQT cũng như của Ban Điều hành, các nguyên tắc về quyền của cổ đông và thực hiện Đại hội Cổ đông, các nguyên tắc về minh bạch và công bố thông tin ... mà Luật chứng khoán quy định cũng như các Thông tư – Nghị định liên quan đã ban hành



3.5. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Các tiểu ban có họp và bàn luận nhiều lần trong năm, phần lớn là bàn về các giải pháp để cải thiện nhanh chóng dòng ngân lưu và các phương án tái cơ cấu tài chính của TTF. Song song đó, tiểu ban nhân sự và lương thưởng cũng đã tích cực chỉ đạo việc tinh giảm nhân sự để tiết giảm chi phí quản lý, đào tạo để nâng cao kỹ năng làm việc của nhân sự còn lại nhằm gánh vác công việc nhiều hơn trong lúc tình hình nhân sự bị giảm đáng kể do việc chậm trả lương nhiều tháng.

B. BAN KIỂM SOÁT

1. Giới thiệu Ban Kiểm soát

1.1. Trưởng Ban Kiểm soát Bà Bùi Thị Kim Tuyền

- + Sinh năm 1983, cử nhân Tài chính - Ngân hàng; cử nhân Luật
- + Có hơn 7 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư - ngân hàng;
- + Tỷ lệ nắm giữ CP có quyền biểu quyết (chốt ngày 31/12/2013): 0%



1.2. Ủy viên Ban Kiểm soát Ông Hoàng Anh Tú

- + Sinh năm 1979, Cử nhân Kinh tế
- + Có hơn 12 năm kinh nghiệm trong nghiệp vụ kế toán
- + Tỷ lệ nắm giữ CP có quyền biểu quyết (chốt ngày 31/12/2013): 0%



1.3. Ủy viên Ban Kiểm soát Bà Trần Lâm Thuý Quyên

- + Sinh năm 1981, Thạc sỹ Kinh tế Tài chính
- + Có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh và trợ lý cho lãnh đạo cấp cao
- + Tỷ lệ nắm giữ CP có quyền biểu quyết (chốt ngày 31/12/2013): 0%



2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Với vai trò giám sát tình hình hoạt động đặc biệt là công tác tài chính, trong năm 2013 Ban Kiểm Soát đã họp định kỳ 3 tháng một lần và thường xuyên trao đổi thông tin qua email, điện thoại để kịp thời nắm bắt các hoạt động của Công ty.

Các hoạt động của Ban Kiểm Soát trong năm 2013:

► Giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty, Quy chế Quản trị Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2013.

► Cử đại diện tham gia đầy đủ các buổi họp của Hội đồng quản trị, giám sát việc triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ đối với HĐQT, Ban Tổng giám đốc và đưa ra các ý kiến góp ý trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.

► Kiểm soát tài chính:

• Phối hợp với bộ phận kiểm toán nội bộ và đơn vị kiểm toán thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát tính hợp lý, hợp lệ trong việc ghi chép sổ sách kế toán và lập các báo cáo tài chính 6 tháng, cả năm, nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính. Tìm hiểu các vấn đề phát sinh trong quá trình soát xét và kiểm toán BCTC.

• Hỗ trợ bộ phận TCKT & Kiểm toán nội bộ xây dựng hệ thống bảng biểu dự báo và kiểm soát dòng tiền.

Ngoài ra BKS cũng thường xuyên theo dõi các thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh, các thông tin bất thường ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

C. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT

1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

1.1. Hội đồng Quản trị

Thù lao của HĐQT năm 2013 như sau (theo phê chuẩn của ĐHĐCĐ năm 2013):

+ HĐQT là 676 triệu đồng (Chủ tịch 100 triệu/năm, Thành viên 72 triệu/năm)

+ Thư ký HĐQT là 36 triệu đồng

Tuy nhiên, HĐQT tự nguyện KHÔNG NHẬN THÙ LAO NĂM 2013 do xét thấy Công ty chưa hoạt động hiệu quả

Ngoài ra, HĐQT không có các khoản lợi ích nào khác trong năm 2013.

1.2. Ban Điều hành

STT	Tên - Chức danh	Mức lương (VNĐ/năm)
1	Võ Trường Thành - TGĐ	1.200.000.000
2	Tạ Văn Nam - PTGD	780.000.000
3	Ngô Thị Hồng Thu - PTGD	860.400.000
4	Võ Diệp Văn Tuấn - PTGD	487.000.000
5	Lê Minh Ngọc - PTGD	495.000.000
6	Đình Văn Hóa - PTGD	362.000.000
7	Nguyễn Ngọc Lễ - KTT	195.500.000

Ngoài mức lương như trên, Ban Điều hành không có khoản lợi ích nào khác so với CBCVN trong Công ty

1.3. Ban Kiểm soát

TT	Tên	Mức thù lao (VNĐ/năm)	Ghi chú
1	Nguyễn Minh Thanh	12.000.000	4 tháng (từ tháng 1-4/2013)
2	Bùi Thị Kim Tuyền	24.000.000	8 tháng (từ tháng 5/2013)
3	Trần Lâm Thúy Quyên	24.000.000	
4	Hoàng Anh Tú	24.000.000	

Ngoài thù lao trên, BKS không có các khoản lợi ích nào khác trong năm 2013. Và trong năm 2013, BKS cũng chưa nhận khoản thù lao trên do ưu tiên tiền cho những hoạt động sản xuất kinh doanh cần thiết

The image shows a close-up of a document with financial data. It features columns of numbers, some with positive and negative signs, and text including 'Mercedes-Benz'. The document appears to be a ledger or a list of transactions.

2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Trong năm 2013, có giao dịch cổ phiếu của những cổ đông nội bộ như sau:

Cổ đông nội bộ	Số CP trước khi giao dịch	Số CP đã mua trong 2013	Số CP đã bán trong 2013	Số CP sau khi giao dịch
Võ Trường Thành (CT-HĐQT)	6.377.568	3.600.000	0	9.977.568
Diệp Thị Thu (UV-HĐQT)	3.901.784	430.000	400.000	3.931.784
Tạ Văn Nam (UV-HĐQT)	161.280	30.000	0	191.280
Ngô Thị Hồng Thu (UV-HĐQT)	297.974	148.987	100.000	346.961
Võ Diệp Văn Tuấn (UV-HĐQT)	220.497	33.000	0	253.497
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu và chế biến gỗ Hưng Thịnh (là tổ chức có liên quan đến Ông Phương Xuân Thụy-UV HĐQT)	0	7.029.397	0	7.029.397
Đinh Văn Hóa (UV-HĐQT)	22.060	97.870	0	119.930

Nguồn: Thông tin đăng tải trên trang website của Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM năm 2013

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Ngày 2/12/2013, Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM có công văn nhắc nhở việc chậm Công bố thông tin bất thường về quyết định bổ nhiệm nhân sự Giám đốc Tài chính (chậm 3 ngày). Ngoài vấn đề nêu trên, Công ty đã thực hiện đúng các quy định về quản trị Công ty trong năm 2013



Máy Jet CNC của Ý



BÁO CÁO
TÀI CHÍNH

PHẦN 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ KIỂM TOÁN 2013

1. Ý kiến của kiểm toán



CÔNG TY KIỂM TOÁN DFK VIỆT NAM
DFK VIETNAM AUDITING COMPANY

Office in Ho Chi Minh City
No. 38/8 Lam Son, Tan Binh District T. 848 6296 8684
No. 426 Cao Thang, District 10 T. 848 3868 3306
Office in Hanoi Level 25, M3M4 Building, 91 Nguyen Chi
Thanh, Dong Da T. 844 6266 3006 www.dfk.com.vn

Số: 109.HN/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ và BAN GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành (“Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2014, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.



Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên

không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành và các công ty con tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2014
Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam



NGUYỄN VĂN TUYÊN
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0111-2013-042-1

KIỂM TOÁN VIÊN

HỒ ĐẮC HIẾU
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0458-2013-042-1

2. Báo cáo Tài chính được kiểm toán

2.1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT 31/12/2013

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2,786,452,860,182	2,539,083,769,284
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(V.01)	65,513,443,900	6,318,406,469
1. Tiền	111		27,393,443,900	6,318,406,469
2. Các khoản tương đương tiền	112		38,120,000,000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		51,548,700,012	6,256,127,777
1. Đầu tư ngắn hạn	121	(V.02)	51,548,700,012	6,256,127,777
III. Các khoản phải thu	130	(V.03)	390,023,029,967	544,896,664,564
1. Phải thu khách hàng	131		273,661,750,405	452,616,847,809
2. Trả trước cho người bán	132		60,285,374,811	52,960,831,346
3. Các khoản phải thu khác	135		67,050,144,077	46,971,365,069
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(10,974,239,326)	(7,652,379,660)
IV. Hàng tồn kho	140	(V.04)	2,245,347,148,559	1,955,594,369,039
1. Hàng tồn kho	141		2,255,053,754,553	1,964,242,922,375
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(9,706,605,994)	(8,648,553,336)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	(V.05)	34,020,537,743	26,018,201,435
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1,582,734,690	1,662,524,644
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1,231,710,867	5,524,313,476
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154		14,258,800,471	501,893,278
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		16,947,291,715	18,329,470,037

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT 31/12/2013 (TIẾP THEO)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		731,584,077,916	758,654,627,342
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		514,607,366,691	567,814,745,128
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	390,259,605,640	420,238,792,683
- Nguyên giá	222		550,447,363,422	553,027,575,444
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(160,187,757,782)	(132,788,782,761)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	43,035,543,420	62,652,460,508
- Nguyên giá	228		50,080,622,274	70,834,650,206
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7,045,078,854)	(8,182,189,698)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	81,312,217,632	84,923,491,937
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.09	169,624,510,245	164,075,052,684
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		93,936,384,743	75,469,507,182
2. Đầu tư dài hạn khác	258		88,019,084,766	100,936,504,766
3. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(12,330,959,264)	(12,330,959,264)
V. Tài sản dài hạn khác	260	V.10	47,352,200,980	26,764,829,530
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		44,608,518,942	24,529,766,941
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1,533,682,038	926,062,590
3. Tài sản dài hạn khác	268		1,210,000,000	1,309,000,000
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3,518,036,938,097	3,297,738,396,626



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT 31/12/2013 (TIẾP THEO)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		2,570,447,529,029	2,510,776,750,857
I. Nợ ngắn hạn	310		2,418,235,135,024	2,318,332,030,894
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	(V.11)	1,859,156,824,212	1,682,098,517,505
2. Phải trả người bán	312	(V.12)	119,146,259,513	298,140,995,053
3. Người mua trả tiền trước	313	(V.12)	48,770,457,639	59,209,883,189
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(V.13)	56,404,664,722	54,875,755,428
5. Phải trả người lao động	315	(V.14)	24,262,186,026	33,334,364,898
6. Chi phí phải trả	316	(V.15)	175,559,423,906	86,367,517,411
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	(V.16)	134,728,452,790	105,124,415,877
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		206,866,216	(819,418,467)
II. Nợ dài hạn	330	(V.17)	152,212,394,005	192,444,719,963
1. Phải trả dài hạn khác	333		1,000,000,000	1,000,000,000
2. Vay và nợ dài hạn	334		122,553,837,435	159,293,411,342
3. Doanh thu chưa thực hiện	338		28,658,556,570	32,151,308,621
B. Vốn chủ sở hữu	400	(V.18)	851,318,854,224	681,467,911,719
I. Vốn chủ sở hữu	410		851,318,854,224	681,467,911,719
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		735,000,000,000	393,736,060,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		99,062,086,763	272,647,525,014
3. Cổ phiếu quỹ	414		(420,631,294)	(420,631,294)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		10,494,752,650	9,829,285,879
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		3,767,885,040	3,767,885,040
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		8,963,110	8,963,110
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		3,405,797,956	1,898,823,971
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
C. Lợi ích cổ đông thiểu số	439		96,270,554,844	105,493,734,050
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3,518,036,938,097	3,297,738,396,626

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT 31/12/2013 (TIẾP THEO)

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	12,506,259,940	12,906,424,068
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	2,687,182,707	2,675,166,298
5. Ngoại tệ các loại	-	-
+ USD	70,603.68	37,347.61
+ EUR	636.88	658.64
+ JPY		277,000.00
+ CNY		16,508.00
+ GBP	45.00	45.00
+ THB		5,420.00
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Bình Dương, ngày 30 tháng 3 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU



ĐỖ NGỌC NAM

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN NGỌC LỄ

TỔNG GIÁM ĐỐC



VÕ TRƯỜNG THÀNH

2.2. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT NĂM 2013

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		1,550,346,175,020	2,624,712,425,389
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		5,035,164,253	4,284,815,206
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	1,545,311,010,767	2,620,427,610,183
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	1,240,571,939,664	2,285,551,048,775
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		304,739,071,103	334,876,561,408
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	8,919,730,691	10,201,833,050
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	219,173,150,254	240,893,863,895
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		206,691,860,487	235,300,135,849
8. Chi phí bán hàng	24	VI.05	12,623,878,406	18,435,680,040
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.06	77,590,857,879	89,047,624,307
10. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4,270,915,255	(3,298,773,784)
11. Thu nhập khác	31	VI.07	21,620,158,453	37,721,728,782
12. Chi phí khác	32	VI.08	28,798,483,456	33,900,526,289
13. Lợi nhuận khác	40		(7,178,325,003)	3,821,202,493
14. Phần lợi nhuận (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh			(1,265,226,440)	(1,219,037,677)
15. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế	50		(4,172,636,188)	(696,608,968)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1,128,107,698	2,515,258,379
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(607,619,448)	(309,376,338)
18. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(4,693,124,438)	(2,902,491,009)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho:				
19. Lợi ích của cổ đông thiểu số			(8,562,489,059)	(5,398,862,069)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ			3,869,364,621	2,496,371,060
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty mẹ	70	VI.09	76	74

2.3. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT NĂM 2013

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(4,172,636,188)	(696,608,969)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
+ Khấu hao tài sản cố định	02	36,047,563,140	36,538,627,284
+ Các khoản dự phòng	03	4,379,912,324	2,505,664,803
+ Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(7,077,782,200)	(1,029,179,068)
+ Chi phí lãi vay	06	206,691,860,487	235,300,135,849
3. Lợi nhuận trước thay đổi vốn lưu động	08	235,868,917,562	272,618,639,899
+ Tăng, giảm các khoản phải thu	09	156,205,121,752	260,220,684,907
+ Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(310,542,936,178)	(288,975,411,256)
+ Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(167,474,004,088)	(14,909,222,880)
+ Tăng giảm chi phí trả trước	12	6,356,906,672	(2,173,029,150)
+ Tiền lãi vay đã trả	13	(118,002,086,047)	(170,794,680,902)
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(1,660,815,658)
+ Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1,481,178,321	12,222,149,274
+ Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(4,650,392,115)	(13,516,048,711)
+ Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(200,757,294,120)	53,032,265,522
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(13,840,652,320)	(38,571,200,735)
2. Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	5,507,277,417	19,221,405,336
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(45,292,572,235)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	200,000,000	20,180,412,973
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	1,932,215,234
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2,427,575,889	6,112,135,685
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(50,998,371,249)	8,874,968,493

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31	170,631,970,000	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1,286,071,954,084	2,064,687,189,375
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1,145,753,221,284)	(2,144,739,177,658)
4. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	310,950,702,800	(80,051,988,283)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ			
Tiền và tương đương tiền đầu năm	50	59,195,037,431	(18,144,754,268)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	60	6,318,406,469	24,463,160,737
	70	65,513,443,900	6,318,406,469

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Bình Dương, ngày 30 tháng 3 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU



ĐỖ NGỌC NAM

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN NGỌC LỄ

TỔNG GIÁM ĐỐC



VÕ TRƯỜNG THÀNH

Quý Cổ đông và Đối tác cần tham khảo thêm **BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN CỦA CÔNG TY MẸ** vui lòng tìm trên www.truongthanh.com; mục Cổ đông; tiểu mục Báo cáo Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 2013



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 2013

(Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2013)

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành ("Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000078 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 18/8/2003 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 11 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3700530696 ngày 22/5/2013 do Phòng Đăng ký Kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là TTF kể từ ngày 18 tháng 02 năm 2008 theo Quyết định số 24/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 02 năm 2008.

Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.



2. Tên giao dịch và trụ sở

Công ty có tên giao dịch quốc tế là: **Truong Thanh Furniture Corporation**

Tên viết tắt: **TTFC**.

Trụ sở chính đặt tại: Đường DT747, Khu phố 7, Thị trấn Uyên Hưng, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

3. Lĩnh vực kinh doanh

Trồng trọt, sản xuất, thương mại và dịch vụ.

4. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất đồ mộc;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;
- Sản xuất bao bì bằng gỗ;
- Đại lý ký gửi hàng hóa;
- Bán buôn phụ tùng, phụ kiện ngành chế biến gỗ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng nhà các loại;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán buôn sản phẩm mộc;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn sản phẩm nông lâm sản;
- Bán buôn phân bón.

5. Danh sách các công ty con và công ty liên kết, liên doanh

• Công ty con trực tiếp

TT	Tên Công ty con	Địa chỉ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD	Tỷ lệ theo vốn đã góp thực tế
1.	Công ty CP Trường Thành (Daklak 1)	Km 86 - Quốc lộ 14, xã Ea Ral, huyện Ea H'leo, tỉnh Daklak	30,000,000,000	70.00%	70.00%
2.	Công ty CP Chế Biến Gỗ Trường Thành (Daklak 2)	Thôn 05, xã Ea Ral, huyện Ea H'leo, Tỉnh Daklak	28,000,000,000	70.00%	70.00%
3.	Công ty CP Chế Biến Gỗ Trường Thành (Bình Dương 2)	Khu phố 04, thị trấn Uyên Hưng, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	126,239,000,000	64.16%	64.16%
4.	Công ty CP Ván Công nghiệp Trường Thành (Bình Dương 3)	KP 4, thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	56,470,000,000	51.00%	100.00%
5.	Công ty CP Lâm nghiệp Trường Thành	35 Quang Trung, P. Thống Nhất, TP Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắklak	60,000,000,000	99.33%	99.97%
6.	Công ty CP Trồng Rừng Trường Thành	35 Quang Trung, P. Thống Nhất, TP Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắklak	53,191,490,000	41.00%	46.07%
7.	Công ty CP Công nghiệp Gỗ Trường Thành	C8, KCN Hòa Hiệp, huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên	40,000,000,000	60.00%	60.00%
8.	Công ty CP Trường Thành Xanh	81 Nguyễn Tất Thành, P.2, TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	100,000,000,000	60.00%	99.99%
9.	Công ty TNHH Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành	Đào Trinh Nhất, KP.1, P.Linh Tây, Q.Thủ Đức, TP. HCM	25,000,000,000	45.60%	97.50%
10.	Công ty CP Lâm nghiệp Trường Thành Đắk Nông	204 Trần Hưng Đạo, P.Nghĩa Thành, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông	60,000,000,000	96.00%	99.44%
11.	Công ty CP Thương mại XNK Trường Thành Đắk Nông	Thôn 3, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông	50,000,000,000	97.90%	99.97%
12.	Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành M'drak	Cụm công nghiệp M'Đắk, Xã Krông Jing, Huyện M'Đrắk, Tỉnh Đắk Lắk	10,000,000,000		95.30%



• Công ty con gián tiếp

TT	Tên Công ty con	Địa chỉ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD	Tỷ lệ theo vốn đã góp thực tế
1.	Công ty CP Nông Lâm Công Nghiệp Trường An	xã Hòa Tiến, huyện Krong Păk, tỉnh Đaklak	10,000,000,000	50.00%	85.37%
2.	Công ty CP Vật liệu xây dựng Trường Thành - Phước An	107 Lê Duẩn, khối 04, thị trấn Phước An, huyện Krong Păk, tỉnh Đaklak	10,000,000,000	50.00%	51.55%

• Công ty liên kết, liên doanh

TT	Tên Công ty con	Địa chỉ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD	Tỷ lệ theo vốn đã góp thực tế
1.	Công ty CP Bao bì Trường Thành	19 đường số 11, KP 01, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. HCM	6,500,000,000	23.08%	43.76%
2.	Công ty TNHH Trồng Rừng Trường Thành OJI	81 Nguyễn Tất Thành, phường 02, Tp. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	7,018,000.00 USD	51.00%	51.00%

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

III. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Các Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.



3. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác được Công ty áp dụng theo Chuẩn mực kế toán số 10. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Bên cạnh đó, theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ tài chính, thì:

■ Đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật.

■ Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

• Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

• Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính. (thay thế cho Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính).

Riêng đối với một số máy móc sản xuất sản phẩm mộc như máy cưa, máy phay, máy bào... và lò sấy tại Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (Daklak 2) được áp dụng phương pháp khấu hao theo sản lượng sản xuất.

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
Máy móc thiết bị	04 - 20 năm
Phương tiện vận tải	06 - 14 năm
Thiết bị văn phòng	03 - 10 năm
Phần mềm tin học	05 - 20 năm

• Quyền sử dụng đất

Đối với quyền sử dụng đất không thời hạn: Công ty không tính khấu hao

Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn: Công ty khấu hao theo phương pháp đường thẳng và theo thời gian sử dụng cụ thể được ghi trên từng giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất.

7. Đầu tư tài chính

• Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

• Đầu tư tài chính khác

Chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

• Dự phòng các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào tổ chức kinh tế được lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ vốn góp của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Các chứng khoán không niêm yết mà không có cơ sở để xác định một cách đáng tin cậy giá trị hợp lý được ghi nhận theo giá mua ban đầu.

8. Chi phí trả trước

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn;
- Quyền sử dụng đất;
- Chi phí khác chờ phân bổ.

9. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm lập báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

10. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 24%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 21% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 9,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

12. Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ trường hợp chúng được vốn hóa theo quy định.

Lãi tiền vay của các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.



13. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản nợ dự phòng phải trả trong tương lai chưa chắc chắn về giá trị hoặc thời gian phải trả. Các khoản dự phòng nợ phải trả được ghi nhận khi đã xác định chắc chắn nghĩa vụ nợ phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải trả được ghi nhận theo phương pháp lập thêm hoặc hoàn nhập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận

lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật Việt Nam.

16. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

17. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

18. Thuế

Theo giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 62/CN-UB ngày 24/8/2000 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Dương cấp, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên thu nhập chịu thuế, được miễn thuế TNDN 02 năm và giảm 50% cho 04 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Công ty CP Trường Thành (Daklak 1) được hưởng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 10% trong 15 năm. Công ty được miễn thuế TNDN trong 04 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (Daklak 2) được hưởng mức thuế suất TNDN ưu đãi là 10% trong 15 năm. Công ty được miễn thuế TNDN trong 04 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (Bình Dương 2) được hưởng mức thuế suất TNDN ưu đãi là 20% trong 10 năm. Công ty được miễn thuế TNDN trong 02 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong 03 năm tiếp theo.

Công ty CP Công nghiệp Gỗ Trường Thành (Phú Yên) được hưởng mức thuế suất TNDN ưu đãi là 15% trong 12 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh và được miễn thuế TNDN trong 03 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong 07 năm tiếp theo.

Công ty CP Lâm nghiệp Trường Thành Đắk Nông được hưởng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh, được miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo.

Công ty CP TM XNK Trường Thành Đak Nông được thành lập tại địa bàn có kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thuộc danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư, được hưởng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh, được miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Công ty ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

• Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

• Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Do chưa có những chứng cứ thích hợp về việc quyền phát triển có được xem là chi phí cho mục đích tính thuế, nên Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với khoản thu nhập chưa thực hiện khi hợp nhất liên quan đến khoản vốn góp của Công ty vào liên doanh Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành OJI.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	348,765,895	1,997,836,850
Tiền gửi ngân hàng bằng VND	24,756,392,195	3,525,018,059
Tiền gửi ngân hàng bằng Ngoại tệ	1,518,285,810	795,551,560
Tiền đang chuyển	770,000,000	-
Các khoản tương đương tiền (*)	38,120,000,000	-
Cộng	65,513,443,900	6,318,406,469

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 2 - 3 tháng tại các Ngân hàng với lãi suất từ 5,8% đến 7%/năm. Các hợp đồng tiền gửi này đang được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng.



2. Đầu tư ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
(*) Bao gồm:	51,548,700,012	6,256,127,777
Các khoản cho vay ngắn hạn đến các nhân viên Công ty	290,000,000	280,000,000
Các khoản cho vay ngắn hạn đến các tổ chức	51,258,700,012	5,956,127,777
Trái phiếu Chính phủ	-	20,000,000
Cộng	51,548,700,012	6,256,127,777

(**) Bao gồm:	Cuối năm	Đầu năm
Công ty TNHH SX-XD-TM Đại Dương	300,000,000	300,000,000
Công ty TNHH XD Đồng Long	4,000,000,000	3,500,000,000
Công ty CP Phú Hữu Gia	-	1,996,127,777
Công ty TNHH Gia Phú Nguyễn	-	160,000,000
Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành Oji	7,158,700,012	-
Công ty Cổ phần Vũ Tuấn	39,800,000,000	-
Cộng	51,258,700,012	5,956,127,777

3. Các khoản phải thu ngắn hạn

		Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	(3.1)	273,661,750,405	452,616,847,809
Trả trước cho người bán		60,285,374,811	52,960,831,346
Phải thu khác	(3.2)	67,050,144,077	46,971,365,069
Cộng		400,997,269,293	552,549,044,224
Dự phòng phải thu khó đòi	(3.3)	(10,974,239,326)	(7,652,379,660)
Giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn		390,023,029,967	544,896,664,564

(3.1) Trong đó, bao gồm khoản phải thu khách hàng gốc ngoại tệ là 7,059,832.92 USD tương đương 147.368.784.281 đồng.

(3.2) Bao gồm:	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu liên quan đến lợi nhuận được chia	2,282,580,000	-
Khoản phải thu từ việc thu hồi vốn đầu tư	12,717,420,000	-
Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi	332,021,241	1,214,369,836
Các khoản cho mượn vật tư	660,160,240	55,504,922
Phải thu từ Công ty Cổ phần Quản lý Cụm Công nghiệp Trường Thành - Ea H'leo	-	21,348,250,389
Phải thu gốc và lãi cho vay đối với Công ty Tân Phát (*)	23,417,675,770	23,417,675,770
Phải thu khoản cho mượn, không lãi suất	2,041,345,049	-
Phải thu các bên liên quan của các công ty con	24,575,609,339	-
Và các khoản phải thu khác	1,023,332,438	935,564,152
Cộng	67,050,144,077	46,971,365,069

(*) Vào ngày 10/01/2012, Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk có quyết định số 30/QĐ-CTHADS về việc hoãn thi hành án đối với Công ty TNHH XD và TM Tân Phát liên quan đến khoản thi hành án: trả cho Công ty CP Trồng rừng Trường Thành với số tiền 23.417.675.770 đồng kể từ ngày 10/01/2012 đến khi Chánh án Tòa án Nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát Nhân dân tối cao trả lời kiến nghị của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

	Cuối năm	
(3.3) Dự phòng phải thu khó đòi:		
Số dư dự phòng phải thu khó đòi đầu năm	(7,652,379,660)	
Số trích lập trong năm	(3,321,859,666)	
Số hoàn nhập trong năm	-	
Số dư dự phòng phải thu khó đòi cuối năm	(10,974,239,326)	

4. Hàng tồn kho

	Cuối năm	Đầu năm
Hàng mua đang đi đường	16,196,652,205	28,879,434,469
Nguyên vật liệu, phụ liệu	1,108,867,598,192	1,178,882,069,035
Công cụ, dụng cụ	188,809,465,680	1,400,116,003
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	739,184,327,591	656,351,126,768
Thành phẩm	159,716,942,063	54,974,728,441
Hàng hoá	31,168,149,332	32,433,372,071
Hàng gửi bán	11,110,619,491	11,322,075,588
Cộng	2,255,053,754,553	1,964,242,922,375
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	(9,706,605,994)	8,648,553,336
Giá trị thuần có thể thực hiện được	2,245,347,148,559	1,955,594,369,039

Toàn bộ giá trị hàng tồn kho cuối năm (31/12/2013) đã được cầm cố, thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn.

	Cuối năm	
(*) Dự phòng giảm giá hàng tồn kho:		
Số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho đầu năm	(8,648,553,336)	
Số trích lập trong năm	(1,058,052,658)	
Số hoàn nhập trong năm	-	
Số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm	(9,706,605,994)	

5. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí trả trước ngắn hạn	1,582,734,690	1,662,524,644
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	1,231,710,867	5,524,313,476
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	14,258,800,471	501,893,278
Tài sản ngắn hạn khác (*)	16,947,291,715	18,329,470,037
Cộng	34,020,537,743	26,018,201,435

(*) Bao gồm:	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản thiếu chờ xử lý	585,022	665,285,403
Các khoản tạm ứng	14,330,078,416	15,760,502,925
Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2,616,628,277	1,903,681,709
Cộng	16,947,291,715	18,329,470,037



Bộ sản phẩm phòng ngủ Console

6. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, Vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý & TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	243,514,004,447	280,035,234,175	23,925,388,414	5,552,948,408	553,027,575,444
Tăng	2,651,171,175	14,730,113,783	70,641,667	-	17,451,926,625
Giảm	1,217,169,465	17,006,967,071	756,419,344	1,051,582,767	20,032,138,647
Số dư cuối năm	244,948,006,157	277,758,380,887	23,239,610,737	4,501,365,641	550,447,363,422
Hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	56,631,323,554	62,208,645,541	10,315,201,060	3,633,612,606	132,788,782,761
Tăng	12,472,766,162	18,849,186,998	2,595,823,997	474,372,580	34,392,149,737
Giảm	716,770,072	5,036,744,891	405,460,821	834,198,933	6,993,174,717
Số dư cuối năm	68,387,319,644	76,021,087,649	12,505,564,236	3,273,786,253	160,187,757,782
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	186,882,680,893	217,826,588,634	13,610,187,354	1,919,335,802	420,238,792,683
Số dư cuối năm	176,560,686,513	201,737,293,238	10,734,046,501	1,227,579,388	390,259,605,640

TSCĐ tăng trong năm do mua sắm mới và xây dựng cơ bản hoàn thành chuyển sang; Giảm do thanh lý, nhượng bán và phân loại sang công cụ dụng cụ.

7. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm Website	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	64,593,804,700	6,240,845,506	70,834,650,206
Giảm	20,163,451,000	590,576,932	20,754,027,932
Số dư cuối năm (*)	44,430,353,700	5,650,268,574	50,080,622,274
Hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	6,391,462,883	1,790,726,815	8,182,189,698
Tăng	1,289,318,703	366,094,699	1,655,413,402
Giảm	2,686,397,395	106,126,851	2,792,524,246
Số dư cuối năm	4,994,384,191	2,050,694,663	7,045,078,854

Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm Website	Tổng cộng
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	58,202,341,817	4,450,118,691	62,652,460,508
Số dư cuối năm	39,435,969,509	3,599,573,911	43,035,543,420

Tài sản cố định vô hình giảm trong kỳ do phân loại sang chi phí trả trước dài hạn.

(*) Quyền sử dụng đất bao gồm:	Diện tích (m2)	Thời hạn sử dụng	Nguyên giá
Quyền sử dụng đất số T00405: tọa lạc tại phường Thống Nhất, Tp. Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	175.20	lâu dài	5,256,000,000
Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 218, tờ bản đồ số 02, Xã Hòa Tiến, Huyện Krông Păk, ĐắkLak	72,118.40	50 năm đến ngày 18/8/2059	508,828,800
Quyền sử dụng đất vô thời hạn tại Thôn 1, xã EaRal, huyện Ea H'leo, Đắk Lắk	14,884.00	lâu dài	1,458,632,000
Quyền sử dụng tại Thôn 5, xã Ea Ral, huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk	34,743.00	thời hạn 50 năm (kể từ ngày 28/7/2006)	460,950,400
Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 165, tờ bản đồ số 35 thuộc thị trấn Uyên Hưng, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	120,478.50	49 năm kể từ ngày 08/7/2005	36,745,942,500
Cộng			44,430,353,700

Tính đến ngày 31/12/2013, toàn bộ Quyền sử dụng đất của Công ty đã được cầm cố, thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất 10.320 m ² đất tại Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	32,500,000,000	32,500,000,000
Chi phí chuyển nhượng Quyền sử dụng đất tại Xã Đức Bình Đông, Huyện Sông Hình, Tỉnh Phú Yên	-	347,744,186
Chi phí chuyển nhượng Quyền sử dụng đất tại Xã Phước Tân, Huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên	828,300,000	828,300,000
Lô đất (250 m ²) có thời gian sử dụng lâu dài tại quốc lộ 14, huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk và 08 lô đất khác tại Đắk Lắk	843,700,000	843,700,000
Chi phí xây dựng 02 nhà kho tại Khu phố 7, Thị trấn Uyên Hưng, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương	37,377,856,346	37,297,984,146
Mua sắm tài sản cố định	407,411,000	6,709,519,611
Xây dựng cơ bản dở dang khác (xây dựng nhà kho, nhà xưởng, ...)	9,354,950,286	6,396,243,994
Cộng	81,312,217,632	84,923,491,937

9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh (9.1)	93,936,384,743	75,469,507,182
Đầu tư dài hạn khác (9.2)	88,019,084,766	100,936,504,766
Cộng	181,955,469,509	176,406,011,948
Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn (9.3)	(12,330,959,264)	(12,330,959,264)
Giá trị thuần các khoản đầu tư tài chính dài hạn	169,624,510,245	164,075,052,684

(9.1). Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh:

Tên các công ty liên kết, liên doanh	Vốn điều lệ	Tỷ lệ vốn góp	Vốn phải góp	Vốn góp thực tế 31/12/2013
Công ty TNHH Trồng Rừng Trường Thành OJI	7,018,000.00 USD	51.00%	(*)	94,930,473,000
Công ty CP Bao bì Trường Thành	6,500,000,000	23.08%	1,500,000,000	2,000,000,000
Cộng				96,930,473,000
<i>Khoản tổn thất phát sinh tại Công ty liên kết, liên doanh</i>				(2,994,088,257)
Phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của các Công ty liên kết, liên doanh				93,936,384,743

(*): Đầu tư vào Công ty TNHH Trồng Rừng Trường Thành OJI chiếm 51% vốn điều lệ (vốn điều lệ là 7,018,000.00 USD). Công ty TNHH Trồng Rừng Trường Thành OJI được thành lập trên cơ sở liên doanh giữa Công ty và Công ty TNHH Giấy OJI (Nhật Bản). Theo đó, Công ty đã góp 4,526,520.00 USD (trong đó bao gồm 170,400.00 USD bằng tiền, 3,408,600.00 USD bằng Quyền Phát triển trên diện tích đất rừng dự kiến là 17.043 ha thuộc địa bàn Tỉnh Phú Yên trên cơ sở xác định giá trị bằng thỏa thuận giữa 02 bên và giá trị 1.579,20 ha rừng trồng trị giá 19.732.104.000 đồng tương đương 947,520.00 USD). Công ty TNHH Trồng Rừng Trường Thành OJI đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 361022000032 ngày 14/10/2011 bởi Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Phú Yên và Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh lần thứ 02 ngày 25/01/2014.

(9.2) Danh sách các khoản đầu tư dài hạn khác:

Khoản đầu tư vào	Số lượng cổ phần sở hữu	Đơn giá	Giá trị đầu tư 31/12/2013
Công ty CP Công nghiệp và Thương mại Lidovit	28,960	9,661	279,784,766
Quỹ Đầu tư Chứng khoán y tế Bản Việt (*)	173	100,000,000	17,282,580,000
Công ty CP CBTP Sông Hậu	444,608	27,500	12,226,720,000
Công ty CP Phú Hữu Gia	5,268,000	10,000	52,680,000,000
Công ty CP Quản lý Cụm CN Trường Thành	555,000	10,000	5,550,000,000
Cộng			88,019,084,766

(*) Trong năm tài chính này, khoản lợi nhuận được chia từ việc đầu tư này là 2.282.580.000 đồng.

(9.3). Các khoản dự phòng đầu tư mua cổ phiếu và chứng từ có giá

Khoản đầu tư vào	Trị giá đầu tư	Số lượng	Đơn giá bình quân	Dự phòng
Công ty CP Lidovit	279,784,766	28,960	9,661	-
Quỹ Đầu tư Chứng khoán y tế Bản Việt	17,282,580,000	173	100,000,000	-
Công ty CP CBTP Sông Hậu	12,226,720,000	444,608	27,500	(12,226,720,000)
Công ty CP Phú Hữu Gia	52,680,000,000	5,268,000	10,000	-
Công ty CP Quản lý Cụm Công nghiệp Trường Thành	5,550,000,000	555,000	10,000	(104,239,264)
Cộng				(12,330,959,264)

10. Tài sản dài hạn khác

		Cuối năm	Đầu năm
Chi phí trả trước dài hạn	(10.1)	44,608,518,942	24,529,766,941
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		1,533,682,038	926,062,590
Tài sản dài hạn khác	(10.2)	1,210,000,000	1,309,000,000
Cộng		47,352,200,980	26,764,829,530

(10.1) Bao gồm:	Cuối năm	Đầu năm
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn chờ phân bổ	6,274,154,883	3,528,845,802
Chi phí thuê đất trả trước chờ phân bổ (*)	37,282,482,716	19,285,067,863
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	667,395,188	420,144,657
Phí đánh giá tác động môi trường	288,346,866	288,346,866
Chi phí chờ phân bổ khác	96,139,290	1,007,361,753
Cộng	44,608,518,943	24,529,766,941

(*) Bao gồm:

- Chi phí thuê đất trả trước cho Công ty Cổ phần Lâm Sản và Xuất Nhập khẩu Tổng hợp Bình Dương liên quan đến hợp đồng thuê đất số 001/HĐTĐ-CCN ngày 27/01/2011 được ký giữa 02 bên. Theo đó, Công ty sẽ thuê lại lô đất có diện tích 26.405,5 m² tọa lạc tại Lô A thuộc Cụm Công nghiệp Thị trấn Uyên Hưng, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương bao gồm hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hệ thống đường giao thông, cây xanh, hệ thống thoát nước, hệ thống điện... nhằm mục đích xây dựng nhà xưởng để sản xuất với giá thuê lại đất là 40.5 USD/m² (đã bao gồm VAT 10 % nhưng chưa bao gồm phí quản lý là 0,06 USD/m²/tháng) trong vòng 50 năm kể từ ngày 27/01/2011. Khoản chi phí này là khoản tiền Công ty đã chuyển cho Công ty Cổ phần Lâm sản và Xuất Nhập khẩu Tổng hợp Bình Dương tương đương với 100% giá trị hợp đồng. Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2013 là 19.337.306.515 đồng.

- Quyền sử dụng đất có thời hạn đến ngày 09/11/2059 tại thửa đất số 905 thuộc tờ khai

bản đồ số 16/4 tọa lạc tại xã Bình Chuẩn, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương có diện tích là 4.417 m² theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số TO1631/CN-2009 với giá nhận chuyển nhượng là 2.663.451.000 đồng. Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2013 là 2.477.053.500 đồng.

- Giá trị đất của cánh rừng 377 ha tại xã Quảng Khê, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông được xác định là 17,5 tỷ đồng theo biên bản định giá số 01/2011/BBĐG-TTP ngày 23/12/2011, và khấu hao trong vòng 42 năm từ năm 2008 đến năm 2049. Giá trị đất của cánh rừng 377 ha còn lại tại ngày 31/12/2013 là 15.000.000.005 đồng.

- Quyền sử dụng đất có thời hạn tại thửa đất số 218, tờ bản đồ số 02, xã Hòa Tiến, huyện Krông Păk, tỉnh Đắk Lắk đến tháng 8/2059. Giá trị còn lại tại 31/12/2013 là 468.122.496 đồng.

Các quyền sử dụng đất này đang được dùng để thế chấp, đảm bảo cho khoản vay tại các Ngân hàng.

(10.2) Bao gồm:

	Cuối năm	Đầu năm
Khoản ký quỹ đầu tư dự án trồng rừng kinh tế theo công văn số 2135/CV-STC ngày 27/6/2008 của UBND Tỉnh Phú Yên	400,000,000	400,000,000
Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	810,000,000	909,000,000
Cộng	1,210,000,000	1,309,000,000

11. Vay và nợ ngắn hạn

		Cuối năm	Cuối năm
Vay ngắn hạn từ các Ngân hàng	(11.1)	1,716,239,015,019	1,593,205,433,833
Vay từ các tổ chức	(11.2)	38,165,205,020	4,300,000,000
Vay từ các Cá nhân	(11.3)	4,100,000,000	9,569,995,500
Nợ dài hạn đến hạn trả	(17.1*)	100,652,604,173	75,023,088,172
Cộng		1,859,156,824,212	1,682,098,517,505

(11.1) Vay từ các Ngân hàng có số dư nợ vay tại ngày 31/12/2013

	USD	Tương đương VN
Vay bằng VND		964,112,372,232
Vay bằng USD	35,683,710.00	752,126,642,787
Cộng		1,716,239,015,019

Tất cả các khoản vay từ các ngân hàng mục đích vay là bổ sung vốn lưu động để phục vụ sản xuất kinh doanh, bao gồm thanh toán tiền mua gỗ nguyên liệu và các chi phí đầu vào khác, chiết khấu bộ chứng từ hàng xuất khẩu theo phương thức L/C, D/P và D/A. Các khoản vay trên được đảm bảo bằng tài sản cá nhân của Ông Võ Trường Thành, hàng hoá tồn kho luân chuyển, các tài sản cố định thuộc quyền sở hữu của Công ty, các khoản phải thu đã hình thành và sẽ hình thành trong tương lai từ các hợp

đồng xuất khẩu.

Tại thời điểm 31/12/2013, lãi suất các khoản vay từ các ngân hàng dao động từ 9% đến 14%/năm đối với khoản vay bằng VND và dao động từ 3% đến 7,4%/năm đối với khoản vay bằng ngoại tệ (USD).



(11.2) Vay từ các tổ chức

	Cuối năm	Đầu năm
Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Phước An	-	300,000,000
Công ty CP Vận tải Vũ Thành	33,645,205,020	4,000,000,000
Công ty Vũ Tuấn	4,000,000,000	-
Công ty TNHH MTV Ô tô Tấn Phát Đắk Nông	220,000,000	-
Công TY TNHH MTV Lâm nghiệp Phước An	300,000,000	-
Cộng	38,165,205,020	4,300,000,000

Tại thời điểm 31/12/2013, lãi suất tiền vay từ các tổ chức khác từ 12% - 23,4%/năm. Các khoản vay này là vay tín chấp.

(11.3) Bao gồm:	Cuối năm	Đầu năm
Vay từ Ông Đình Văn Hóa	-	3,000,000,000
Vay từ Ông Võ Diệp Văn Tuấn	1,600,000,000	4,500,000,000
Vay từ Bà Ngô Thị Hồng Thu	-	569,995,500
Vay từ Ông Võ Trường Thành	-	1,500,000,000
Vay từ Bà Diệp Thị Thu	1,850,000,000	-
Vay từ Bà Võ Diệp Cẩm Vân	650,000,000	-
Cộng	4,100,000,000	9,569,995,500

12. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

		Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	(12.1)	119,146,259,513	298,140,995,053
Người mua trả tiền trước	(12.2)	48,770,457,639	59,209,883,189
Cộng		167,916,717,152	357,350,878,242

(12.1) Trong đó, bao gồm khoản phải trả người bán bằng ngoại tệ là 392,427.69 USD tương đương 8.271.198.484 đồng.

(12.2) Trong đó, bao gồm khoản người mua trả tiền trước bằng ngoại tệ là 764,124.33 USD tương đương 16.100.719.747 đồng.

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	41,175,170,691	42,274,917,593
Thuế TNDN phải nộp	10,548,530,518	8,922,679,445
Thuế TNCN phải nộp	4,553,342,436	3,479,030,901
Các loại thuế khác	127,621,077	199,127,488
Cộng	56,404,664,722	54,875,755,427

14. Phải trả người lao động

	Cuối năm	Đầu năm
Khoản lương phải trả người lao động	24,262,186,026	33,334,364,898

15. Chi phí phải trả

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí lãi vay còn phải trả	161,594,716,535	86,061,467,819
Chi phí lãi vay còn phải trả bằng ngoại tệ	13,156,525,724	-
Chi phí phải trả khác	808,181,647	306,049,592
Cộng	175,559,423,906	86,367,517,411

16. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Cuối năm	Cuối năm
Tài sản thừa chờ xử lý	872,304,976	4,945,349,327
Kinh phí Công đoàn, BHXH, BHYT và BHTN còn phải nộp	48,186,422,378	31,790,043,588
Lãi chậm nộp BHXH	3,732,880,545	-
Các khoản tiền mượn thanh toán, không lãi suất	24,556,110,276	17,223,097,619
Khoản nhận ứng trước từ Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành OJI liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất mới và Quyền sử dụng cây mới theo Hợp đồng liên doanh ngày 16/5/2010 và các Phụ lục đính kèm.	43,485,625,280	44,115,525,595
Phải trả Yekun Corporation liên quan đến khoản tiền mượn (100,000.00 USD)	2,107,700,000	-
Phải trả các bên liên quan của Công ty con	3,871,961,550	1,114,000,000
Cổ tức còn phải trả	963,790,800	1,166,790,800
Phải trả thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát	2,454,973,622	2,376,973,622
Khoản phải trả liên quan đến phạt chậm nộp thuế	1,677,390,826	457,237,750
Và các khoản phải trả khác	2,819,292,537	1,935,397,576
Cộng	134,728,452,790	105,124,415,877

17. Nợ dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả dài hạn khác (nhận cọc tiền cho thuê mặt bằng)	1,000,000,000	1,000,000,000
Vay và nợ dài hạn (17.1)	122,553,837,435	159,293,411,342
Doanh thu chưa thực hiện (17.2)	28,658,556,570	32,151,308,621
Cộng	152,212,394,005	192,444,719,963

(17.1) Số dư khoản vay dài hạn tại ngày 31/12/2013

	Cuối năm
NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk	105,441,428,766
NH Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Yên	5,454,000,000
NH TMCP Ngoại Thương - Chi nhánh Bình Dương	112,311,012,842
Cộng vay dài hạn	223,206,441,608
Nợ dài hạn đến hạn trả (*)	(100,652,604,173)
Cộng vay và nợ dài hạn	122,553,837,435

Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk:

• Vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương theo Hợp đồng tín dụng dự án đầu tư phát triển số 026D12 ngày 05/7/2012 với số tiền vay là 38.600.000.000 đồng. Thời hạn vay là 84 tháng, thời hạn ân hạn trả gốc 6 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Mục đích vay là đầu tư xây dựng 02 Nhà kho tại Thị trấn Uyên Hưng, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, lãi suất tiền vay tại ngày 31/12/2013 là 14,6%/năm. Tài sản đảm bảo khoản vay này là toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có thuộc dự án trên. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2013 là 38.406.340.593 đồng. Trong đó, nợ đến hạn trả là 5,6 tỷ đồng.

Theo Hợp đồng vay số 08/01/TTTR/NG/NHNT ngày 11/7/2008 và phụ lục hợp đồng tín dụng ngày 29/6/2012 nhằm mục đích đầu tư dự án trồng rừng nguyên liệu tại Huyện Krông Năng Tỉnh Đắk Lắk; Số tiền vay 10.000.000.000 đồng. Thời hạn vay 60 tháng. Nợ gốc phải trả vào ngày 11/7/2013 là 10.000.000.000 đồng; Lãi suất vay tại ngày 31/12/2013 là 15%/năm; Khoản vay này được đảm bảo bằng công trình xây dựng (đường lộ 6m dài 20km) và rừng trồng kinh tế (300ha rừng cây keo lai giảm hom trồng từ năm 2001, 2002); Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2013 là 10.000.000.000 đồng, cũng chính là nợ dài hạn đến hạn trả.

Theo hợp đồng số 12/01/CPLNTT/NG/HĐTG ngày 27/8/2012 với hạn mức tín dụng là 60 tỷ đồng; mục đích vay: bù đắp một phần chi phí đã chi và chi phí đầu tư mới phục vụ thực hiện dự án tổng thể đầu tư trồng, cải tạo và khai thác 3.162,8 ha rừng nguyên liệu trên địa bàn tỉnh Đăklăk; thời hạn vay: 84 tháng (thời gian ân hạn: 12 tháng); Nợ gốc được trả theo thời gian

được quy định trong hợp đồng; lãi suất vay được điều chỉnh theo thông báo từ Ngân hàng cho từng thời kỳ và được trả lãi hàng quý (lãi suất vay tại ngày 31/12/2013 là 12%/năm). Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay với giá trị đảm bảo theo hợp đồng thế chấp số 01/2012/CPLNTT/NG/HĐTC ngày 27/8/2012 là 99.634.000.000 đồng và giá trị gia tăng theo quá trình đầu tư còn lại. Số dư nợ vay đến 31/12/2013 là 52.400.000.000 đồng, trong đó, phần nợ dài hạn đến hạn trả là 5.000.000.000 đồng.

Theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 08/51/VN/NHNT ngày 15/12/2008 với số tiền là 10 tỷ đồng; Hạn trả nợ đợt cuối là ngày 15/12/2013; Mục đích sử dụng nhằm đầu tư xây dựng nhà máy gạch tuynel; Lãi suất vay 1,2%/tháng; Tài sản đảm bảo nợ vay là dây chuyền sản xuất gạch tuynel nhãn hiệu Handle theo hợp đồng thế chấp số 08/51/NV/HĐTC ngày 15/12/2008; Tài sản hình thành sau đầu tư (toàn bộ nhà xưởng, nhà máy sản xuất gạch nung), quyền sử dụng đất thửa đất rộng 6,1 ha tại tiểu khu 960 thuộc lâm phận của Công ty Lâm nghiệp Phước An theo hợp đồng thế chấp số 08/51/NV/HĐTC.SĐT ngày 15/12/2008 và hợp đồng bảo lãnh vay vốn số 08/51/NV/HĐBL ngày 15/12/2008 của Công ty CP Trường Thành. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2013 là 4.447.850.000 đồng và cũng chính là nợ dài hạn đến hạn trả. Số dư này đã quá hạn thanh toán.



Theo Hợp đồng số 06/TH.TT/NG/NHNT ngày 25/7/2006 và hợp đồng số 01/DATT/NHNT ngày 16/4/2008 để xây dựng nhà làm việc, nhà xưởng chế biến gỗ, đầu tư máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh thuộc dự án nhà máy và đầu tư mở rộng kho chứa nguyên liệu, lò sấy, xây dựng khu nhà tập thể công nhân. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay và quyền sử dụng đất thuê với giá trị ước tính là 68.101.000.000 đồng. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2013 là 187.238.173 đồng, cũng chính là nợ dài hạn đến hạn trả.

Vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Yên:

Theo các hợp đồng vay và phụ lục đính kèm với lãi suất từ 10.5%/năm đến 18%/năm, thay đổi định kỳ 3 tháng/lần theo thông báo lãi suất, với thời hạn vay từ 60 tháng đến 84 tháng. Các khoản vay này được đảm bảo bằng dây chuyền sản xuất ván Particle Board, máy móc các loại, nhà xưởng 1.500m², xe ô tô tải Đông Feng, máy cưa Lipsaw, và các tài sản hình thành trong tương lai, gồm 3 hệ thống lò sấy gỗ, hệ thống cưa CD nhiều lưỡi, hệ thống hút bụi, máy nén khí, nhà chứa bụi và các máy móc thiết bị đầu tư mới với tổng giá trị là 2.599.134.000 đồng. Số dư nợ vay dài hạn đến 31/12/2013 là 5.454.000.000 đồng. Trong đó, phần ngắn hạn của khoản nợ vay dài hạn là 2.722.000.000 đồng

Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - Chi nhánh Bình Dương:

Theo Hợp đồng dự án đầu tư phát triển số 2012/2708/NMT/TTF/HĐTD ngày 27/8/2012 với số tiền là 30.000.000.000 đồng. Thời hạn vay là 84 tháng, thời hạn ân hạn trả gốc 12 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Mục đích vay là đầu tư trồng, chăm sóc và khai thác rừng nguyên liệu và cao su liên kết tại huyện Krông Păk, tỉnh ĐakLăk. Lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, lãi suất vay tại ngày 31/12/2013 là 14,6%/năm Tài sản đảm bảo khoản vay này là toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2013 là 22.190.750.000 đồng.

Theo Hợp đồng tín dụng số 001D09 ngày 16/01/2008 với số tiền vay là 115 tỷ đồng. Mục đích sử dụng là đầu tư xây dựng Nhà máy Chế biến Gỗ tại huyện Tân Uyên và thời hạn vay là 84 tháng. Lãi suất cho vay được thông báo cho từng thời kỳ, lãi suất vay tại ngày 31/12/2013 là 11,1%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay: Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có thuộc dự án "Đầu tư nhà máy chế biến gỗ tại huyện Tân Uyên" bao gồm nhà xưởng, nhà văn phòng, công trình kiến trúc, máy móc thiết bị, quyền sử dụng đất và các tài sản phát sinh từ dự án nói trên với trị giá dự kiến là 194 tỷ đồng. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2013 là 66.735.000.000 đồng, trong đó phần ngắn hạn của khoản vay dài hạn là 66.000.000.000 đồng.

Theo hợp đồng số 105D10 ngày 05 tháng 8 năm 2010. Số tiền vay là 30.848.400.005 VND. Mục đích vay là thanh toán chi phí hình thành tài sản cố định của Dự án Công ty Cổ phần Ván công nghiệp Trường Thành. Thời hạn vay là 72 tháng, thời hạn ân hạn trả gốc là 12 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên. Lãi suất được ghi nhận theo từng giấy nhận nợ, lãi suất tại ngày 31/12/2013 là 11,1%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là máy móc thiết bị theo Hợp đồng thế chấp số 218TC10 ngày 05/8/2010 với giá trị thế chấp là 16.301.298.608 đồng, máy móc thiết bị hình thành trong tương lai theo Hợp đồng thế chấp số 219TC10 ngày 05/8/2010 giá trị (dự kiến) là 30.534.972.240 đồng và toàn bộ các công trình xây dựng cơ bản hình thành trong tương lai có giá trị (dự kiến) là 11.515.075.000 đồng. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2013 là 23.385.262.842 đồng. Trong đó, bao gồm nợ dài hạn đến hạn trả là 6.695.516.000 đồng.

(17.2) Bao gồm:	Cuối năm	Đầu năm
Khoản thu nhập chưa thực hiện tương ứng với phần vốn góp của Công ty vào liên doanh Công ty TNHH Trồng Rừng Trường Thành OJI	28,459,240,342	32,111,763,116
Doanh thu chưa thực hiện khác	199,316,228	39,545,455
Cộng	28,658,556,570	32,151,308,621

18. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	735,000,000,000	393,736,060,000
Thặng dư vốn cổ phần	99,062,086,763	272,647,525,014
Cổ phiếu quỹ	(420,631,294)	(420,631,294)
Quỹ đầu tư phát triển	10,494,752,650	9,829,285,879
Quỹ dự phòng tài chính	3,767,885,040	3,767,885,040
Quỹ khác thuộc CSH	8,963,110	8,963,110
Lợi nhuận chưa phân phối	3,405,797,956	1,898,823,971
Cộng	851,318,854,225	681,467,911,719

Chi tiết tăng giảm vốn đầu tư và thặng dư vốn cổ phần:

Chỉ tiêu	Đầu năm	Tăng	Giảm	Cuối năm
(a) Vốn đầu tư của chủ sở hữu	393,736,060,000	341,263,940,000	-	735,000,000,000
(b) Thặng dư vốn cổ phần	272,647,525,014	(173,585,438,251)	-	99,062,086,763
Cộng	666,383,585,014	167,678,501,749	-	834,062,086,763

(a) Vốn đầu tư của chủ sở hữu đã tăng trong năm do:	Theo mệnh giá	Theo giá bán thực tế
Phát hành 16.116.997 cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu, thu bằng tiền gửi ngân hàng:	161,169,970,000	80,584,985,000
Phát hành 18.009.397 cổ phiếu cho các nhà đầu tư khác, thu bằng tiền gửi ngân hàng:	180,093,970,000	90,046,985,000
Cộng	341,263,940,000	170,631,970,000

(b) Thặng dư vốn cổ phần giảm trong năm do phát hành 34.126.394 cổ phiếu với giá bán là 5.000 đồng/cổ phiếu là 170.631.970.000 đồng và phí bảo lãnh phát hành là 2.953.468.251 đồng.

Cổ Phiếu	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	73,500,000	39,373,606
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	73,500,000	39,373,606
- Cổ phiếu thường	73,500,000	39,373,606
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	(16,564)	(12,648)
- Cổ phiếu thường	(16,564)	(12,648)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	73,483,436	39,360,958
- Cổ phiếu thường	73,483,436	39,360,958
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 10.000 đồng/cổ phần.
Mệnh giá thực tế đang lưu hành là 10.000 đồng/cổ phần.



VI. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	1,392,683,918,841	2,488,024,060,186
Doanh thu xuất hàng mẫu và tiêu dùng nội bộ	722,723,926	921,745,947
Doanh thu các hợp đồng thi công công trình	152,148,351,201	71,549,682,768
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4,791,181,052	64,216,936,488
Doanh thu từ chuyển nhượng rừng trồng	-	-
Cộng	1,550,346,175,020	2,624,712,425,389
Trừ các khoản giảm trừ doanh thu	(5,035,164,253)	(4,284,815,206)
Doanh thu thuần	1,545,311,010,767	2,620,427,610,183

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán thành phẩm và hàng hóa	1,144,251,822,574	2,221,124,237,818
Giá vốn xuất hàng mẫu và tiêu dùng nội bộ	722,723,926	921,745,947
Giá vốn thi công công trình	91,257,427,174	38,501,095,126
Giá vốn cung cấp dịch vụ	3,345,841,904	23,444,229,960
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	994,124,086	1,559,739,924
Cộng	1,240,571,939,664	2,285,551,048,775

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2,282,580,000	312,530,400
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	1,545,227,294	1,386,140,205
Lãi chênh lệch tỷ giá	1,425,739,619	3,975,589,889
Lãi thu do chậm thanh toán và công nợ vượt hạn mức	-	44,068,245
Thu nhập từ hoạt động góp vốn liên doanh phân bổ trong kỳ	3,652,522,825	4,413,465,080
Doanh thu hoạt động tài chính khác	13,660,953	70,039,231
Cộng	8,919,730,691	10,201,833,050

4. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	206,691,860,487	235,300,135,849
Lãi trả chậm thanh toán	2,783,353,121	417,996,824
Lỗ chênh lệch tỷ giá	8,397,992,271	4,567,174,621
Chi phí (hoàn nhập) dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	(885,800,545)
Phí ngân hàng	713,632,012	1,473,944,987
Chi phí tài chính khác	586,312,363	20,412,159
Cộng	219,173,150,254	240,893,863,895

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	1,588,693,727	1,415,124,031
Chi phí vật liệu bao bì	16,131,428	12,990,847
Chi phí khấu hao TSCĐ	95,116,876	176,257,036
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi, hàng mẫu	1,857,363,598	1,450,457,209
Chi phí xuất hàng	2,905,413,657	6,031,770,660
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4,229,656,879	5,705,515,766
Chi phí bằng tiền khác	1,931,502,241	3,643,564,491
Cộng	12,623,878,406	18,435,680,040

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	48,544,737,976	60,747,955,708
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	3,495,138,089	4,103,739,454
Chi phí khấu hao TSCĐ	3,105,870,249	5,007,945,890
Thuế, phí và lệ phí	5,203,370,187	3,782,963,403
Chi phí dự phòng	3,321,859,666	1,792,209,710
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7,568,026,770	3,984,180,745
Chi phí bằng tiền khác	6,351,854,942	9,628,629,397
Cộng	77,590,857,879	89,047,624,307

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập do nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	5,507,277,417	19,221,405,336
Thu nhập do bán phế liệu, công cụ dụng cụ	119,741,880	50,000
Thu phí lưu kho, tiền điện, tiền cho thuê mặt bằng, cho thuê xe,...	10,605,009,394	10,474,565,183
Thu nhập do phạt vi phạm	-	461,519,634
Thu nhập từ xử lý tài sản, các khoản công nợ không ai đòi	4,321,755,143	3,683,304,666
Thu nhập từ nhận bồi thường	332,883,541	-
Thu nhập từ hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	326,521,721
Thu nhập từ tiền khoản chi hộ tiền cơm, BHXH, BHYT, BHTY	-	2,858,006,399
Thu nhập khác	733,491,078	696,355,843
Cộng	21,620,158,453	37,721,728,782

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của TSCĐ, phế liệu thanh lý, nhượng bán	4,644,598,896	16,725,677,453
Các khoản tiền phạt vi phạm hành chính, phạt chậm nộp thuế, chậm nộp bảo hiểm	8,643,100,520	2,874,693,994
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang các dự án ngừng hoạt động, chi phí khấu hao của tài sản không hoạt động...	2,488,750,042	827,716,593
Chi phí liên quan đến việc cho thuê mặt bằng,...	10,604,211,181	9,847,895,616
Xử lý công nợ	245,531,416	33,400,000
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp bổ sung theo biên bản kiểm tra	128,967,039	-
Chi phí từ các khoản chi hộ tiền cơm, BHXH, BHYT, BHTN	-	2,810,387,870
Chi phí khác	2,043,324,362	780,754,763
Cộng	28,798,483,456	33,900,526,289

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp/(lỗ)	(4,693,124,438)	(2,902,491,010)
Trong đó:		
- Lợi ích của cổ đông thiểu số/(lỗ)	(8,562,489,059)	(5,398,862,069)
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	3,869,364,621	2,496,371,060
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ	3,869,364,621	2,496,371,060
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	51,008,903	33,953,936
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	76	74

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Báo cáo bộ phận

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- ▶ Chế biến gỗ
- ▶ Trồng rừng
- ▶ Khác
- Cho năm tài chính năm 2013

Đơn vị tính: triệu đồng

	Chế biến gỗ			Trồng rừng			Khác			Loại trừ			Hợp nhất	
	Năm 2013	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2012	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2012	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2012
Doanh thu thuần	1,491,078	2,586,949	3,754	1,624	50,479	31,855	-	-	-	-	-	-	1,545,311	2,620,428
Từ khách hàng bên ngoài	1,229,395	1,013,486	19,793	548	-	58,500	(1,249,189)	(1,072,535)	-	-	-	-	-	-
Ghiữa các bộ phận	2,720,473	3,600,435	23,547	2,172	50,479	90,355	(1,249,189)	(1,072,535)	(1,249,189)	(1,072,535)	(1,249,189)	(1,072,535)	1,545,311	2,620,428
Kết quả hoạt động kinh doanh	300,345	336,283	521	(504)	4,195	624	(321)	(1,527)	(1,527)	(1,527)	(321)	(1,527)	304,739	334,877
Kết quả của bộ phận	87,180	104,009	2,059	3,018	2,229	3,023	(1,254)	(2,567)	(2,567)	(2,567)	(1,254)	(2,567)	90,215	107,483
Chi phí không phân bổ	213,165	232,274	(1,538)	(3,521)	1,966	(2,399)	933	1,040	1,040	1,040	933	1,040	214,524	227,393
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính	6,163	6,242	7,130	2,514	3	7	(4,377)	1,439	1,439	1,439	(4,377)	1,439	8,920	10,202
Thu nhập tài chính	233,107	247,492	8,143	4,328	3,892	3,844	(25,969)	(14,771)	(14,771)	(14,771)	(25,969)	(14,771)	219,173	240,894
Chi phí tài chính	(3,470)	6,483	(1,541)	(669)	(1,168)	(856)	(999)	(1,136)	(1,136)	(1,136)	(999)	(1,136)	(7,178)	3,822
Lợi nhuận khác	-	-	(860)	(991)	(405)	(228)	-	-	-	-	-	-	(1,265)	(1,219)
Lãi, lỗ công ty liên kết	520	2,190	-	-	-	-	-	16	16	16	-	16	520	2,206
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(17,769)	(4,684)	(4,953)	(6,996)	(3,496)	(7,320)	21,526	16,098	16,098	16,098	21,526	16,098	(4,693)	(2,902)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(7,730)	(2,306)	(426)	(459)	(407)	(2,633)	-	-	-	-	-	-	(8,562)	(5,399)
Lợi nhuận thuần	(10,039)	(2,378)	(4,527)	(6,536)	(3,090)	(4,687)	(21,526)	(16,098)	(21,526)	(16,098)	(21,526)	(16,098)	3,870	2,496

	Chế biến gỗ			Trồng rừng			Khác			Loại trừ			Hợp nhất	
	Cuối năm	Đầu năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Đầu năm
Tài sản của bộ phận	4,115,959	3,716,390	269,889	261,963	63,858	63,367	(931,669)	(743,982)	(743,982)	(931,669)	(743,982)	(931,669)	3,518,037	3,297,738
Tài sản không phân bổ	2,968,092	2,717,696	132,779	122,096	63,858	63,367	(931,669)	(743,982)	(743,982)	(931,669)	(743,982)	(931,669)	3,518,037	3,297,738
Tổng tài sản	4,115,959	3,716,390	269,889	261,963	63,858	63,367	(931,669)	(743,982)	(743,982)	(931,669)	(743,982)	(931,669)	3,518,037	3,297,738
Nợ phải trả của bộ phận	2,968,092	2,717,696	132,779	122,096	63,858	63,367	(931,669)	(743,982)	(743,982)	(931,669)	(743,982)	(931,669)	3,518,037	3,297,738
Nợ phải trả không phân bổ	2,968,092	2,717,696	132,779	122,096	63,858	63,367	(931,669)	(743,982)	(743,982)	(931,669)	(743,982)	(931,669)	3,518,037	3,297,738
Tổng nợ phải trả	2,968,092	2,711,229	132,779	122,096	47,361	46,342	(577,785)	(375,357)	(375,357)	(577,785)	(375,357)	(577,785)	2,570,448	2,510,777
Chi phí mua sắm tài sản	18,391	38,571	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	18,391	38,571
Chi phí khấu hao	34,072	34,111	1,107	1,244	512	1,185	149	83	83	149	83	149	35,841	36,621

Bên cạnh những thông tin về hoạt động kinh doanh của các bộ phận dựa trên cơ cấu tổ chức hoạt động của Tập đoàn, những dữ liệu dưới đây còn trình bày các thông tin theo khu vực địa lý:

	Bình Dương			Daklak			Phú Yên			Khác			Loại trừ			Hợp nhất	
	Năm 2013	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2012	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2012	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2012	Năm 2012
Doanh thu thuần	2,066,216	2,525,591	622,860	1,030,655	55,220	48,196	50,204	88,520	(1,249,189)	(1,072,535)	1,545,311	1,545,311	1,545,311	2,620,428	2,620,428	-	-
Từ khách hàng bên ngoài	1,166,122	1,998,949	325,473	586,251	3,816	5,063	49,899	30,165	-	-	-	-	-	1,545,311	2,620,428	-	-
Ghiữa các bộ phận	900,094	526,643	297,386	444,404	51,404	43,133	305	58,355	(1,249,189)	(1,072,535)	-	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng	2,066,216	2,525,591	622,860	1,030,655	55,220	48,196	50,204	88,520	(1,249,189)	(1,072,535)	1,545,311	1,545,311	1,545,311	2,620,428	2,620,428	-	-
Kết quả hoạt động kinh doanh	259,636	272,307	35,027	55,550	5,457	6,207	4,940	2,339	(321)	(1,527)	304,739	304,739	304,739	334,877	334,877	-	-
Kết quả của bộ phận	70,874	82,956	14,385	21,549	4,524	3,984	1,685	1,562	(1,254)	(2,567)	90,215	90,215	90,215	107,483	107,483	-	-
Chi phí không phân bổ	188,762	189,352	20,642	34,001	932	2,223	3,255	778	933	1,040	214,524	214,524	214,524	227,393	227,393	-	-
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính	5,808	5,592	7,470	3,003	16	161	3	7	(4,377)	1,439	8,920	8,920	8,920	10,202	10,202	-	-
Thu nhập tài chính	183,898	184,187	58,948	68,923	1,298	1,446	997	1,110	(25,969)	(14,771)	219,173	219,173	219,173	240,894	240,894	-	-
Chi phí tài chính	(6,317)	1,971	303	2,852	(179)	(426)	(405)	(228)	(999)	(1,136)	(7,178)	(7,178)	(7,178)	3,822	3,822	-	-
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	(860)	(991)	(405)	-	-	-	(1,265)	(1,265)	(1,265)	(1,219)	(1,219)	-	-
Lãi, lỗ công ty liên kết	426	2,111	-	(114)	94	194	-	-	-	-	520	520	520	2,206	2,206	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3,929	10,616	(30,533)	(28,951)	(1,484)	(674)	1,869	8	21,526	16,098	(4,693)	(4,693)	(4,693)	(2,902)	(2,902)	-	-
Lợi ích cổ đông thiểu số	138	2,471	(8,939)	(8,538)	219	656	20	13	-	-	(8,562)	(8,562)	(8,562)	(5,399)	(5,399)	-	-
Lợi nhuận thuần	3,792	8,146	(21,594)	(20,413)	(1,702)	(1,329)	1,849	(5)	21,526	16,098	3,869	3,869	3,869	2,496	2,496	-	-

Đơn vị tính: triệu đồng

Các thông tin khác	Bình Dương		Daklak		Phú Yên		Khác		Loại trừ		Hợp nhất	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản của bộ phận	3,380,246	2,934,956	875,245	911,799	144,206	147,724	50,009	47,241	(931,669)	(743,982)	3,518,037	-
Tài sản không phân bổ												
Tổng tài sản	3,380,246	2,934,956	875,245	911,799	144,206	147,724	50,009	47,241	(931,669)	(743,982)	3,518,037	3,297,738
Nợ phải trả của bộ phận	2,293,375	2,017,425	749,893	758,780	81,615	84,509	23,350	25,420	(577,785)	(375,357)	2,570,448	2,510,777
Nợ phải trả không phân bổ												
Tổng nợ phải trả	2,293,375	2,010,958	749,893	758,780	81,615	84,509	23,350	25,420	(577,785)	(375,357)	2,570,448	2,504,310
Chi phí mua sắm tài sản	14,967	32,524	3,424	5,675	-	372	-	-	-	-	18,391	38,571
Chi phí khấu hao	24,004	23,889	10,064	10,820	1,620	1,735	3	94	149	83	35,841	36,621

1. CAM KẾT PHÂN CHIA LỢI NHUẬN HỢP TÁC KINH DOANH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty CP Lâm Nghiệp Trường Thành có các khoản cam kết phân chia lợi nhuận theo các hợp đồng hợp tác đầu tư như sau:

- Theo hợp đồng liên kết số 01/TTC-BQLM'DRAK ngày 22/10/2008 giữa Công ty và Ban Quản Lý Dự Án Rừng Phòng Hộ Núi Vọng Phu ("BQLDA") thì BQLDA đưa vào liên kết diện tích đất bao gồm nhưng không giới hạn 690,84 ha (được giao khoán cho các hộ dân theo chương trình 661) thuộc các tiểu khu 790, 786, 781, 759, 782, 762 nằm trên địa bàn hành chính của 04 xã: Cư M'ta, Ea Trang, EA M'Đoan và Cư Króa huyện M'Đrak tỉnh ĐakLak. Diện tích này sẽ đưa vào liên kết trồng rừng với Công ty cụ thể là: năm 2008 liên kết trồng mới 154,1 ha, năm 2010 liên kết trồng mới 118,7 ha, năm 2011 liên kết trồng mới 177,9 ha, năm 2012 liên kết trồng mới 139,8 ha, năm 2013 liên kết trồng mới 100,34ha. Ngoài ra, BQLDA góp không quá 20% vốn vào suất đầu tư đối với chu kỳ đầu không tính lãi suất từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước (số vốn này BQLDA cung cấp cho Công ty), những chu kỳ tiếp theo BQLDA sẽ dùng suất lợi nhuận thu được từ rừng liên kết tiếp tục đầu tư với tỷ lệ như ban đầu. Các hộ dân sẽ là người trực tiếp tiến hành trồng, chăm sóc quản lý bảo vệ và phòng chống cháy rừng được thực hiện cụ thể thông qua hợp đồng giao khoán. Lợi nhuận sẽ được phân chia theo nguyên tắc BQLDA 40% (trong đó BQLDA 10%, người dân 30%), 60% lợi nhuận còn lại Công ty và BQLDA sẽ chia theo tỷ lệ góp vốn, tỷ lệ phân chia doanh thu từ rừng đối với cây kinh tế khác ngoài keo lai giâm hom sẽ được các bên thỏa thuận chi tiết trong các phụ lục hợp đồng nhưng Công ty không hưởng thấp hơn tỷ lệ đã nêu trên.



Công ty không hưởng thấp hơn tỷ lệ đã nêu trên.

- Theo hợp đồng liên kết số 02/TTC-M'DRAK ngày 22/10/2008 giữa Công ty và Ban Quản Lý Dự Án Rừng Phòng Hộ Núi Vọng Phu ("BQLDA") thì BQLDA đưa vào liên kết diện tích đất khoảng 1.000 ha đất rừng phòng hộ, khoảng 1.200 ha đất rừng sản xuất và góp không quá 10% vốn vào suất đầu tư đối với chu kỳ đầu từ nguồn thu chỉ tiêu khai thác gỗ tự nhiên của BQLDA nếu có (số vốn góp này BQLDA cung cấp cho Công ty), những chu kỳ tiếp theo BQLDA sẽ dùng suất lợi nhuận thu được từ rừng liên kết tiếp tục đầu tư với tỷ lệ như ban đầu. Lợi nhuận sẽ được phân chia theo nguyên tắc BQLDA 10% lợi nhuận, 90% lợi nhuận còn lại Công ty và BQLDA sẽ chia theo tỷ lệ góp vốn, tỷ lệ phân chia doanh thu từ rừng đối với cây kinh tế khác ngoài keo lai giâm hom sẽ được các bên thỏa thuận chi tiết trong các phụ lục hợp đồng nhưng Công ty không hưởng thấp hơn tỷ lệ đã nêu trên.

• Theo hợp đồng liên kết số 03/TTC-CTLN M'DRAK ngày 22/10/2008 giữa Công ty và Công ty Lâm Nghiệp M'Drak thì Công ty Lâm Nghiệp M'Drak đưa vào liên kết diện tích đất 600 ha rừng phòng hộ thuộc 02 tiểu khu 797, 802 nằm trên địa bàn hành chính xã Ea Trang huyện M'Drak tỉnh ĐakLak và tham gia quản lý, tổ chức trồng chăm sóc quản lý phòng chống cháy rừng và các hoạt động khác theo quy trình kỹ thuật của Công ty. Doanh thu có được khi kết thúc mỗi đợt tĩa thưa/khai thác sẽ được phân chia theo tỷ lệ Công ty Lâm Nghiệp M'Drak 10% và Công ty 90%, tỷ lệ phân chia doanh thu từ rừng đối với cây kinh tế khác ngoài keo lai giảm hom sẽ được các bên thỏa thuận chi tiết trong các phụ lục hợp đồng nhưng Công ty không hưởng thấp hơn tỷ lệ đã nêu trên. Thời gian hợp đồng là 48 năm.

• Theo hợp đồng liên kết số 04/TTC-CTLN LAK ngày 12/3/2009 giữa Công ty và Công ty Lâm Nghiệp Lak thì Công ty Lâm Nghiệp M'Drak đưa vào liên kết diện tích đất khoảng 4.800 ha và góp khoảng 1,4 tỷ đồng vào suất đầu tư đối với chu kỳ sản xuất đầu (số tiền này từ nguồn vốn đã đầu tư vào 67,6 ha rừng trồng năm 2004 tại tiểu khu 1407 - 1415), số tiền từ định giá khu rừng trồng 161 ha tại các tiểu khu 1407 - 1408 sau khi hai bên thống nhất sẽ ghi vốn bổ sung. Tỷ lệ phân chia doanh thu (bằng tiền hoặc sản phẩm gỗ) sẽ được chia theo tỷ lệ Công ty Lâm Nghiệp Lak 7% doanh thu (sau khi trừ chi phí khai thác/chi phí tĩa thưa nhưng không bao gồm các khoản thuế theo quy định và tiền thuê đất "nếu có"), 93% còn lại (sau khi trừ chi phí như trên) sẽ chia theo tỷ lệ góp vốn giữa Công ty và Công ty Lâm Nghiệp Lak, tỷ lệ phân chia doanh thu từ rừng đối với cây kinh tế khác ngoài keo lai giảm hom sẽ được các bên thỏa thuận chi tiết trong các phụ lục hợp đồng nhưng Công ty không hưởng thấp hơn tỷ lệ đã nêu trên. Thời gian hợp đồng 50 năm.



2. SỰ KIẾN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Tập đoàn đang tiến hành các thủ tục pháp lý nhằm sáp nhập Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành (TTBD2) vào Công ty CP Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường số 03-12/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 8 năm 2012.

Trong năm 2013, Công ty CP Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành đang trong tiến trình hoàn tất các thủ tục liên quan đến việc góp vốn bổ sung vào Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành OJI bằng quyền cây trồng mới.

Ngoài sự kiện như đã nêu trên, Tập đoàn không có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán đòi hỏi phải thực hiện những điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

3. SỐ DƯ ĐẦU NĂM

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành, ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố số dư đầu năm cần phải được điều chỉnh và công bố trên Báo cáo tài chính. Số dư trên Bảng cân đối kế toán được trình bày lại như sau:

Một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán	Số dư 31/12/2012 đã kiểm toán	Số dư tại ngày 01/01/2013	Chênh lệch
B. NGUỒN VỐN			
(a) Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	48,408,988,160	54,875,755,428	6,466,767,267
Vốn khác của chủ sở hữu	3,677,165,140	-	(3,677,165,140)
Quỹ đầu tư phát triển	6,152,120,739	9,829,285,879	3,677,165,140
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	8,110,628,585	1,898,823,971	(6,211,804,615)
(b) Lợi ích cổ đông thiểu số	05,748,696,703	105,493,734,050	(254,962,652)
Tổng cộng ảnh hưởng đến NGUỒN VỐN	9,829,285,879	9,829,285,879	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	3,297,738,396,626	3,297,738,396,626	-

(a) Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp và các loại thuế khác theo biên bản kiểm tra thuế các năm 2009, 2010, 2011 và điều chỉnh tăng thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2012 do không được hưởng thuế suất ưu đãi đối với hoạt động kinh doanh chính.

(b) Điều chỉnh lợi ích cổ đông thiểu số đầu kỳ do giảm lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ tại Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (BD2)

VIII. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

1. Rủi ro thị trường

1.1. Rủi ro tiền tệ

Tập đoàn chịu rủi ro tỷ giá trên các giao dịch mua và bán bằng các đồng tiền tệ không phải là đồng Việt Nam. Các ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ ("USD").

Tập đoàn đảm bảo rằng mức độ rủi ro tiền tệ thuần được duy trì ở một mức độ có thể chấp nhận được bằng cách mua hoặc bán các ngoại tệ theo tỷ giá thực hiện tại thời điểm khi cần thiết để hạn chế sự mất cân bằng trong ngắn hạn. Ban Điều hành không thực hiện các giao dịch phòng ngừa rủi ro tiền tệ sau khi đã cân nhắc chi phí của việc sử dụng các công cụ tài chính phòng ngừa rủi ro có thể vượt mức rủi ro tiềm tàng của biến động tỷ giá.



Rủi ro tiền tệ của Tập đoàn đối với USD là như sau:

Tài sản tài chính	Tại ngày 31/12/2013	
	USD	Tương đương VND
Tiền mặt và tiền gửi Ngân hàng	70,603.68	1,466,899,507
Phải thu khách hàng	7,059,832.92	147,368,784,281
Ký quỹ	42,284.06	891,221,133
Tổng cộng	7,172,720.66	149,726,904,921
Nợ tài chính		
Vay và nợ ngắn hạn	35,684,710.48	752,126,642,787
Phải trả người bán	392,427.69	8,271,198,484
Chi phí phải trả (Chi phí lãi vay)	624,153.22	13,156,525,724
Phải trả khác	100,000.00	2,107,700,000
Tổng cộng	36,801,291.39	775,662,066,995
Mức rủi ro tiền tệ	(29,628,570.73)	(625,935,162,074)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, nếu đồng Đô la Mỹ mạnh/(yếu) đi 5% so với đồng Việt Nam trong khi mọi biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận kế toán trước thuế của Tập đoàn cho năm tài chính sẽ (thấp)/cao hơn một khoản là (31.296.758.104) đồng Việt Nam do lãi/(lỗ) chuyển đổi tỷ giá trên số dư các công cụ tài chính bằng đồng Đô la Mỹ còn lại.

1.2. Rủi ro giá

Tập đoàn có các hoạt động đầu tư vốn vào các công ty niêm yết và chưa niêm yết và chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư này. Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến kết quả của các khoản đầu tư này bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của công ty được đầu tư và điều kiện thị trường. Ban Điều hành quản lý rủi ro liên quan đến yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư bằng cách chọn lựa các ngành nghề kinh doanh và các công ty để đầu tư. Yếu tố rủi ro liên quan đến điều kiện thị trường tự bản thân nó bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế chung của Việt Nam và các hành vi của các nhà đầu tư, nằm ngoài khả năng kiểm soát của Ban Điều hành. Những yếu tố này đã dẫn đến các điều kiện thị trường biến động nhiều trong những năm vừa qua.

1.3. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay của Công ty.

Tập đoàn quản lý rủi ro bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.



Với biến động lãi suất là tăng/(giảm) 2% thì:

	Tại ngày 31/12/2013
Tài sản có lãi suất	
Tiền gửi Ngân hàng	38,120,000,000
Cho vay (có lãi suất)	51,548,700,012
Tổng	89,668,700,012
<i>Tổng số dư Tài sản có lãi suất nhân với 2% (hai phần trăm): 1.793.374.000 đồng (A)..</i>	
Nợ phải trả có lãi suất	Tại ngày 31/12/2013
Các khoản vay	1,981,710,661,647
Các khoản phải trả khác có lãi suất	-
Tổng	1,981,710,661,647

Tổng số dư Nợ phải trả có lãi suất nhân với 2% (hai phần trăm): 39.634.213.233 đồng (B).

Ảnh hưởng lãi/(lỗ) đến lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn do biến động lãi suất (với giả định mức biến động là 2%) là (A) - (B) = (37.840.839.233) đồng.

2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro Tập đoàn bị thiệt hại về tài chính nếu một khách hàng hoặc một đối tác của công cụ tài chính không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của họ, và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

► Phải thu khách hàng và phải thu khác

Mức độ rủi ro tín dụng của Tập đoàn bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm riêng biệt của từng khách hàng.

Ban điều hành đã thiết lập các chính sách tín dụng, theo đó, mỗi một khách hàng mới phải được phân tích kỹ về mức độ tín nhiệm trước khi Tập đoàn đưa ra các điều kiện và điều khoản giao hàng và thanh toán. Hạn mức mua hàng được thiết lập cho từng khách hàng, thể hiện khoản tiền cao nhất mà khách hàng có thể mua mà không cần phải có sự chấp thuận của Ban Điều hành. Khách hàng nào không được thông qua xếp hạng tín nhiệm chỉ có thể giao dịch với

Công ty với điều kiện trả tiền trước.

Tập đoàn sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với các phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại lớn cụ thể đối với từng khách hàng và mức độ thiệt hại tổng thể của nhóm tài sản tài chính tương tự, được xác định khi các rủi ro này có thể đã xảy ra nhưng chưa được phát hiện. Mức độ thiệt hại tổng thể được xác định dựa trên dữ liệu thống kê về thanh toán trong quá khứ của các tài sản tài chính tương tự.

► Số dư ngân hàng

Tập đoàn có số dư tiền gửi với các tổ chức tín dụng trong nước. Ban điều hành không nhận thấy một khoản thiệt hại nào đối với kết quả hoạt động của các tổ chức tín dụng này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó được trình bày trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Tập đoàn là tiền gửi Ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.



► Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị suy giảm giá trị

Tiền gửi Ngân hàng và các khoản đầu tư vào trái phiếu không quá hạn và không bị suy giảm giá trị là các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư vào trái phiếu phát hành ở các Ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao ở Việt Nam. Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác mà không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các công ty có quá trình thanh toán tốt cho Tập đoàn.

Các khoản phải thu khách hàng, trả trước người bán, phải thu khác và các khoản tạm ứng của Tập đoàn không quá hạn và không bị suy giảm giá trị là 402.888.950.475 đồng.

► Tài sản tài chính quá hạn và/ hoặc suy giảm giá trị

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được xác định là có suy giảm giá trị và sự tăng giảm của dự phòng giảm giá trị liên quan như sau:

Giá trị ghi sổ	Tại ngày 31/12/2013
Tổng gộp	12,438,397,235
Trừ dự phòng giảm giá trị	(10,974,239,326)
Giá trị thuần của khoản phải thu này	1,464,157,909
Dự phòng giảm giá trị	
Số dư đầu năm (01/01/2013)	(7,652,379,660)
Tăng (do trích lập dự phòng)	(3,321,859,666)
Giảm	-
Số dư cuối năm (31/12/2013)	(10,974,239,326)

3. Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh toán là rủi ro Tập đoàn ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Chính sách của Tập đoàn là thường xuyên giám sát các yêu cầu thanh khoản hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo Tập đoàn có thể duy trì dự trữ tiền mặt đầy đủ để có thể đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và trung hạn. Việc nắm giữ tiền mặt của Tập đoàn và dòng lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động được cho là đầy đủ để có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn trong năm tài chính tới của Tập đoàn.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

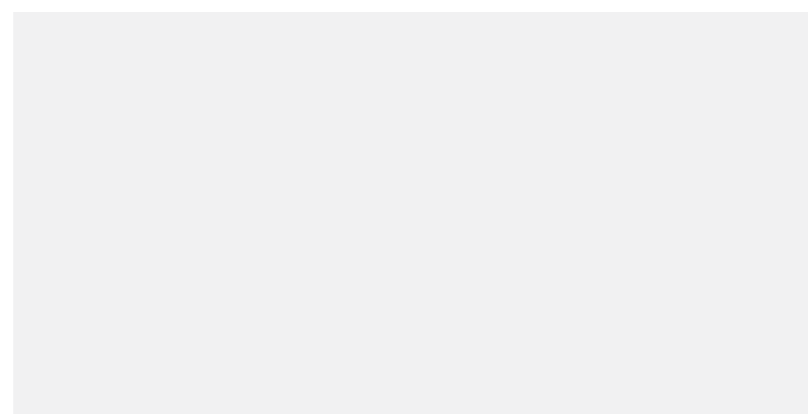
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	Dưới 01 năm	Từ 01 đến 05 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	1,859,156,824,212	122,553,837,435	1,981,710,661,647
Phải trả người bán	119,146,259,513	-	119,146,259,513
Người mua trả tiền trước	48,770,457,639	-	48,770,457,639
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	56,404,664,722	-	56,404,664,722
Phải trả người lao động	24,262,186,026	-	24,262,186,026
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	310,287,876,696	1,000,000,000	311,287,876,696
Tổng cộng	2,418,028,268,808	123,553,837,435	2,541,582,106,243

Tập đoàn cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là khá cao. Tập đoàn tin tưởng có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

► Tài sản đảm bảo

Tập đoàn đã thế chấp, cầm cố hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, các khoản nợ phải thu sẽ hình thành trong tương lai cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn (thuyết minh tại mục số V.4, V.7, V.11.1, và V.17.1 - phần Thuyết minh các Báo cáo Tài chính hợp nhất).

Tập đoàn nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 là toàn bộ tài sản thuộc quyền sở hữu của cá nhân đi vay và tổ chức đi vay tại thời điểm trước và sau khi nhận nợ.



► Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn, tiền gửi Ngân hàng và các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác là gần bằng với giá trị của chúng.

Dưới đây là chi tiết giá trị hợp lý của các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn:

Tại ngày 31/12/2013	Giá trị sổ sách	So sánh giá trị thuần với giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	Dự phòng
		Tăng	Giảm		
Đầu tư ngắn hạn					
Tiền gửi có kỳ hạn	38,120,000,000	-	-	38,120,000,000	-
Cho vay ngắn hạn	51,548,700,012	-	-	51,548,700,012	-
Các đầu tư dài hạn					
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	96,930,473,000	-	(2,994,088,257)	93,936,384,743	-
Chứng khoán vốn chưa niêm yết (thuộc đầu tư dài hạn khác)	88,019,084,766		(12,330,959,264)	75,688,125,502	(12,330,959,264)
Tổng cộng	274,618,257,778	-	(15,325,047,521)	259,293,210,257	(12,330,959,264)

Bình Dương, ngày 30 tháng 3 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU

ĐỖ NGỌC NAM

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN NGỌC LỄ

TỔNG GIÁM ĐỐC



VÕ TRƯỜNG THÀNH

Quý Cổ đông và Đối tác cần tham khảo thêm **BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN CỦA CÔNG TY MẸ** vui lòng tìm trên www.truongthanh.com; mục Cổ đông; tiểu mục Báo cáo Tài chính

MGM GRAND HỒ TRÀM BEACH

Hạng mục: Trang trí Nội thất

Địa điểm: Xuyên Mộc, Bà Rịa Vũng Tàu

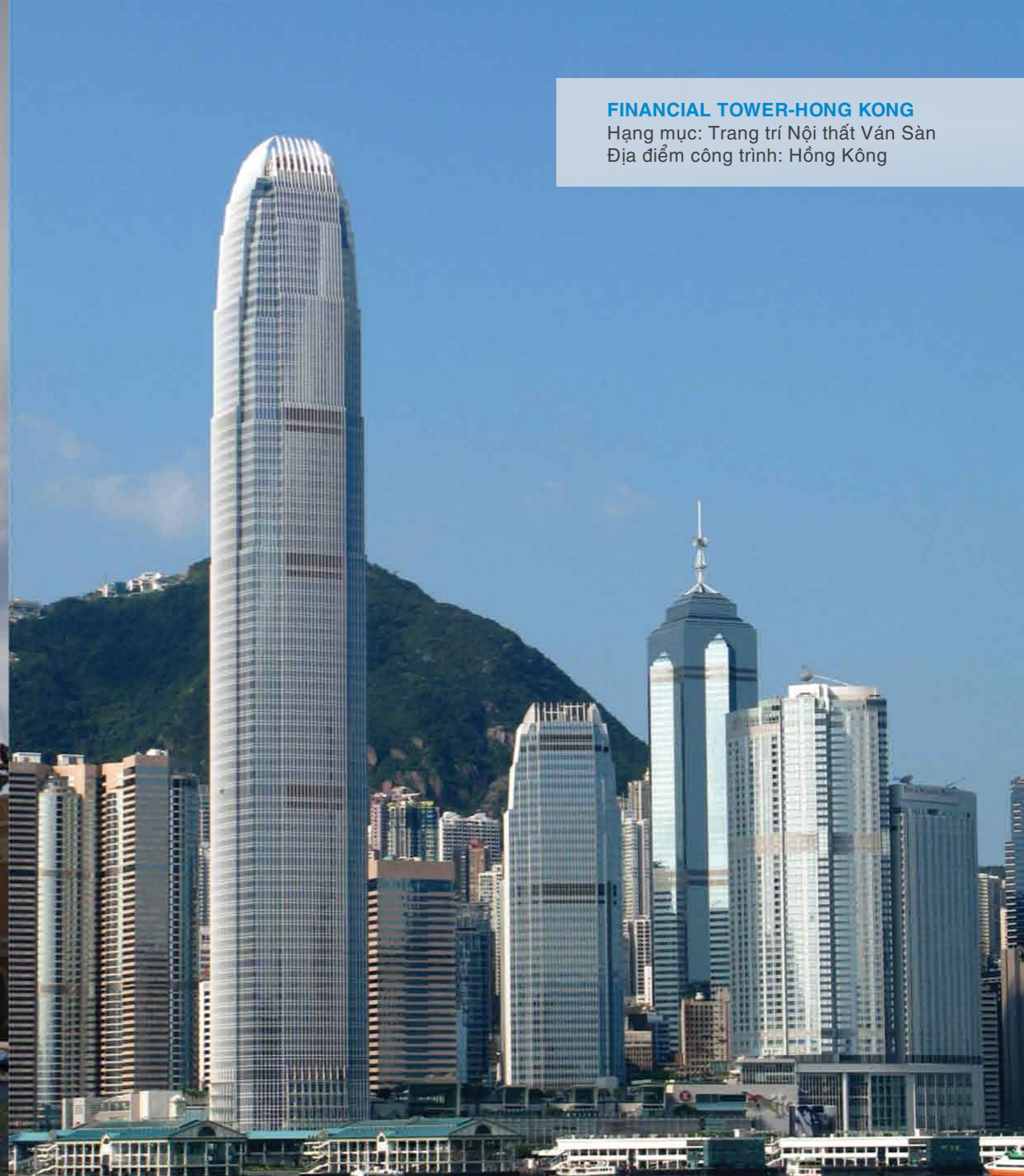


HÌNH ẢNH SẢN PHẨM VÀ CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU DO TTF THI CÔNG

FINANCIAL TOWER-HONG KONG

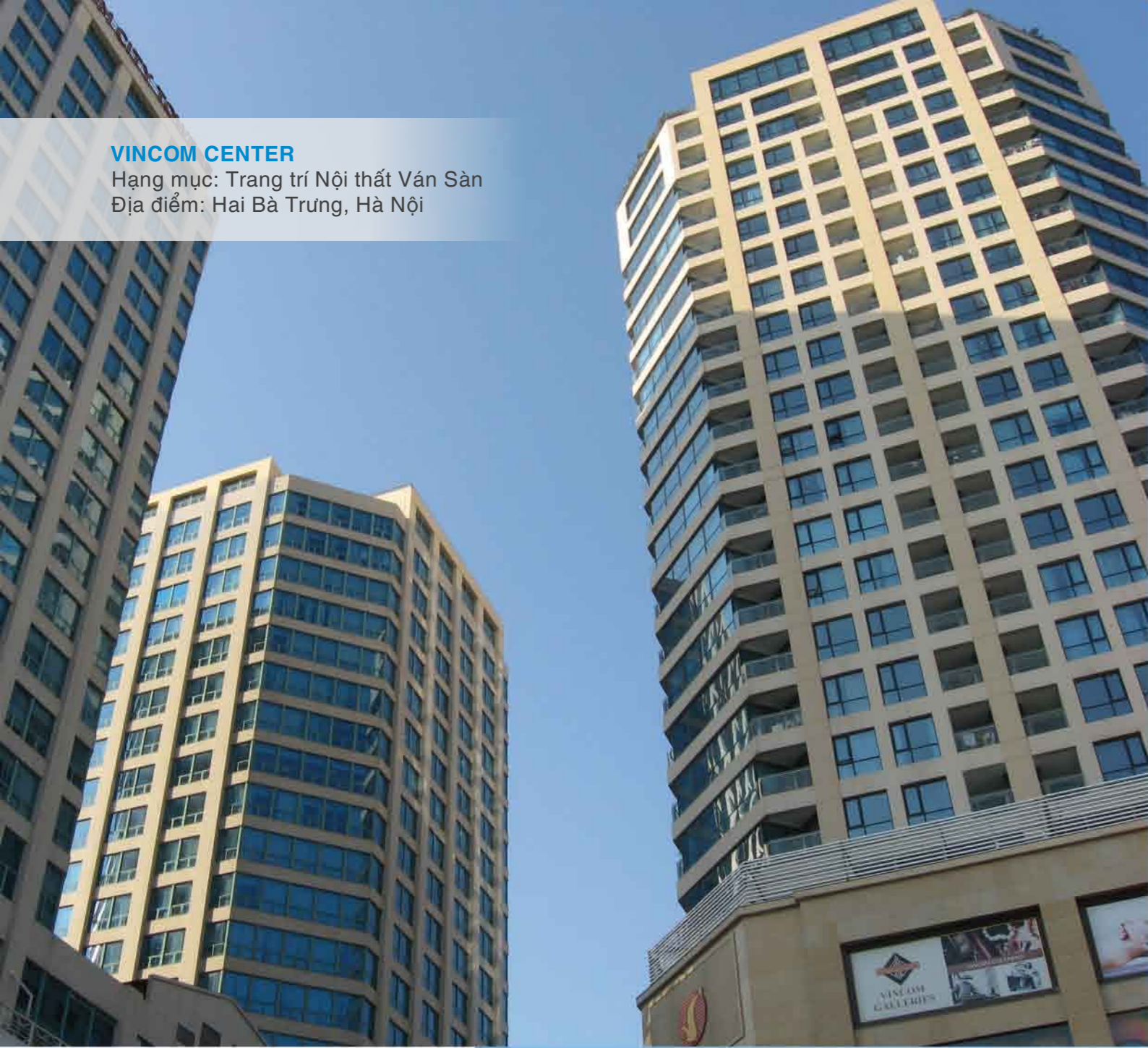
Hạng mục: Trang trí Nội thất Ván Sàn

Địa điểm công trình: Hồng Kông



VINCOM CENTER

Hạng mục: Trang trí Nội thất Ván Sàn
Địa điểm: Hai Bà Trưng, Hà Nội



KHU CHUNG CƯ PHÚ MỸ THUẬN

Hạng mục: Trang trí Nội thất Cửa
Địa điểm công trình: Nhà Bè, TP.HCM



KHU THƯƠNG MẠI, KHÁCH SẠN, VĂN PHÒNG, KHÁCH SẠN CAO CẤP - VINCOM CENTER - KHU B EDEN

Hạng mục: cung cấp & lắp đặt sàn
gỗ trong nhà, sàn decking chịu nước,
cửa gỗ indoor & outdoor
Địa điểm: Q.1, TP.HCM



VINCOM CENTER EDEN A

Hạng mục: Trang trí Nội thất
Địa điểm: Thành Phố .Hồ Chí Minh



RESORT 5 SAO VINPEARL NHA TRANG

Hạng mục: Trang trí Nội thất Ván Sàn

Địa điểm công trình: Nha Trang - Khánh Hòa





Vách ngăn trang trí bằng trụ gỗ mỹ thuật - Sân đón tiếp của Vinpearl Luxury Đà Nẵng



TÀU DU LỊCH 5 SAO AMALOTUS

Hạng mục: Trang trí Nội thất
Địa điểm công trình: TP.HCM



TÀU DU LỊCH 5 SAO THUYỀN VÀNG 9999

Hạng mục: Trang trí Nội thất
Địa điểm công trình: Thành phố Hạ Long





ROYAL CITY

Hạng mục: Cửa gỗ, Ván sàn gỗ Solid và Ván sàn gỗ kỹ thuật cao
Địa điểm: Thanh Xuân - Hà Nội



FURAMA VILLAS ĐÀ NẴNG

Hạng mục: Cửa, Lan can, Ban công, Diềm mái, Ván sàn, Cầu thang, Tủ bar, Tre trang trí, Decking chịu nước, nội thất Fitout và nội thất rời
Địa điểm: Trường Sa, Khuê Mỹ, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng



BÁO CÁO VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

I. CÁC CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA CÔNG TY:

- Trồng rừng để duy trì sự ổn định nguyên liệu cho ngành chế biến gỗ nói chung, và Công ty nói riêng;
- Trồng rừng để góp phần chống lại biến đổi của khí hậu và làm tăng mức sạch cho sinh quyển;
- Mua gỗ có nguồn gốc khai thác phù hợp theo các chuẩn mực quốc tế như Đạo luật Lacey của Mỹ, Hiệp định FLEGT của EU, hoặc gỗ từ rừng có chứng nhận FSC (rừng được quản lý theo các tiêu chí bền vững);
- Phát triển các sản phẩm đảm bảo an toàn cho người lao động và người sử dụng theo các tiêu chuẩn về an toàn (hoá học, cơ lý, đóng gói) trên thế giới;
- Phát triển dòng sản phẩm dùng phế phẩm trong ngành chế biến gỗ làm nguyên liệu nhằm hạn chế khai thác rừng làm phóng thích carbonic vào khí quyển
- Đào tạo, đào tạo và đào tạo
- Minh bạch với cổ đông và người lao động



Rừng trồng của TTF



Nguyên liệu



Sản phẩm Phòng ngủ

II. THỰC TẾ THỰC HIỆN:

- Tiến hành dự án trồng 100.000 ha rừng tại Việt Nam (Phú Yên, Dak Lak, Dak Nông) từ năm 2007. Đến nay, dù trải qua nhiều năm rất khó khăn về tài chính, Tập đoàn cũng đã trồng được 12.000 ha. Dự kiến sẽ tiếp tục trồng theo kiểu cuốn chiếu mỗi năm 2.000 ha. Khi tài chính mạnh mẽ sẽ trồng trên 5.000 ha/năm
- Công ty đã thiết lập và được đánh giá cấp chứng nhận C.O.C (truy nguyên nguồn gốc) – một tiêu chuẩn đối với nhà sản xuất dòng hàng có quyền treo nhãn FSC trên sản phẩm – từ hơn 12 năm trước. Do đó, Công ty đã tiếp cận được phần lớn các khách hàng lớn có chung tiêu chí phát triển bền vững trong kinh doanh sản phẩm gỗ. Ngoài ra, TTF còn gia nhập vào Mạng lưới kinh doanh lâm sản có trách nhiệm của WWF từ năm 2005 (là một trong 4 thành viên tự nguyện đầu tiên)
- 100% gỗ đã mua có nguồn gốc hợp pháp, trong đó khoảng 30% có chứng nhận FSC. Công ty đã vượt qua 100% các cuộc đánh giá của nhà mua hàng trên thế giới về nguồn gốc gỗ với đầy đủ tài liệu chứng minh và khả năng truy nguyên
- Để sản xuất ván nhân tạo cho ngành chế biến gỗ, Công ty đã không dùng keo có độc tố formaldehyde, mà chuyển qua dùng keo đạt tiêu chuẩn E0 của Châu Âu và F**** của Nhật Bản



- Trong khi trên thế giới và Việt Nam, có nhiều nhà sản xuất giấy phải dùng chip gỗ (dăm gỗ) lấy từ rừng 5-7 tuổi. Đây là hành động thu hoạch như là sản phẩm nông nghiệp, vô tình kích thích khai thác rừng non sớm hơn chu kỳ, làm phóng thích carbonic từ kho chứa là rừng non, đồng nghĩa với việc làm tăng carbonic trong sinh quyển và gây tổn hại tài nguyên đất đai. Trong khi đó, TTF dùng gỗ từ rừng đến tuổi khai thác phù hợp (ít nhất cũng trên 10 năm đối với gỗ Tràm/Keo), hoặc dùng phế phẩm từ sản xuất, mùn cưa, dăm bào để làm ván nhân tạo – quá trình chế biến này chỉ tạo ra ít hơn 10% phát thải thay cho 100% nếu sử dụng chúng làm chất đốt như thông thường
- Cung cấp ra thị trường những sản phẩm đạt tiêu chuẩn an toàn về cơ lý và hoá học (BS EN 581, BRC, CARB...), về đóng gói (ISTA)...
- Phát triển một số dòng sản phẩm với Sơn gốc nước không độc tố, cụ thể là hàng hoá xuất khẩu cho IKEA và dòng sản phẩm trẻ em cho một số thị trường
- Duy trì việc trao học bổng hàng năm cho Đại học Nông Lâm TPHCM khi có khả năng về tài chính
- Luôn tạo điều kiện cho các sinh viên trong nước và ngoài nước đến Công ty nghiên cứu, học hỏi và thực tập
- Thường xuyên tổ chức huấn luyện và đào tạo tại Công ty với tần suất tối thiểu 20 ngày mỗi năm cho mỗi người lao động
- Tuân thủ Luật Lao động của Việt Nam, của ILO và một số yêu cầu của khách hàng trên toàn thế giới

- Đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời cho cổ đông tối thiểu theo quy định của pháp luật. Tối đa hoá lợi nhuận cho cổ đông nhưng vẫn đảm bảo kinh doanh bền vững và có trách nhiệm với cộng đồng
- Thiết lập chính sách bền vững ngay cả cho nhà cung cấp và khách hàng của Công ty



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

Đường DT 747, Khu phố 7, Thị trấn Uyên Hưng, Tân Uyên, Bình Dương

Tel: (0650) 3 642 004

Fax: (0650) 3 642 006

Email: contact@truongthanh.com

Website: www.truongthanh.com

